VĂN HỌC

tạp chí
sáng tác
nhận định
văn nghệ

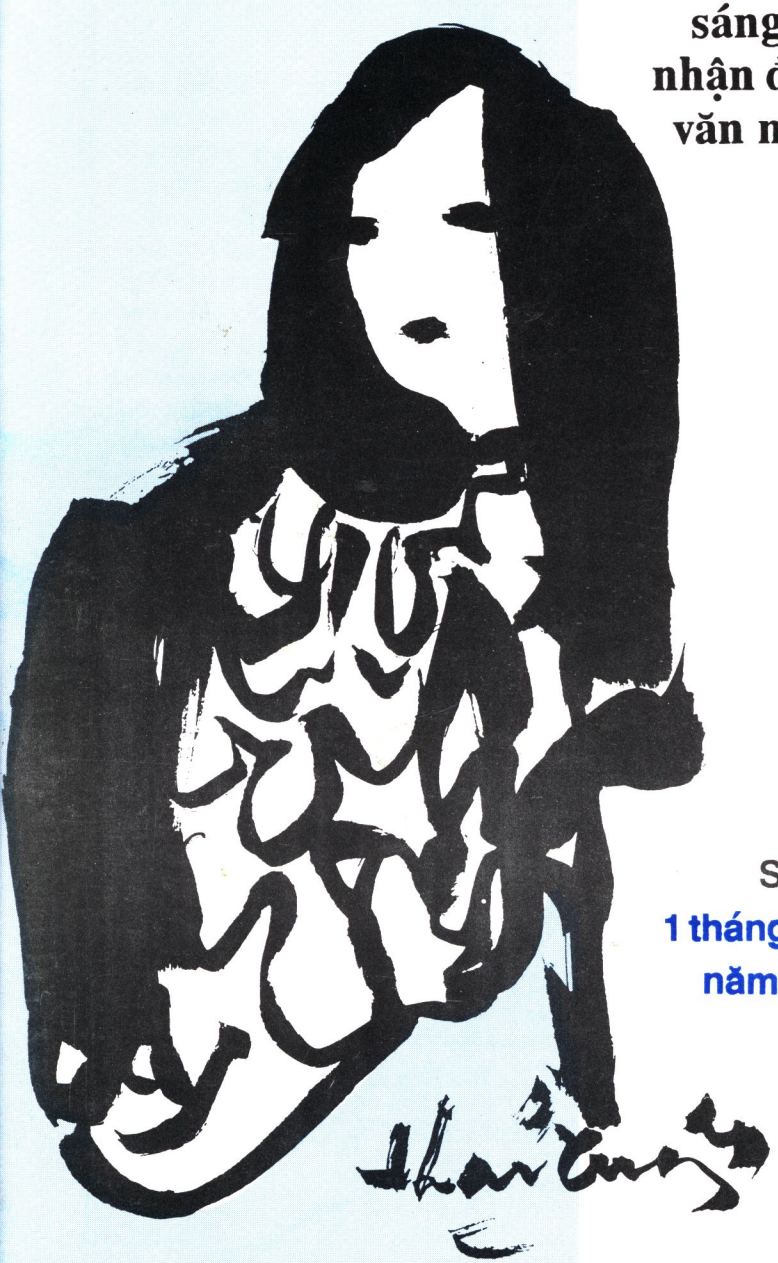

Số 51
1 tháng năm
năm 1990

VĂN HỌC

TRONG SỐ NÀY:

● **Nghiêm Xuân Hồng:** *biện chứng của loài bò sát* trang 1 ● **Hoàng Xuân Sơn:** *nam phổ* thơ trang 3 ● **Thụy Khuê:** *tiến trình văn học phản kháng từ 1980 đến 1990,* trang 4 ● **Trịnh Y Thư:** *chiều đứng bên sông,* thơ trang 16 ● **Trương Vũ:** *vài suy nghĩ liên quan đến văn chương phản kháng*, trang 17 ● **Thập Lang:** *sĩ phu và sinh mệnh dân tộc* trang 23 ● **Triều Hoa Đại:** *kinh đêm* thơ trang 29 ● **Chân Phương:** *phía mặt trời lặn*, truyện ngắn trang 30 ● **Ngữ An:**thơ trang 38 ● **Huy Lự c Bù i Tiế n Khôtkơ** trang 39 ● **Ngô Nguyên Dũng**: *đêm hóa trang* truyện ngắn trang 40 ● **Nguyễn Đức Tùng:** thơ trang 48 ● **Dương Như Nguyện:** *mùi hương quế* truyện ngắn trang 49 ● **Trân Sa:** *ngà y nà o là ngà y giỗ mứ* truyệ n ngắ n trang 56● **Trầ n vă n Tích:** *tỳ bà hành, một kiệt tác dịch thơ hán ra thơ việt* trang 65 ●**Thường Quán:** *đêm tháng giêng đọc bạch cư dị* thơ trang 84 ● **Lê Bi:** thơ trang 86 ● **Khế Iêm:** *trong một thoáng nhìn trời sao mà chuyển mộng* thơ trang 88 ● **Hoàng Khởi Phong:** *đọc cánh cửa của nhật tiến* trang 89 ● **Quỳnh Giao:** *căn nhà ngói đỏ của barbara, cảm nghĩ khi đọc tập truyện nguyễn xuân hoàng* trang 95 ● **Nguyễn Đức Lập:** *phong vũ tiêu tiêu...* chuyện dài trang 100 ● **giới thiệu sách báo:**

Chủ Nhiệm: Hoàng Khởi Phong
Chủ Bút: Nguyễn Đức Lập
Tổng Thư Ký: Cao Xuân Huy
Trình Bày: Khánh Trường
Đại diện Văn Học ở Âu châu: Mrs Lê Tất Luyện
15 Place Souham, 75013 Paris, France. Phone: 45.831.912
Đại diện Văn Học ở Úc châu: Nguyễn Khắc Phú
14 Lester Rd, Padstow
New South Wale 2211 Australia. Phone: (02)771.1770
Thư từ tiền bạc xin gửi về: Văn Học
P.O. Box 3192 Tustin CA 92680 USA
Phone: **(714) 544.7650**

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN - 0885 - 128X

NGHIÊM XUÂN HỒNG

biện chứng của loài bò sát

●

Tôi mới đọc cuốn Ly Thân của Trần Mạnh Hảo. Đó là một trong vài cuốn hiếm hoi tôi đọc của người Việt phía bên kia.

Tác giả mở đầu cuốn sách bằng mấy câu thơ khá hay:

Không có trời cao không đất sâu
Không không kết thúc chỉ ban đầu
Không trăng sao ấy không người ấy
Không biết đời tôi đặt ở đâu?

Rồi đi vào truyện. Chuyện kể lê thê nhưng xót xa, có lẽ trung thực... Kể chuyện một anh đảng viên Cộng sản làm nghề viết văn, tên Trần Hưng, lần lần bị ép buộc từ bỏ mối tình đầu (được kể rất thê thiết) với một cô bạn học tên Oanh. Rồi rơi vào bẫy sắp xếp của cấp trên, nên phải lấy một nữ cán bộ bần cố nông tên Lê thị Mộng Ruộng. Lần lữa bị ép viết những cuốn sách sai sự thực về cải cách ruộng đất và đấu tố... Sau cùng, phẫn uất tuyệt vọng nên liều lĩnh, bỏ vợ và ngồi viết lại đời mình với ngòi bút trung thực.

Người đọc dĩ nhiên cảm thấy xót xa cho tác giả. Nhưng đôi khi, cũng cảm thấy nhọc nhằn.

Vì sao?

Vì thấy xã hội mô tả trong đó vừa quá kệch cỡm vừa quá thê thảm. Kẻ có quyền thì nhân danh biện chứng lịch sử một cách kệch cỡm để bóc lột, còn kẻ áp bức thì thê thảm như không còn nhân tính. Một thiểu số vênh vang rình rập đớp mồi áp bức, còn số đông thu mình chịu đựng.

Xã hội ấy tưởng chừng không phải xã hội người, mà là một tập thể của loài bò sát.

•

Căn bệnh ung thư nhân – danh – biện – chứng – lịch – sử – triệt – hạ – nhân –phẩm ấy, từ bảy mươi năm qua, đã lan tràn che phủ gần một nửa trái đất.

Song nó cũng chỉ bắt đầu bằng mấy câu suy luận biện chứng của một tay phù thủy: Karl Marx.

Giữa thế kỷ XIX, Marx ngồi trong căn gác xép ở Berlin, suy gẫm về lịch sử... Không nhìn thấy lòng khao khát tự do, không nhìn thấy lòng nhân ái ở người. Chỉ nhìn thấy sự tham tàn cùng dục vọng thống trị... Nên vội vã nắm lấy tiền đề triết học duy vật, rồi vay mượn một chút biện chứng của Hegel, hạ bút viết: "Những người vô sản toàn thế giới là Phản đề lịch sử... Phản đề phải *tiêu diệt* Chính đề, thiết lập vô sản chuyên chính để tạo dựng thiên đường vô sản".

Từ mấy chục năm nay, nhiều người đã thấy rằng tiền đề duy vật không có giá trị về mặt nhận thức. Nhất là ngày nay, khoa học hạt tử đã gần như kết luận rằng: "Vật chất, tuy cụ thể như vậy, nhưng không có thực. Nó chỉ là hiện tượng của ánh – sáng – mắc – bẫy mà thôi (trapped light)". Đó là lời nói của nhà khoa học John Wheeler... Còn về biện chứng, thì không phải lúc nào con người cũng đầy thú tính thích chém giết lẫn nhau, mà thường khi là ưa thích tự do và muốn tương hỗ tương sanh với kẻ khác...

Nhưng không sao. Vào thời ấy, với lối suy tư hàm hồ nhưng cụ thể, Marx cũng đủ sức làm hoa – mắt – đám – đông, và trở thành ý hệ cho bọn người Bôn xê vích vốn chỉ khao khát quyền lực.

•

Nhớ lại trong cuốn "Bọn Người Quỷ Ám" (Les Possédés) Dostoievsky đã mô tả mẫu người Bôn xê vích qua nhân vật Pierre Stephanovich. Và qua lời một nhân chứng khác, ông từng tiên tri về phong trào Cộng sản: "Lúc đó, xã hội loài người sẽ chỉ chia làm hai hạng. Một tối thiểu số chuyên làm công việc áp bức. Và tối đại đa số chuyên làm kẻ bị áp bức. Kẻ bị áp bức chịu mọi nỗi thống khổ đầy ải... Song tối thiểu số kia cũng sẽ chịu đầy ải thống khổ, vì phải làm công việc đầy ải kẻ khác...".

Và hình như nhà thi hào Henri Heine cũng viết: "Lúc đó, thần linh cũng phải che mặt khóc hộ cho loài người". Những lời nói đó mô tả thiên đường

vô sản ở Nga sô, Việt nam, cùng thảm kịch của con người phải lên Thập tự giá. Thiên đường của một loài bò sát mù, không biết cười, có lẽ cũng chẳng biết suy tư, chỉ ngửi hơi rình rập, rồi phun lửa độc đớp mồi.

Khốn nỗi là người Bôn xê vích không thể nào tạo lập được "thiên đường" ấy, nếu không có sự tiếp tay của rất nhiều phần tử mệnh danh trí thức. Trí thức cơ hội, hoặc trí thức không tưởng nghĩ mình là cấp tiến...

Lúc này, thiên đường đương sụp đổ tan tành. Không hiểu người trí thức vong nô nghĩ sao đây?

HOÀNG XUÂN SƠN

nam phổ

●

Cô em Nam phổ tươi cười
Sớm mai quà gánh mời người chợ xa
Qua đồng vĩ dạ bao la
Mầu gương nượi mát như là gái xuân
Đường đi qua phố cũng gần
Bâng thêm một chuyến đò ngang nặng tình
Thương về cầu ngói rung rinh
Vườn cha đất mẹ gập ghềnh lối yêu
Thương em nắng cũng mỹ miều
Thương người cực nhọc quàng theo bạn hàng
Xuân nồng em có đảm đang
Đền em Nam phổ trăng vàng đọt cau

THỤY KHUÊ

tiến trình văn học phản kháng từ 1980 đến 1990

●

Người cầm bút, khi viết về đề tài gì, thường thường đều do sự thúc đẩy: với thi nhân, tiểu thuyết gia... thì là cảm hứng, còn với một số người khác, chữ "cảm hứng" có vẻ hơi thi vị và lãng mạn, không dùng được.

Hơn nữa, đôi khi sự thúc đẩy ấy lại đến từ những nghịch lý: "*trong thâm tâm không muốn viết về đề tài ấy*" hoặc là "mình không biết gì về đề tài ấy cả".

Tháng Tư 1988, tôi đã có dịp viết về phong trào "Nhân văn – Giai phẩm" trên Văn Học số 27, vì một lẽ: trong chuyến về thăm đất nước năm 84 ra đến Hànội, nói chuyện với bà con, họ hàng xa gần, không ai biết sự hiện hữu của "Nhân văn – Giai phẩm" những năm 55 – 60, và chính bản thân tôi cũng chỉ biết Nhân văn – Giai phẩm qua tập tài liệu của cụ Hoàng văn Chí.

Viết – trước khi gửi đến cho người khác – là nhắc nhở cho mình, phải đào sâu, phải tìm hiểu thêm về những điều mình chưa biết, hoặc đã biết một cách nông cạn.

Về văn học phản kháng trong nước hôm nay, cũng vậy. Tôi chỉ biết một cách rất hời hợt, qua những trang báo đọc được chỗ này một tý, chỗ kia một tý, những tác phẩm đã nổi tiếng rồi, được người này nhắc nhở, người kia tấm tắc khen hay. Nhưng chưa bao giờ có một ý niệm rõ ràng về những người hiện đang cầm bút viết nên những dòng văn chương, tư tưởng ấy.

Từ khi viết về Nhân văn – Giai phẩm, trong thâm tâm tôi vẫn hy vọng một ngày nào đó, chúng ta sẽ không còn phải bận tâm về một trào lưu văn học phản kháng và chính bản thân mình, sẽ có ngày được diễm phúc chỉ viết về một nền "Văn học Việt nam" ngắn và gọn.

Hai năm trôi qua, những biến chuyển sôi nổi đã thay đổi bộ mặt thế giới mỗi ngày, đem lại cho chúng ta bao đợi chờ, đã có những giây phút hân hoan, hy vọng, đã có những giây phút ngán ngẩm, chán chường.

Dù ở bờ này, bến nọ, mọi người đều hướng về đất nước, mong một phép lạ, một sự đổi đời.

Nhưng phép lạ chưa xảy ra. Sự đổi đời chưa ló dạng. Đó là động cơ thứ hai thúc đẩy tôi viết về một "*trào lưu văn học phản kháng*" mà tôi chưa biết rõ, nhưng được sự giúp đỡ chí tình về tài liệu của một vài bậc đàn anh, và với kỳ vọng, đây sẽ là khuynh hướng "*văn học phản kháng*" cuối cùng của dân tộc Việt.

Tình hình chung

Từ nhiều thập niên, nhà cầm quyền Việt nam có thói quen lạm dụng danh từ, những "tự do, dân chủ, dân làm chủ, cởi mở, cởi mở tư duy..." đầy dẫy trên thị trường chữ nghĩa của các công văn, diễn từ, chỉ thị. Mấy năm gần đây, giới lãnh đạo muốn "đổi mới" và "đổi mới theo đường lối của đảng" có nghĩa là chỉ đổi mới trên giấy tờ, đổi mới trừu tượng, đổi mới chưa được phép ngấm vào đời.

Tuy nhiên, đã có những ngòi bút chọc thủng giấy tờ, công văn, chỉ thị, để đưa đổi mới thực thụ vào đời, vào tác phẩm. Những bông hoa hiếm hoi ấy, tìm cách ngoi lên khỏi mặt đất phẳng lỳ của nền văn chương chỉ đạo, nói lên những cảm nghĩ chân thực của con người, dưới những bức bách, đe dọa của một chế độ độc tài, chuyên chế mà "*mỗi nhà văn, mỗi khi ngồi trước trang giấy là cùng một lúc phải cầm hai cây bút: một cây bút để viết cho người đọc bình thường, cho đời, một cây bút khác viết cho đạo, lo việc che chắn, viết cho lãnh đạo văn nghệ đọc. Mà cái ngòi bút thứ hai này – buồn thay – các nhà văn cầm lâu ngày để tự bảo vệ mình cho nên cũng lắm kinh nghiệm, mà cũng tài hoa lắm!*".

(Hãy đọc lời ai điếu cho một nền văn nghệ minh họa)

(Nguyễn Minh Châu, Văn Nghệ 49 – 50 Mười Hai 87)

Sau Nhân văn – Giai phẩm, miền Bắc đã cúi đầu, âm thầm, cân nín, chịu đựng trong một thời gian dài: sự trừng trị nặng nề Nhân văn – Giai phẩm và những cố gắng đổ dồn vào chiến tranh, là những liều thuốc an thần, đưa con người vào giấc ngủ, miên man qua bao tháng năm, không chống đối, không mộng mị...

1975, miền Bắc tiếp xúc với miền Nam, sự xum họp hai miền phơi bầy những sự thật "phũ phàng" mà xưa nay nhà cầm quyền muốn bưng bít:

* Sự thật "phũ phàng" thứ nhất là nếp sống, trình độ văn hóa của nhân dân miền Nam – với cả cái hay lẫn cái dở của nó – làm choáng mắt một cộng đồng người Việt bấy lâu nay sống trong những thành trì kiên cố của sự bế quan tỏa cảng vật chất lẫn tinh thần.

1975, đất nước không còn phân chia, dân Việt nhận diện ra những sự thực mới, những ảo tưởng chấm dứt, những giấc ngủ dưới áp lực của thuốc an thần không còn hữu hiệu: con người thức tỉnh và suy nghĩ về bản thân mình, bản thân chế độ.

* Sự thức tỉnh và suy nghĩ của con người là sự thật "phũ phàng" thứ nhì đối với nhà cầm quyền.

Rồi những năm trôi qua, bệnh tình của đất nước không hề thuyên giảm, chế độ tù cải tạo, kinh tế mới, đưa đến sự bành trướng hận thù và chia rẽ. Hàng đoàn người bỏ xứ ra đi. Kinh tế trì trệ vì những dự án sai lầm về sự cô lập với quốc tế vì chiến tranh Kampuchea dẫn đến hiện trạng khô cạn của toàn mạch hệ thống thần kinh nuôi dưỡng đất nước và con người. Hậu quả là sự đổ vỡ toàn diện của một đất nước hòa bình và thống nhất trên thực tế, nhưng không có được hòa bình và thống nhất trong lòng người.

Vài nhận xét về Nhân văn – Giai phẩm

Những thay đổi về chính trị ở Liên sô luôn luôn đem lại hậu quả trực tiếp ở các nước đàn em.

Krouschev hạ bệ Stalin ở Hội nghị lần thứ 20 của đảng Cộng sản Liên sô, lật đổ thần tượng với những tội trạng khủng khiếp thủ tiêu hàng vạn đảng viên và quân nhân đối lập, lưu đầy các dân tộc thiểu số, u tối trong việc điều khiển chiến tranh.

Từ Hội nghị lần thứ 20 của đảng Cộng sản Liên sô, nhà cầm quyền Liên sô tuyên bố bãi bỏ quan niệm thần tượng hóa lãnh tụ, tiến tới xã hội chủ nghĩa bằng đường lối hòa hoãn hơn, "nới rộng" hơn, sẽ "dân chủ hóa" xã hội, và sẽ lãnh đạo "tập thể"...

Các nước đàn em tiếp nhận và rập khuôn thi hành đường lối của Liên sô: Bắc kinh đưa ra khẩu hiệu "Trăm hoa đua nở", cho phép nghệ sĩ được "tự do nói lên những sai lầm của lãnh đạo".

Hànội theo sát hành trình của Liên sô và Trung quốc: cũng cho phép báo chí "cởi mở": phong trào Nhân văn – Giai phẩm thành hình.

Khi vụ Budapest bùng nổ, Khrouschev vội vã trở về với chính sách đàn áp khủng bố, và ở các nước Cộng sản đàn em, diễn biến cũng xảy ra tương tự: đàn áp và thanh trừng.

Ba mươi năm trước, Nhân văn – Giai phẩm, là một phong trào nhiều nhà văn, nhà báo, nhà tư tưởng cùng đứng lên, dựa vào nhau để đòi hỏi tự do dân chủ.

Sự phản kháng của Nhân văn – Giai phẩm như ngọn lửa bùng lên, đòi áo ấm, cơm no, tự do, hạnh phúc, những quyền lợi thiết yếu của con người.

Tuy nhiên, sau thời kỳ phong kiến, Pháp thuộc, người dân chưa có kinh nghiệm thực sự về tự do, dân chủ. Sách báo hãy còn hiếm hoi, chưa có điều kiện để thấm nhuần sâu xa ý niệm tự do, dân chủ.

Sống dưới thời Pháp thuộc, tuy bị hà hiếp, người dân còn có một ít tự do tương đối, còn có một chút phong lưu tương đối, và cái nghèo đói, bất công thời Pháp thuộc, tuy khủng khiếp qua các tác phẩm của Nam Cao, Ngô Tất Tố, Nguyên Hồng, Tô Hoài... cũng vẫn chỉ là tương đối.

Cách mạng thành công, ảo ảnh áo ấm, cơm no không đến và tự do siết lại mỗi ngày.

Những tác phẩm thời Nhân văn – Giai phẩm ấp ủ hoài vọng một thứ hạnh phúc tương đối vừa mới mất của những *con người mới bước vào gian khổ của cuộc sống thiếu tự do, mới bị đói rét, khó khăn và đau khổ.*

Văn học phản kháng những năm 55 – 60, như một ánh lửa của trực giác, mãnh liệt, nhưng dễ bị dập tắt vì những ý thức chưa ăn sâu vào quần chúng và vào chính bản thân những văn nghệ sĩ phản kháng.

Tính chất của văn học phản kháng hiện tại

Những năm gần đây, văn học phản kháng không phải là một phong trào. Không bùng lên như một ngọn lửa, nhưng là những đợt sóng ngầm, những lớp địa tầng, sửa soạn chuyển mình, ấp ủ những suy tư chín mùi của những con người đã sinh ra hoặc đã trưởng thành trường kỳ luân lạc trong đói rét, thiếu thốn, hy sinh và đau khổ, trên nhiều miền đất nước, qua nhiều lãnh vực của nghệ thuật và tư tưởng.

Văn học phản kháng hiện nay là tiếng kêu tuyệt vọng của thế hệ trí thức trung niên và trẻ, *thấm nhuần tư tưởng Cộng sản*, trước sự đổ vỡ, tha hóa

của con người dưới chế độ độc tài, mục rữa vì những tệ đoan xã hội, chồng chất những quyết đoán bất công, u tối và sai lầm từ nhiều thập kỷ.

Những bài nghị luận phê bình lãnh đạo hiện diện những ngòi bút sắc bén, đôi khi lý luận bằng chính hệ thống triết học trong tư tưởng Cộng sản, tìm đến cội nguồn của sự sai lầm trong nền văn học chỉ đạo, bằng lối suy luận có hệ thống vững chãi và sâu xa: Hoàng Ngọc Hiến, Nguyễn Minh Châu, Nguyên Ngọc, Hồ Ngọc...

Trên địa hạt sáng tác, xuất hiện nhiều nét đặc thù:

– Những quằn quại của con người khát khao tìm mà chưa từng được biết hạnh phúc (*Thời Xa Vắng*, Lê Lựu. *Bên Kia Bờ Ảo Vọng*, Dương Thu Hương. *Thiên Sử*, Phạm thị Hoài...).

– Cái nhìn bất lực của con người trước sự tan rã của những tâm hồn lành mạnh trong một môi trường mục rữa (*Hồn Trương Ba, Da Hàng Thịt*, Lưu Quang Vũ).

– Nét cay độc và sâu sắc của những người đã thấy giữa "có nhân" và "phi nhân" không còn giới tuyến, đả phá đến tận nền tảng chế độ đưa con người tới chỗ phi nhân (hiện tượng độc đáo Nguyễn Huy Thiệp).

– Lật lại quá trình của một chế độ, khai sinh trên đất nước với một lý tưởng cao đẹp: giải phóng quê hương, dìu dắt con người đến thiên đường hạnh phúc, nhưng trên đường đi đến "thiên đường" đã dùng mọi thủ pháp xảo trá để tiến bước, dẫm lên lý tưởng và đè bẹp con người, đưa dân tộc tới ngõ cụt ngày nay (*Ly Thân*, Trần Mạnh Hảo).

– Lật đổ hiện tượng thần thánh hóa chiến tranh với những nhân vật vĩ đại, anh hùng: có những người hèn của chiến tranh.

Đặt lại giá trị cuộc chiến Nam – Bắc như một cuộc nội chiến với bộ mặt thê thảm! Anh em tàn sát lẫn nhau.

Phán xét đấu tranh giai cấp như một sai lầm trầm trọng đưa đến hủy hoại con người, trong đó có cái phần dốt nát, vô học (dưới tên vô sản) đã đè bẹp cái phần trí thức, tư tưởng và tình cảm (dưới tên tiểu tư sản) (*Những Mảnh Đời Đen Trắng*, Nguyễn Quang Lập).

– Những tư tưởng đến từ những cái nhìn thăm thẳm vào con người, vào cuộc sống của chính những tâm hồn – sinh ra trong xã hội Cộng sản – nhìn và đánh giá sự thất bại của cái gia đình, cái xã hội đã hoài thai và mang nặng đẻ đau mình, bằng cái nhìn thẳng thắn đến độ lạnh lùng, gay gắt; để

thức tỉnh mọi người, để đổi thay hay cảnh giác xã hội, để tìm một lối thoát cho quê hương, đã cận đường, tuyệt lộ.

Những tư tưởng bắt nguồn từ những cỗi rễ sâu xa như thế, không dễ gì mà dập tắt cho được.

Diễn Biến

Từ 1980 đến 1985, là giai đoạn chống đối ngấm ngầm, trừ Cù Lao Tràm của Nguyễn Mạnh Tuấn, in năm 1984, nói lên cái sai lầm của quản trị địa phương, đưa đến những bất công xã hội, dường như không có tác phẩm quan trọng nào khác được in ra. Các bài thơ của Nguyễn Duy, kịch bản của Lưu Quang Vũ, phim ảnh của Trần văn Thủy, tiểu thuyết của Lê Lựu... đã hoàn thành nhưng vẫn còn ngủ yên trong hộc tủ.

Phải đợi đến khi Gorbachev thực hiện đường lối cởi mở ở Liên sô, nhà cầm quyền Hànội cũng bị dập khuôn: nới rộng.

Cùng lúc, tình hình kiệt quệ về kinh tế của đất nước đưa đến sự thất vọng của toàn thể mọi người.

Căn bản tư tưởng dựa trên sự lãnh đạo độc tôn của đảng bị lung lay.

1985 coi như là một chốt điểm: những thành phần trung kiên của đảng bắt đầu mất tin tưởng, nghi ngờ.

Văn nghệ sĩ trở từ thế *ngầm* sang thế *nổi*.

Đứng trước mọi khó khăn không khống chế được, ngày 18 tháng Mười Hai 1986, tại Đại hội đảng kỳ VI, đảng tuyên bố công khai cởi mở.

Nghị quyết của Đại hội VI công nhận những sai lầm cơ bản trên toàn bộ cơ cấu quản trị nhà nước và ban hành chương trình canh tân đất nước trong năm năm (1986 – 1990), với khẩu hiệu: "*khẳng định quyết tâm đổi mới công tác lãnh đạo của đảng*" dựa trên căn bản "*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra*".

Riêng trong lãnh vực tư tưởng, công nhận có sai lầm nghiêm trọng về chủ trương, *đã bộc lộ sự lạc hậu về nhận thức lý luận*, cần phải sửa đổi.

Sau Đại hội VI, không khí văn học trong nước dường như nới ra hơn, những tác phẩm "*không đúng khuôn phép*" lác đác được xuất bản. Thật ra, một phần vì nhà nước không đủ khả năng vật chất lẫn tinh thần để tập trung tất cả các tác phẩm tại trung ương, qua bộ máy kiểm duyệt toàn thể lãnh thổ. Phần thứ nhì, có những cán bộ lãnh đạo văn nghệ ủng hộ hoặc nhắm mắt làm ngơ cho những tác phẩm "*không đúng quy cũ*" được phát

hành, và có những nhà xuất bản chịu in những tác phẩm "*ngưu hiểm*" ấy. Nhà nước chỉ có thể cấm,... thanh trừng, sau khi in rồi.

Nguyễn văn Linh

Một năm sau, vẫn trong không khí "cởi trói" của Đại hội VI, Tổng bí thư Nguyễn văn Linh quy tụ khoảng một trăm nhà văn trong buổi hội thảo hai ngày 6 và 7 tháng Mười 1987.

Nguyễn văn Linh mở đầu buổi hội thảo bằng lời tuyên bố ngắn và gọn:

"*Tôi có một băn khoăn: hình như từ sau ngày giải phóng đất nước đến nay, những thành tựu văn học của chúng ta nghèo hơn trước, không biết có đúng thế không? Nếu không đúng như thế thì tôi mừng. Còn nếu đúng như thế thì tại sao?*

Hay do lãnh đạo có sự kiểm duyệt, sự hạn chế gì? Nếu có tình trạng ấy, tôi đề nghị có thể là một chủ đề để chúng ta trao đổi. Tôi mong được nghe ý kiến của các đồng chí".

Ông gợi ý để các nhà văn nói ra những ấm ức của mình và sau đó, trong hai ngày, Nguyễn văn Linh ngồi nghe các nhà văn phát biểu ý kiến, đọc những bài tham luận, đôi khi thiết tha, đôi khi nẩy lửa, đòi hỏi quyền tự do tư tưởng của người cầm bút. Sau cùng, Nguyễn văn Linh đọc một diễn văn dài năm mươi phút tổng kết ý kiến của các nhà văn và hứa hẹn sẽ thực hiện những điều họ đòi hỏi (tường thuật trên Văn Nghệ số 42 ngày 17 tháng Mười 1987).

Trong các bài tham luận đòi hỏi dân chủ và tự do tư tưởng đọc trước Nguyễn văn Linh ngày 6 và 7 tháng Mười 1987, có giá trị cao về mặt tư tưởng, phân tích tình hình văn học nước nhà, và có lý luận phê bình sắc bén, phải kể đến:

– Các bài tham luận của Nguyên Ngọc và Hồ Ngọc.

– Bài tham luận của Nguyễn Khắc Viện.

– và bài tham luận của Dương Thu Hương.

Tôi sẽ nói đến các bài này trong chương sau.

Trong bài diễn văn dài kết thúc buổi họp mặt, Nguyễn văn Linh tóm tắt ý tưởng của các nhà văn thành ba yếu tố:

1. Đảng coi thường giá trị của các nhà văn.

2. Sự lãnh đạo của đảng thiếu dân chủ, độc đoán, áp đặt.

3. Các cơ chế quản lý văn hóa văn học còn nặng nề, bất công, làm cho

đời sống văn nghệ sĩ khó thở, khó khăn, thiếu thốn, nên không thể sản xuất những nghệ phẩm tốt được.

Do đó: *Trong hơn mười năm qua, thành tựu của văn học, nghệ thuật hãy còn nghèo.*

Sau đó, Nguyễn văn Linh truy nguyên lý do tại sao văn nghệ nghèo đi và tìm cách giải đáp các vấn đề.

Lãnh đạo còn quá bảo thủ, cần đổi mới tư duy:

– Phải cởi trói, nhưng cởi trói như thế nào?

– Trước hết đảng phải cởi trói.

– và các nhà văn phải tự cởi trói lấy mình: "*Hãy tự cứu mình trước khi trời cứu*".

Nhà văn còn bị cấm đoán, sát phạt... còn sợ.

– Nhưng dù thế nào chăng nữa, "*các đồng chí cũng không nên uốn cong ngòi bút của mình*".

Sau đó, Nguyễn văn Linh đề nghị với văn nghệ sĩ:

– Nên viết cả việc tốt lẫn việc xấu.

– Bằng sự nhạy cảm của mình, nhà văn nên dùng chức năng dự báo xã hội, để tiên đoán và cải tạo xã hội.

– "*Tôi không phải là nhà văn nghệ, nhà báo nhưng "ngứa ngáy" quá nên tôi vừa mới viết "những việc cần phải làm ngay"* và Nguyễn văn Linh kết luận: "*Cửa Đại hội VI đã mở cho các đồng chí*".

Bài diễn văn của Nguyễn văn Linh chứa một nội dung bất ngờ. Không ai có thể tưởng tượng những lời như thế từ miệng ông Tổng bí thư. Văn nghệ sĩ hồ hởi ra về.

Nguyên Ngọc, Tổng biên tập tuần báo Văn Nghệ, tuyên bố với các báo Tuổi Trẻ và Tuần Tin Tức (bài này in trên Tuổi Trẻ số 123, ra ngày 24 tháng Mười 1987):

"*Cảm giác của chúng tôi sau đó hơi buồn cười, thế này: một mặt rất mừng, nhưng một mặt hơi hẫng. Mấy năm nay, nói đủ các thứ cả, bây giờ đồng chí tổng bí thư không những chấp nhận mà còn nói mạnh hơn*".

Và Nguyên Ngọc nói đến tình hình "nhập cuộc" ngay của tờ Văn Nghệ:

– Tăng cường phần chính luận trên báo: các nhà văn tham gia trực tiếp vào tất cả các vấn đề xã hội, khoa học, kinh tế.

– Từ trước đến nay trên báo chí chỉ có một loại bút ký ca ngợi một chiều.

Nay ông có ý định khôi phục lại thể văn phóng sự trên báo chí, đã chết sau Tam Lang, Vũ Trọng Phụng. Những phóng sự này có giá trị tố giác mạnh và hiệu quả.

Văn học trong nước hưởng thụ không khí cởi mở được một năm thì Nguyễn văn Linh thay đổi thái độ: trở lại đàn áp phong trào văn nghệ hiện thực đổi mới.

Quay về với ngôn ngữ độc tài trên phương diện chính trị và văn nghệ: chống đa nguyên, đa đảng, xác định một nền "*dân chủ phải có lãnh đạo*" và quần chúng "*nếu không tin vào đảng thì lấy ai lãnh đạo cach mạng*". Do đó: "*cơ quan ngôn luận mà làm cho quần chúng mất niềm tin vào đảng thì rất nguy hiểm*", và "*báo chí phải đóng vai trò là cơ quan ngôn luận của đảng*", về phương diện sáng tác: "*có sáng tạo đúng và có những sáng tạo lệch lạc*".

(tuyên bố của Nguyễn văn Linh, Đoàn Kết. Tháng Ba 1989, số 411).

Trong khi Đông Âu tiếp tục tiến, Nguyễn văn Linh và đảng Cộng sản Việt nam trở lùi: đàn áp văn học hiện thực phê phán xã hội vừa mới phát triển trong nước.

Nguyên Ngọc và báo Văn Nghệ

Tích cực nhập cuộc từ mùa xuân năm 1987, một năm sau, các báo Lao Động, Đại Đoàn Kết, Tuần Tin Tức, Sàigòn Giải Phóng, Thanh Niên, Tuổi Trẻ...

Văn Nghệ gây ảnh hưởng mạnh mẽ trong và ngoài nước, nhờ các bài lý luận, phê bình văn học giá trị và các phóng sự điều tra, bút ký, truyện ngắn, thơ... đăng rải rác trên báo trong suốt thời kỳ hơn một năm...

Văn Nghệ giới thiệu và nâng đỡ các tài năng trẻ, sau này trở thành những cây bút giá trị của văn học hiện thực phản kháng.

•

Đầu tháng Chín 1988, ban chấp hành hội Nhà văn họp hội nghị từ 5 đến 9 tháng Chín 1988, để "*giải quyết vấn đề*" của tờ Văn Nghệ.

Theo văn bản chính thức của Ban chấp hành gửi các báo, đăng trên Nhân Dân ngày 2 tháng Mười 1988, Đại hội đã nêu lên những "*tội trạng*" của báo Văn Nghệ như sau:

+ Nói chung, tình hình Văn Nghệ hiện nay có những lệch lạc cần phải uốn nắn, như một số lập luận:

– Phủ nhận văn học cách mạng và sự lãnh đạo của đảng đối với văn nghệ sĩ.

– Hạ bệ các thần tượng.

+ Tuần báo đã hai lần đăng bài gây ảnh hưởng xấu cho đồng chí Nguyễn Khải.

+ Hội Nhà văn không tán thành việc đăng truyện ngắn Phẩm Tiết, bài ký Tiếng Đất.

+ Báo đã đăng những ý kiến phủ nhận cả giai đoạn văn học trước đây, phủ nhận hội Nhà văn có cũng như không và ý kiến "chưa bao giờ văn nghệ sĩ bị khinh rẻ như bây giờ" (đăng mà không có ý kiến trao đổi lại).

+ Có ẩn ý về mối quan hệ không thể hòa hợp giữa nhà cầm quyền với cái đẹp nghệ thuật.

+ Có ẩn ý bôi nhọ người khác bằng lối văn chương tục tĩu.

+ Đăng truyện ngắn Năm Ngày (của Phạm thị Hoài), truyện này coi như hạ thấp nhân cách con người.

Và đại hội ra nghị quyết thanh trừng tờ Văn Nghệ:

"Vừa qua, tuần báo Văn Nghệ đã có một số đóng góp tích cực trong công cuộc đổi mới. Song bên cạnh đó, tờ báo đã có những khuyết điểm, lệch lạc nghiêm trọng.

Ban chấp hành giao cho ban thư ký uốn nắn, chấn chỉnh tờ báo Văn Nghệ về nội dung và tổ chức, nhằm nâng cao chất lượng của tuần báo Văn Nghệ theo hướng đổi mới".

Ngày 22 tháng Chín 1988, trong cuộc gặp gỡ với các báo và đài phát thanh do báo Tuổi Trẻ tổ chức, Nguyên Ngọc tường thuật diễn biến và bổ khuyết nội dung của hội nghị hội Nhà văn như sau (nguyên văn bài này không được công bố trên báo chí):

Theo Nguyên Ngọc, trong hội nghị có hai loại ý kiến:

+ Phần chê Văn Nghệ, chiếm đa số tương tự như ý kiến mà văn bản chính thức vừa nêu lên ở trên.

+ Phần khen, chiếm thiểu số, cho rằng: Văn Nghệ vừa qua có khởi sắc, có tác dụng trong công cuộc thay đổi xã hội, Văn Nghệ bắt đầu tạo được không khí dân chủ trong đời sống văn học. Văn Nghệ hiện nay không phải chỉ là tờ báo của hội Nhà văn nữa, mà nó trở thành tờ báo của nhiều tầng lớp xã hội, trở thành diễn đàn của nhiều giới trong quá trình tranh đấu dân chủ hóa xã hội.

Riêng nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm (tổng thư ký hội văn nghệ Bình Trị Thiên) cho rằng: khi nghe những báo cáo của tiểu ban nội dung, ông có cảm tưởng các nhà văn đã quay lưng lại cuộc đấu tranh xã hội hiện nay. Những gì báo Văn Nghệ làm trong thời gian qua, cho thấy rằng Văn Nghệ có ý thức trách nhiệm, lẽ ra phải là niềm tự hào của hội Nhà văn. Những gì xuất hiện trong văn học hiện nay chưa có gì đáng gọi là to tát, nhưng quan trọng là thái độ nhập cuộc và dấn thân. Báo Văn Nghệ có công lớn đối với đời sống văn học, đối với sự đổi mới trong văn học và đối với xã hội nói chung.

Nền văn học của chúng ta thực sự có những đổi mới, đã làm cho nhiều người hốt hoảng vì họ đã quen với một nền văn học "bị chỉ huy" trong nhiều năm qua.

Lê Chí cho rằng Văn Nghệ đã đả động đến những vấn đề nóng bỏng của xã hội, đến số phận hàng triệu con người. Do vậy, phải cẩn trọng trong cách nhìn và xử sự với nó.

Sau khi nghe tất cả các ý kiến phê bình báo Văn Nghệ, Nguyên Ngọc tuyên bố quan điểm của mình trước hội nghị của hội Nhà văn:

Theo ông, vì công cuộc đổi mới là vấn đề sống còn của đất nước nên văn học nhất thiết phải tham gia vào cuộc đấu tranh này. Chính quan điểm này đã chi phối báo Văn Nghệ từ ngày ông làm tổng biên tập. Ngoài ra, Văn Nghệ còn phấn đấu cho một nền văn học đa dạng. Và ông khẳng định: "*Dù tờ báo có nhiều sơ xuất nhưng "tuyệt đối không sai lầm về phương hướng và quan điểm*" và "*không ai có thể phủ nhận thành quả của báo Văn Nghệ qua sự bộc lộ thái độ công dân của nó trong cuộc tranh đấu vì dân chủ*".

Trước đó, ngày 13 tháng Chín 1988, Trần Độ, ủy viên Trung ương đảng, trưởng ban Văn hóa Văn nghệ trung ương đã tổ chức một buổi nói chuyện với ban thư ký của ngành văn học nghệ thuật thành phố Hồ Chí Minh. Trần Độ tích cực bênh vực khuynh hướng sáng tác đổi mới hiện thời và những thành quả của tờ Văn Nghệ.

Theo ông: "*Lãnh vực văn hóa văn nghệ là lãnh vực đặc thù, đòi hỏi phải có tự do, nên sự lãnh đạo của đảng trong lãnh vực này phải nhằm mục tiêu phát triển văn học nghệ thuật, bảo đảm tự do sáng tác. Không thể quay lại với cách quản lý, lãnh đạo cũ vì nó đã hạn chế tự do sáng tác*".

Nguyên Ngọc bị thanh trừng và bị cách chức tổng biên tập tờ Văn Nghệ ngày 2 tháng Mười Hai 1988 với một văn bản bằng miệng.

Trần Độ cũng bị thanh trừng sau đó.

Tháng Hai 1989, Nguyễn văn Linh xác định lập trường của tổng bí thư với báo chí:

"Báo chí phải phản ảnh tiếng nói của nhân dân, nhưng báo chí là công cụ của đảng để nói tiếng nói của đảng lãnh đạo nhân dân, đưa lẽ phải của đảng, nhà nước vào nhân dân, làm cho nhân dân hiểu rõ chính sách của đảng và pháp luật nhà nước để làm cho đúng".

(Đoàn Kết tháng Ba 1989 số 411, trang 42).

Bộ mặt độc tài của lãnh đạo đảng lại xuất đầu lộ diện, rõ ràng và mạnh mẽ hơn bao giờ.

•

Nghị quyết của ban chấp hành hội Nhà văn về vụ thanh trừng tờ Văn Nghệ và Nguyên Ngọc làm sôi nổi dư luận trong nước. Những phản ứng ủng hộ báo Văn Nghệ liên tiếp bùng lên: Trung tướng Trần Độ, ủy viên trung ương đảng, trưởng ban Văn hóa Văn nghệ trung ương, tiếp tục viết bài xác định lập trường đổi mới của mình. Kết quả: Trần Độ bị cách chức.

Các giới sáng tác trẻ họp hội thảo ở Hànội, rồi sau đó mười hai nhà văn, nhà thơ Sàigòn: Thu Bồn, Nguyễn Duy, Vũ Hạnh, Trang Thế Hy, Ý Nhi, Sơn Nam, Bùi Minh Quốc, Lý văn Sâm, Diệp Minh Tuyền, Nguyễn Hải Trừng, Mai văn Thọ ký thư ngỏ phản đối hành động của hội Nhà văn.

Nhà thơ Bùi Minh Quốc, trưởng phân hội Văn nghệ Lâm đồng tập hợp hơn trăm chữ ký của các nhà văn ủng hộ Nguyên Ngọc. Bùi Minh Quốc bị khai trừ khỏi đảng.

Báo Sông Hương (Huế) viết bài phản đối nghị quyết của hội Nhà văn. Đầu năm 1989, các báo Đối Thoại, Truyền Thông Kháng Chiến, Cánh Én và sau cùng Sông Hương bị đóng cửa.

Mặc dầu bị đàn áp, sự phản kháng dường như một khi bùng nổ, khó có thể dập tắt được: Trên các báo năm 1989 vẫn thấy rải rác các bài chống đối. Những tác phẩm văn nghệ phản kháng, xuất bản ngầm hoặc dưới giấy phép của những lãnh đạo văn nghệ không tuân theo chỉ thị của trung ương, vẫn tiếp tục và vận chuyển ra ngoại quốc bằng cách này hay cách khác.

Những tác giả như Dương Thu Hương, Nguyễn Huy Thiệp tuy bị công kích tứ bề, nhưng đảng vẫn không chính thức bắt phải ngừng viết, cấm in. Dường như, hậu thuẫn vững chắc của đại đa số quần chúng trong và ngoài nước đã có hiệu quả: đảng không thể trực tiếp đàn áp như thời kỳ Nhân văn – Giai phẩm được nữa.

(còn tiếp)

TRỊNH Y THƯ

chiều đứng bên sông

●

1.

Chiều xuống nặng dòng sông như ngừng chảy,
Rặng cây già ủ rũ ngó tuyết tan.
Gió se sắt lạnh. Vai run bồi nhịp thở,
Chảy về đâu nước trăm nhánh phân dòng?
Bao la bờ bãi ngoài vòng sinh diệt
Thoáng hiện về đốm lửa buổi tàn canh.
Giây phút đó ôi tạ ơn đời sống
Hãy giữ giùm nhau chút lửa ân tình.

2.

Cây nhân sinh. Mắt hoen hoen mê lộ
Niềm vui chỉ về dưới những hạt mưa thưa.
Tôi gánh hết chặng đời này và sau nữa
Nhưng biết về đâu, hỡi những con đường?
Chứa đựng dưới bầu trời trăm nghìn câu hỏi,
Và những điều phi lý như tình yêu.
Tôi chỉ mong đêm xuống thật đen tối
Để không còn nhìn thấy đôi mắt em.

3.

Niềm câm lặng là âm thanh nguyên diệu,
Rừng đổ nghiêng bần bật bên kia sông.
Vạch cây lá hồ thiêng chết thảm
Bóng trăm năm hư ảnh cũng tuyệt mù
Sóng gợn. Hồn bồng bềnh ngây tạnh,
Nước lênh đênh như buổi gặp tình cờ
Chìm khuất giữa quạnh hiu bờ lau lách
Một lần thôi sao nỗi nhớ cứ mênh mang

TRƯƠNG VŨ

vài suy nghĩ liên quan đến văn chương phản kháng

●

Những điều trình bày dưới đây là những suy nghĩ rời rạc của người viết về một vấn đề lớn mà Văn Học đã nêu ra trong số Xuân Canh Ngọ: VĂN CHƯƠNG PHẢN KHÁNG TẠI VIỆT NAM. Mặc dầu có liên quan đến tất cả bốn câu hỏi của Văn Học, những suy nghĩ này vẫn không phải là những câu trả lời trọn vẹn, do đó chỉ nên được xem là những góp ý nhỏ phụ thêm vào những bài trả lời công phu và giá trị của Nguyễn Mộng Giác và Nguyễn Đức Lập đăng trong Văn Học số tháng Ba 1990.

1. Có hay không có một nền văn chương phản kháng trong quốc nội?

Không ai có thể phủ nhận sự hiện diện của những sáng tác văn chương mang tính phản kháng tại quốc nội. Tính phản kháng được thể hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, như vài câu thơ có tính bình dân, một bài tham luận có tính trí thức, một truyện ngắn hay một truyện dài... và số lượng của những sáng tác thuộc loại này không phải là nhỏ. Sở dĩ có vấn đề đặt ra ở đây chỉ vì có sự nghi ngờ rằng cái "tính phản kháng" hàm chứa trong những sáng tác văn chương đó chưa chắc đã là phản kháng thật.

Dĩ nhiên, nếu biết chắc chắn tất cả đều là thật hay đa số là thật thì câu trả lời sẽ thật đơn giản: "Có, có một dòng văn chương phản kháng tại quốc nội". Cái lý do khiến câu trả lời không thể đơn giản như vậy phát xuất từ một nghi vấn có thể tóm tắt trong một câu nói sau đây: "Tất cả hay đa số những sáng tác mang tính phản kháng tại quốc nội có thể chỉ là ngụy tạo, nghĩa là, do nhà nước chỉ thị cho các văn nô của họ làm ra". Cái nghi vấn nầy mặc dầu có thể thông cảm được và mặc dầu khá phổ biến nó vẫn khó thể được chấp nhận là không vượt ra ngoài sự suy nghĩ thông thường. Thông thường, một chế độ Cộng sản, dù đang gặp khó khăn cách mấy về kinh tế, vẫn có thể bỏ ra những số tiền lớn để mua chuộc hoặc áp lực để

có được những bài bản ca tụng chế độ và lãnh tụ, dù ca tụng rất trơ trẽn, chớ họ không thể tự dưng bỏ tiền ra để trả công, mua chuộc, khuyến khích, hay áp lực người khác giả đò chửi lại chế độ, ngoại trừ những trường hợp đặc biệt sau đây:

- Vì e ngại những bất mãn quá lớn chất chứa trong lòng người dân có thể nổ bùng bất cứ lúc nào, những kẻ cai trị có thể khuyến khích người dân biểu lộ những bất mãn của mình bằng nhiều hình thức khác nhau, kể cả bằng văn chương, trong một giai đoạn nào đó đủ để họ giải tỏa những bất mãn đồng thời giúp kẻ cầm quyền kiểm soát được lòng trung kiên của những thành phần khác nhau. Nhưng, khi người dân biểu lộ những phản kháng trong một hoàn cảnh như vậy, họ có thể bị chê trách là nhẹ dạ nhưng khó thể bảo rằng những phản kháng của họ là giả tạo.

- Vì sự hiện hữu của một nền văn chương phản kháng đích thực đang tạo những ảnh hưởng nguy hiểm cho sự an toàn của chế độ, những kẻ cầm quyền có thể ra lệnh cho các "văn nô" viết những bài văn, bài thơ mang tính phản kháng giả tạo. Mục đích là để lẫn lộn cái thực với cái giả, để làm hoang mang người đọc, và để vô hiệu hóa những phản kháng thực. Chiến thuật này cũng có thể áp dụng cho trường hợp nêu ra ở trên.

Như vậy, dù dựa trên giả thuyết nào, phủ nhận sự hiện hữu của một dòng văn chương phản kháng tại quốc nội trong giai đoạn nay là một điều không hợp lý, nếu không muốn nói là tàn nhẫn đối với những người đã dám nói lên tiếng nói lương tâm của họ dù đang ở trong một hoàn cảnh vô cùng nguy hiểm. Lẽ ra, câu hỏi nên được đặt ra ở đây là: *Vì cái thật và giả có thể lẫn lộn với nhau, làm thế nào để phân biệt phản kháng thật với phản kháng giả?*

Trong suốt mười ba năm sống ở hải ngoại, tôi thường nghe những lời phê bình khắt khe dành cho người sáng tác nhưng lại rất ít nghe ai phê bình cung cách của người thưởng ngoạn, bao gồm cả người đọc sách lại là yếu tố quyết định cho một cuộc tranh đấu lớn, tranh đấu để sau cùng tiếng nói của lương tâm hay ngược lại, tiếng nói của bạo lực, sẽ thuyết phục được người dân. Đây là một cuộc tranh đấu thiếu công bằng. Vì lẽ, nếu người dân đọc cả hai loại tác phẩm phản kháng thật và phản kháng giả một cách nghiêm chỉnh thì cả hai đều có cơ hội như nhau để chinh phục họ. Nhưng, nếu người dân không đọc loại tác phẩm nào cả, hay đọc một cách thiếu nghiêm chỉnh, sự thiệt thòi chỉ về phía những người phản kháng thật. Những kẻ chủ trương bạo lực bao giờ cũng sợ tiếng nói của lương tâm đến

được quần chúng. Cho nên, đối với những kẻ này, càng có ít người đọc sách càng tốt.

Đối với những người chịu đọc sách, vấn đề có thể được đặt ra là: "nguyên tắc nào là nguyên tắc chỉ đạo để dựa vào đó người đọc phân biệt được phản kháng thật với phản kháng giả?". Tôi không thấy được nguyên tắc nào khác ngoại trừ nguyên tắc này: *người đọc phải trực diện với tác phẩm bằng chính con tim và khối óc của mình*. Có nghĩa là, không nên đọc sách bằng con tim và khối óc của người khác. Và dĩ nhiên, cái khối óc sáng suốt phải là khối óc không chứa định kiến. Bằng một cung cách như vậy, hai người đọc cùng một cuốn sách vẫn có thể có hai phản ứng khác nhau hay hai nhận định khác nhau, và cả hai đều đáng được kính trọng dù có thể trái ngược hẳn nhau. Điều tệ hại và đáng chê trách là, khi đọc (hoặc trước khi đọc) một tác phẩm phản kháng, người đọc cho đó là phản kháng giả chỉ bởi vì nó được nhà nước cho xuất bản, hoặc cho đó là phản kháng thật chỉ bởi vì nó được in "chui" (ai dám cấm nhà nước đi "chui?").

Viết đến đây, tôi liên tưởng đến tác phẩm Bác Sĩ Zhivago của Boris Pasternak và một đoạn trong hồi ký của Nikita Khruschev liên quan đến tác phẩm này. Khruschev đã ngụ ý là lẽ ra ông đã phải cho xuất bản tác phẩm Bác Sĩ Zhivago. Tôi nghĩ, rất may cho Pasternak là ông trùm cộng sản Khruschev đã không làm chuyện đó, vì nếu ông ta làm như vậy, sẽ không thiếu những kẻ cực đoan vội vã cho tác phẩm này là một loại "phản kháng cuội". Nhứt là, trong tác phẩm Bác sĩ Zhivago, Pasternak đã tạo nên một hình ảnh khá đẹp và nhân bản về Evgraf Zhivago, một thiếu tướng công an Cộng sản và là em cùng cha khác mẹ với Yurii Zhivago, nhân vật chính trong truyện.

Một trường hợp khác cũng nên được nhắc đến là tác phẩm của Vaclav Havel, điển hình là vở kịch dài Viên Hội (The Garden Party). Vở Viên Hội có lúc được nhà nước Cộng sản Tiệp khắc xuất bản nhưng cũng có lúc bị cấm đoán. Có nhiều lúc vở kịch bị cấm trình diễn công khai trên sân khấu lớn của nhà nước. Không lý, khi bị cấm thì nó mang tính phản kháng thật và khi được trình diễn công khai nó mang tính phản kháng giả?

2. Phản kháng bản chất của chế độ hay chỉ phản kháng hiện tượng sai trái của cấp thừa hành?

Cách đây vài tháng, khi xem cuốn phim "Chuyện Tử Tế" do Trần văn Thủy thực hiện, một anh bạn có nhắc nhở tôi cần để ý là cuốn phim chống

đối "bản chất hay hiện tượng" của chế độ Cộng sản. Sự nhắc nhở của anh, có vẻ đùa hơn thật, đã làm tôi giật mình. Vì, đã lâu lắm rồi, tôi không còn có thói quen nhìn sự việc bằng cách tách rời hiện tượng ra khỏi bản chất nữa. Có hiện tượng nào không phát sinh từ bản chất? Nhưng, lúc còn ở Việt nam với mấy anh Cộng sản, cái câu "cần phân biệt bản chất với hiện tượng" tôi nghe thường lắm và, hầu như lúc nào nó cũng được dùng chỉ để bào chữa cho cái dở của mấy anh Cộng sản. Chẳng hạn, "cái dở là chỉ ở hiện tượng thôi, chớ bản chất của chế độ Cộng sản thì hay lắm". Nhân dân không rờ được cái bản chất của chế độ nhưng hễ thấy cái gì dở thì cán bộ bảo rằng nhân dân chỉ hiểu cái hiện tượng thôi chớ nhân dân thật ra yêu cái bản chất của chế độ lắm. Bây giờ, tôi không biết là chúng ta có nên nhìn những phản kháng ở Việt nam theo một cái nhìn như vậy không?

Gần một trăm năm trước đây, khi nhà thơ Tú Xương làm những bài thơ diễu mấy ông cò, ông thông, ông phán, không thấy ông cụ nói gì đến bản chất của chế độ thuộc địa. Như vậy, có phải là ông cụ chỉ ghét mấy ông thừa hành thôi chớ còn ông cụ thật ra yêu cái chế độ thuộc địa lắm?

Vấn đề chính, theo tôi, là tác phẩm có chiều sâu hay không, có trình độ nghệ thuật cao hay không, có phát xuất từ sự chân thành hay không. Mô tả trung thực một hiện tượng nhỏ mà có chiều sâu và có trình độ nghệ thuật cao vẫn có thể đưa người đọc vào tận cái sâu thẳm của bản chất. Và dĩ nhiên, người đọc có thấy được cái sâu thẳm của bản chất hay không, điều đó vẫn còn phải tùy thuộc vào cái lòng và cái cung cách đọc sách của người đọc nữa. Tác giả có tài hoa, có con tim lớn, có cố gắng trình bày cách mấy mà người đọc cứ nhứt mực suy nghĩ theo định kiến thì cũng chịu thôi. Và nên nhớ, đây là một cuộc đấu tranh thiếu công bình: người phản kháng thật không có đầy đủ tự do để trình bày hết những phản kháng của mình.

Với cách nhìn chủ quan như vậy và dựa vào những tác phẩm mà tôi đã được đọc, tôi cho rằng tính phản kháng của văn chương Việt nam ở quốc nội đã nhắm đến tận cùng cái bản chất của chế độ.

3. Nhà văn lưu vong cần phải làm gì?

Theo tôi, điều quan trọng nhất của một nhà văn, dù là lưu vong hay không lưu vong, là bằng sự sáng tạo, bằng nghệ thuật của chữ nghĩa, bằng tiếng nói của lương tâm, khám phá cái đẹp hay tạo nên cái đẹp cho đời sống. Cũng có thể bằng một cách quanh co hơn, nhà văn chỉ cho con người

những trở ngại mà họ phải dẹp bỏ nếu họ muốn đạt được cái đẹp. Cái đẹp có thể là một tình yêu trai gái, một tình yêu thiên nhiên, hay chỉ là một sự bình yên trong tâm hồn. Và, nếu những trở ngại này phát sinh từ sự áp bức mà con người đè nặng lên những con người khác, chúng ta có những nhà văn phản kháng như đã nói ở trên đây. Cũng có thể, sự áp bức đến từ thiên nhiên, đến từ định kiến, đến từ sự ngu dốt... và chúng ta có nhiều loại nhà văn phản kháng khác nhau. Và như vậy, mỗi nhà văn tùy theo cái mình thấy được, trên con đường riêng của chính mình, hãy mang lại cái đẹp hay tranh đấu để có được cái đẹp cho cuộc đời.

Muốn làm đúng cái thiên chức của mình, nhà văn, hay bất cứ người làm nghệ thuật nào, cũng cần phải có một khả năng căn bản, đó là khả năng truyền đạt rung động, và hơn thế nữa, cộng hưởng được với cái rung động của những người khác.

Bên cạnh những khả năng này, nhà văn còn cần có một đức tính tối quan trọng: sự can đảm viết lên những suy nghĩ hay những xúc động chân thật của mình. Cho dù rằng sự chân thật và lòng can đảm không thôi chưa đủ để làm cho tác phẩm có giá trị và chưa chắc đã làm người đọc đồng ý với nội dung của tác phẩm nhưng nếu thiếu những đức tính này, nhà văn sẽ dễ trở thành một loại "văn nô" nào đó, dù là áp lực của một chế độ chuyên chính, hay áp lực của quần chúng, hay tệ hại hơn nữa, do áp lực của một thiểu số nhân sự có khả năng áp bức. Sự chân thật cũng không cho phép nhà văn nhìn sự việc một cách chung chung để trở nên những người viết truyện hay làm thơ theo thống kê, nghĩa là chỉ trình bày những mẫu sự kiện hay những mẫu nhân vật có xác suất trên năm mươi phần trăm để hiện hữu trong đời sống hay có xác suất gần một trăm phần trăm không bị chống đối. Lối viết truyện này khá thịnh hành trong những chế độ chuyên chính hoặc trong những xã hội cực đoan mà sự tự do suy nghĩ chưa được xem là một nhu cầu của đời sống hay một quyền căn bản của con người.

Những nhà văn Việt nam ở hải ngoại có xây dựng tác phẩm của họ, theo cái cách thức quái đản này không? Những nhân vật sống dưới chế độ Cộng sản, những người lính Cộng hòa, những cán bộ Quốc gia, những Việt kiều về nước... được "sống" trong những tác phẩm khác nhau ở hải ngoại trông có giống nhau không? Chẳng hạn, anh bộ đội Cộng sản mô tả trong cuốn sách A có khác gì anh bộ đội mô tả trong cuốn sách B không? Anh sĩ quan Quân lực Việt nam Cộng hòa kể trong truyện dài C có những lý luận chính trị và đời sống tâm lý giống anh sĩ quan Quân lực Việt nam Cộng hòa kể

trong sách D không? Và, khi một nhà văn Việt nam ở hải ngoại có những cái nhìn về đất nước, về con người, về chính trị... trái ngược hẳn cái nhìn của quần chúng, nhà văn đó có dám viết và in sách của mình hay không? Nếu có, thì những hậu quả nào sẽ dành cho họ? Những câu hỏi này liên hệ đến những yếu tố căn bản để xác định một môi trường sinh hoạt văn hóa có tính tự do hay không, và nếu thiếu tính tự do thì nền văn chương Việt nam ở hải ngoại chưa thể gọi là một nền văn chương lưu vong theo cái định nghĩa mà Nguyễn Hưng Quốc đã trình bày trong số Xuân Văn Học Canh Ngọ. Bài góp ý này đặt trên giả thiết là những nhà văn Việt nam ở hải ngoại là những nhà văn lưu vong của một nền văn chương Việt nam lưu vong mặc dù người viết chưa được thuyết phục là giả thiết này hoàn toàn đúng.

Những nhà văn Việt nam lưu vong, với những khả năng và đức tính căn bản của họ, rất dễ cộng hưởng với những xúc động chân thật của những đồng nghiệp đang phản kháng lại mọi áp bức hiện hữu trên quê hương. Nhưng, *sự cộng hưởng không thôi chưa đủ*. Chính họ, những nhà văn lưu vong, cần làm sao để *qua những tác phẩm của mình cống hiến cho đồng bào trong nước những gì mà họ cho là đẹp nhất của đời sống, trong đó có cái đẹp của Tự Do*. Dĩ nhiên, nếu đó là cái đẹp mà con người có thể đạt được chính trong đời sống thực chứ không cần phải đi ngược lại thời gian mới có hay phải chờ qua bên kia thế giới mới có thì người đọc sẽ đón nhận dễ dàng hơn. Và, dĩ nhiên, *cống hiến cái đẹp cho đồng bào trong nước không chỉ có cái nghĩa là lúc nào cũng nhắc nhở cho họ thấy rằng những cái mà họ đang có trên quê hương là những cái không ra gì*. Điều này, những nhà văn phản kháng trong nước đang làm. Và, những nhà văn phản kháng trong nước không phải chỉ dừng lại ở "tính phản kháng" thôi. Đọc kỹ, sẽ thấy *tác phẩm của họ hàm chứa rất nhiều đề nghị*. Chẳng hạn, trong truyện dài Ly Thân của Trần Mạnh Hảo, hình ảnh của Khuất Nguyên, Vương Thi cùng với mối tình của họ là những hình ảnh đẹp tuyệt vời của đời sống mà khi xem đến đó, người đọc vẫn được thuyết phục là mình có thể sống như họ, nên sống như họ, và có quyền sống như họ.

4. Ảnh hưởng của văn chương phản kháng?

Ảnh hưởng, ở trong nước như thế nào thì tôi chưa biết rõ nhưng ảnh hưởng ở quốc ngoại thì chưa nhiều lắm.

THẬP LANG

sĩ phu và sinh mệnh dân tộc

●

Thời đại nào, hoàn cảnh nào, trong dòng lịch sử dân tộc, cũng có những người tự nhận lấy trách nhiệm, gánh vác đại cuộc, khi tổ quốc lâm vào bế tắc nguy nan. Những kẻ đó gọi là sĩ phu. Ngày nay có một danh từ phổ quát, gần với đại chúng, mà người Cộng sản hay dùng, họ gọi là *"Đội ngũ Trí thức"*.

Tại Việt nam hôm nay, đội ngũ trí thức đó, trước sinh mệnh dân tộc, một dân tộc đang bị cưỡng bách đi ngược chiều với loài người tiến bộ văn minh. Họ đang nỗ lực quay hướng đi cho sáu mươi triệu người cả nước. Đó là việc làm của lớp trí thức đang cầm bút, phát động phong trào văn chương đối kháng với chế độ.

Bây giờ không phải là lúc chúng ta đặt câu hỏi muộn màng "có hay không có một nền văn chương phản kháng". Vấn đề đã quá rõ ràng, chúng ta chỉ nên đặt câu hỏi "bao giờ đội ngũ trí thức trong nước hoàn thành được sứ mạng cầm bút của họ". Và, những người cầm bút hải ngoại chúng ta phải làm gì cho phong trào văn chương đối kháng trong nước?

Trong đại hội nhà văn Việt nam lần thứ IV, nhóm họp hôm 28 tháng Mười 1989 tại Hànội là một thắng lợi của đội ngũ trí thức Việt nam. Tôi nói thắng lợi của họ vì thực tế, chúng ta cho đến nay, vẫn đang làm những kẻ bàng quan, ngoại cuộc, dè dặt quan sát.

Lê Đức Thọ, mười lăm năm về trước, y bước vào cục R của Mặt trận Giải phóng miền Nam, như một hung thần để quyết định số phận mười chín triệu đồng bào miền Nam trong chiến dịch Đông Xuân. Mười lăm năm sau, y bước vào đại hội Nhà văn Việt nam tại vườn hoa Ba Đình, cúi đầu, xuống nước với thi sĩ Ý Nhi, một cô gái đáng tuổi con mình, nhưng

lại là chủ tọa đoàn thuộc phe Cấp Tiến, để gợi ý cho thi sĩ Ý Nhi, chấp nhận cho ban chấp hành bầu tổng thư ký hội Nhà Văn, nhưng bị Ý Nhi phản đối (Xem Văn học số 50 trang 8). Đây không phải là một cảnh lép vế của đảng Cộng sản Việt nam hay sao? Đây không phải là một thắng lợi của đội ngũ trí thức hay sao? Hồ Chí Minh nếu có sống lại, ông ta cũng phải chết đi một lần nữa vì sự mất mặt của chế độ.

Từ bài tham luận của Dương Thu Hương đến truyện ngắn Vàng Lửa của Nguyễn Huy Thiệp, rõ ràng đội ngũ trí thức trong nước đang sử dụng một vũ khí rất sắc bén, rất lợi hại, nghệ thuật đầu cây viết.

Nguyễn Huy Thiệp đã đem nhân vật Gia Long để ám chỉ bọn quan lại cầm quyền kế tục sau khi Hồ Chí Minh chết. Lấy Nguyễn Du để ám chỉ thân phận đội ngũ trí thức bị che mắt trong những ngày tháng dài đánh Tây, đánh Mỹ, để ba trăm năm sau mới tìm thấy sự thật. Nguyễn Huy Thiệp đã đau đớn mô tả tâm trạng ê chề của một cô gái đồng trinh (Dân tộc Việt nam) bị người cha chủ nghĩa cưỡng hiếp "*...vừa thích thú, vừa nhục nhã, vừa căm thù nó...*". Thân phận "*Nguyễn Du là đứa con của cô gái đồng trinh kia, dòng máu chứa đầy điển tích của tên đàn ông khốn nạn đã cưỡng hiếp mẹ mình...*". Nguyễn Huy Thiệp là một phần chi thể của đứa con hoang thời đại đó, nên ông đã "đau đớn thay... thân phận của mình".

Tuy sinh ra trong điếm nhục, nhưng họ vẫn giữ được bản chất ngay thẳng của con người như Nguyễn Du. Nguyễn Huy Thiệp viết: "*Ông ta (Nguyễn Du) có sự thông cảm sâu sắc với nhân dân, ông yêu nhân dân mình, ông đại diện cho nhân dân ở phần u uẩn nhất...*". Khi viết về Hồ Chí Minh, Nguyễn Huy Thiệp đem vua Gia Long làm bình phong, Huy Thiệp viết: "*Số phận ngẫu nhiên giao cho ông ta đứng trên đỉnh cao nhất, ông ta không dám phá vỡ bất cứ quan hệ nào làm hại đời sống cộng sinh đó*". Nguyễn Huy Thiệp mô tả tâm trạng của Hồ Chí Minh lúc còn trên ngai: "*Nhà vua là một khối cô đơn khổng lồ, ông đóng trò rất giỏi trong triều đình*". Và chính nhà vua nói: "*Khanh chẳng hiểu gì, vinh quang nào chẳng xây trên điếm nhục?*". Khi kết tội Hồ Chí Minh, tác giả đã hạ bút: "*Ông (vua Gia Long) khủng khiếp ở khả năng dám bỡn cợt với tạo hóa, dám mang cả dân tộc mình ra lường gạt, phục vụ cho chính bản thân mình*". Trong câu kết, Nguyễn Huy Thiệp đã kêu lên tiếng kêu mới đứt ruột, Đoạn Trường Tân Thanh: "*Chúng ta sống vô nghĩa, nghèo khó và đau khổ trong lý thuyết chắp vá đầy nguỵ biện, những mối bất hòa kỳ thị dân tộc và đẳng cấp, những kinh nghiệm sống của*

chúng ta mong manh và vụn vặt siết bao. Đến bao giờ, hỏi đến bao giờ, trên mặt đất này xuất hiện tiến bộ". (1)

Có một người bạn nói với tôi khi nhận định về vụ án Nhân văn năm 1957 tại miền Bắc, anh ta nói "Đây là những kẻ sĩ cuối cùng chúng ta gặp của đất nước Việt nam". Tôi thì không bi quan như thế và thực tế lịch sử đã chứng minh, hai mươi mốt năm sau, năm 1978, Nguyễn Minh Châu, Hoàng Ngọc Hiến là những kẻ sĩ của đất nước. Ba mươi ba năm sau, Dương Thu Hương, Ý Nhi, Hoàng Châu Kỳ... là kẻ sĩ. Tôi rất tin là họ sẽ làm được một cái gì, họ có tài năng và nhất là có khí phách của một kẻ sĩ. Ý Nhi, một cô gái, bình thường được bắt tay Lê Đức Thọ có lẽ đã hãnh diện lắm rồi, đằng này tàn nhẫn quyết liệt từ chối lời yêu cầu như nắn nỉ của Lê Đức Thọ trước mặt bốn trăm đảng viên và trí thức cả nước, đó không phải là hành động khí phách của một kẻ sĩ hay sao? Hoàng Châu Kỳ phản đối một danh sách của đảng đưa ra áp đặt để bầu vào ban chấp hành hội nhà văn, dù trong danh đó có cả tên Ý Nhi, con gái của ông ta. Hành động đó, thử hỏi đã xảy ra được mấy lần ở công cộng trong hai nền đệ nhất và đệ nhị Cộng hòa vừa qua của chúng ta? Đây không phải là một kẻ sĩ hay sao? Dương Thu Hương chỉ vào mặt Nguyễn Đình Thi, một cán bộ lãnh đạo văn nghệ cao cấp của đảng mà quát: "*Anh là một tên đê tiện...*". Đây là một cái quát đầy khí phách của một kẻ sĩ đi vào lịch sử. (Văn Học số 50 trang 10).

Khi bàn đến văn học đối kháng, chúng ta không thể không bàn đến bài tham luận của nhà văn nữ Dương Thu Hương. Đây là một bài tham luận tuyệt vời, có thể đem ra so sánh ngang ngửa với bài tham luận của luật sư Nguyễn Mạnh Tường ba mươi ba năm về trước. Đã nhiều người ở hải ngoại bàn đến, ít ra chúng tôi đã đọc hai bài bình phẩm về bài tham luận của Dương Thu Hương, đó là bài của ông Đỗ Thái Nhiên đăng trên Văn học số 47 – 48. Bài của ông Nguyễn văn Chức đăng trên Ngày Nay (Kansas) số 80. Bài của ông Đỗ Thái Nhiên, ít ra ở phần đầu đã trích dẫn được một vài sự kiện. Còn bài của ông Nguyễn văn Chức, đã đưa ra hai điểm mà theo ông để làm thí dụ, chúng tôi đã phải nghĩ khác đi.

Điểm thứ nhất, ông Chức viết rằng: "*Dương Thu Hương đã viết: Nhân dân biết ơn đảng vì đảng là người tổ chức thắng lợi cách mạng tháng Tám và lãnh đạo nhân dân qua hai cuộc chiến tranh chống Pháp, chống Mỹ một cách oanh liệt...*". Điểm thứ hai: "*Dương Thu Hương đề cao lý tưởng Cộng sản*".

Trước tiên phải đặt chúng ta vào hoàn cảnh của Dương Thu Hương khi đọc bài tham luận, nghĩa là đọc bài tham luận chức năng nhận thức... đó trước một đại hội do đảng Cộng sản tổ chức, một chế độ đang lấy bạo lực để trị dân. Ở đây Dương Thu Hương đưa đường kiếm đánh đi còn phải nghĩ cách đỡ đường kiếm của đảng đánh trả lại, đó là một đường gươm trên chiến trường tư tưởng thật sự. Không giống đường gươm của chúng ta đánh trên sân khấu chống Cộng, đường gươm tuy hung hăng nhưng chẳng giết được tên Cộng sản nào và cũng chẳng bao giờ bận tâm phải đánh đỡ đường kiếm kẻ thù đánh trả lại.

Dương Thu Hương biết hơn ai hết, trên năm triệu đảng viên, ít ra cũng gần hai triệu người đang tôn thờ quá khứ của đảng Cộng sản trong cuộc cách mạng tháng Tám và đánh Mỹ đánh Tây, không dại gì đem ra những cái người ta đang hãnh diện chỉ trích để bị kết án là phản động. Bà ta chỉ trích những tệ trạng trước mắt và cho đó là hậu quả sai lầm của đảng và như thế là đủ rồi. Cái giới hạn của một người đấu tranh chính trị trong một xã hội độc tài tuyệt đối như chế độ Hànội, người đương đầu phải tự biết phân định lằn ranh có thể tiến được của mình. Vả lại Dương Thu Hương có đề cao đảng Cộng sản trong quá khứ, đó chỉ là chiêu bài, đâu là mục đích để đến. Tào Tháo cũng phù Hán và Lưu Bị cũng phục Hán nhưng lại là hai kẻ thù muốn đời trên chính trường và chiến trường lịch sử, vậy thì phục Hán hay phù Hán chỉ là chiêu bài. Cho nên sự ca tụng biết ơn đảng của Dương Thu Hương cũng chỉ là một chiêu bài trên cuộc đấu trí chính trị mà thôi.

Vả lại, chúng tôi có cảm tưởng ông Chức đã không đọc kỹ bài tham luận. Dương Thu Hương viết: "*Đã mấy thập niên qua, chúng ta tuyên truyền trong công chúng: Nhan dân biết ơn đảng, nhưng chúng ta không bao giờ giáo dục đảng viên, đảng phải biết ơn nhân dân. Nếu đây là chân lý, chân lý ấy phải song phương. Nếu đây là một mệnh đề, mệnh đề ấy phải gồm hai vế cân phân, không bên nào nặng nhẹ...*". Một đoạn khác trong bài tham luận: "*Nếu dân tộc Việt nam là một dân tộc hèn nhát, thiếu tinh thần yêu nước, thiếu khả năng hy sinh, liệu cách mạng tháng Tám và những cuộc kháng chiến giành độc lập có đi tới kết quả hay không? Chắc không. Cũng với nhân dân ấy, nhà Trần thắng quân Nguyên, một đế quốc đã dẫm nát thành trì châu Âu và Á. Lê Lợi đã chiến thắng quân Minh, Quang Trung đã chiến thắng quân Thanh...*". Rõ ràng Dương Thu Hương đã phủ nhận giá trị lãnh đạo của đảng Cộng sản trong lịch sử, vậy nên câu nói biết ơn đảng chỉ là

một hư chiêu đánh ra để thực chiêu đi sau đánh tới của một người làm chính trị khôn ngoan.

Điểm thứ hai ông Chức cho rằng Dương Thu Hương còn tin tưởng vào chủ nghĩa Cộng sản, đây cũng chỉ là một chiêu bài của người đấu tranh chính trị. Chúng tôi có cảm tưởng ông Chức là người không bắt kịp những vấn đề thời sự hôm nay. Từ mùa đông năm ngoái cho đến nay, những biến cố vượt bức tường lịch sử với một tốc độ chóng mặt. Chúng ta không khéo sẽ bị thời sự bỏ ra phía sau một cách thê thảm. Chủ nghĩa Cộng sản bây giờ chỉ là một thây ma, như thây ma Hồ Chí Minh trong hòm kiếng vườn hoa Ba đình. Thây ma trong hòm kiếng hay thây ma ngoài nghĩa địa cũng chỉ là thây ma. Lúc này, không còn ai tin tưởng vào chủ nghĩa Cộng sản,kể cả Gorbachev, Nguyễn văn Linh, Lê Đức Thọ, lý thuyết gia Trần Bạch Đằng. Đọc kỹ những bài viết của Trần Bạch Đằng, Phạm Hộ mới đây, đó chỉ là những lời lẽ ngụy biện đánh lừa bản thân và những kẻ phía sau lưng của y. Trên mặt quả đất, giờ đây chỉ còn lại sáu nước còn theo Cộng sản kiểu Stalin. Những kẻ lãnh đạo ở đó còn bám víu vào chủ nghĩa Cộng sản vì quyền lợi cá nhân và gia đình bè cánh như một dòng họ vua chúa trong xã hội phong kiến ngày xưa. Chính họ đang đếm từng ngày từng tháng cho sự tồn tại của chế độ. Chính những người Cộng sản nhiệt thành và lạc quan nhất cũng không dám mơ chủ nghĩa Cộng sản sẽ tồn tại thêm một thế hệ trên quả địa cầu này. Bây giờ, bằng hình thức này hay hình thức khác, chỉ cần chính quyền thay đổi, chủ nghĩa Cộng sản sẽ tiêu ma trên quốc gia đó.

Đừng chống cộng theo lối ngày còn bộ Thông tin và Tổng cục Chiến tranh Chính trị. Mười lăm năm, thời thế đổi thay thì con người cũng phải thay đổi cách suy tư, thay đổi suy tư không có nghĩa là thay đổi lập trường. Mười lăm năm trước, Kiều theo Mã Giám Sinh về Lâm thành khác hẳn cô Kiều tái ngộ với Kim Trọng mười lăm năm sau tại chùa Giác Duyên.

Nếu Dương Thu Hương còn tin tưởng vào lý tưởng Cộng sản, không bao giờ đặt bút viết vào bài tham luận: "*Xương đã chất thành núi, máu đã chảy thành sông, hằng chục triệu người mẹ mất con, người vợ góa chồng, những đứa bé mồ côi và những người phụ nữ không bao giờ biết tới hạnh phúc gia đình. Mặt khác, đảng là kẻ lãnh đạo thần kỳ trong chiến tranh, nhưng đã cũng là tác giả trong những phương án kinh tế sai lầm...*" Và "*...Một sự kiện trần trụi không thể nào chối bỏ: Giống nòi Việt nam đang suy kiệt, cólẽ chẳng kể tới số người mà gỗ đá cũng phải rõ nước mắt. Nhân dân âm thầm chịu đựng cuộc sống thiếu thốn và đau khổ quá dài*". Người dân trong nước

khi đọc những dòng chữ nầy họ phải bật ra tiếng khóc. Chúng ta ở hải ngoại dù có chai đi cũng xin đừng làm một con người "tệ" hơn gỗ đá.

Dương Thu Hương tin tưởng vào chủ nghĩa Cộng sản hay tin tưởng vào tình thương và ngay thẳng trước tổ quốc và dân tộc: *"Không có một cá nhân nào, một đảng phái, một giai cấp nào đặt mình lên trên dân tộc. Đó cũng là một chân lý Vĩnh Hằng. Trong quá khứ, chỉ có những cá nhân dẫy đạp lên dân chúng, triều đại Tần Thủy Hoàng, triều đại Võ Tắc Thiên dâm loạn, hoặc các nước độc tài, khoác áo trắng như Hiler, Mussolini, hoặc khoác áo đỏ như Stalin, Mao Trạch Đông. Ngày nay, kẻ nào dùng bạo lực là kẻ yếu. Ai thương yêu con người hơn, tử tế với con người hơn, kẻ đó sẽ thắng".*

Ông Nguyễn văn Chức viết: *"Dương Thu Hương cũng thuộc loại lệch lạc, nhưng không đến nỗi, vì vậy mà nữ nhà văn nầy đã có dịp trình bầy và phổ biến tham luận của mình tại đại hội, một đặc ân mà không phải nhà văn nào cũng được..."*. (Ngày Nay số 80, trang 22). Rõ ràng là ông Chức đã thiếu sự liệu, rồi đi đến kết luận ức đoán theo định kiến của mình.

Theo tờ Tin Tức tiết lộ, Dương Thu Hương đăng ký phát biểu được xếp vào thứ bốn mươi, đảng gạt xuống thứ một trăm mười lăm, trong đó chỉ ba mươi bài được phát biểu. Phe cấp tiến bàn nhau nhường chỗ cho Dương Thu Hương phát biểu (Văn Học số 50, trang 10) Đây là một quá trình tranh đấu của phe cấp tiến, tiếng nói nhà văn Dương Thu Hương mới có trên diễn đàn đại hội nhà văn, thế mà ông Chức hạ bút phê phán một cách thiếu trách nhiệm quả là đáng buồn biết mấy.

Trong cuộc cách mạng không đổ máu tại Đông Âu mùa đông năm ngoái, nên rút ra một bài học cho chúng ta, đó là sự trưởng thành chính trị của người dân sống bốn mươi năm dưới chế độ Cộng sản. Thử hỏi lại mình, chúng ta đã trưởng thành trong ý thức đấu tranh chính trị chưa? Đấu tranh phải có óc sáng tạo và kết hợp óc sáng tạo với biến chuyển thời thế. Mị Dân ở trong nước, ra nước ngoài mị độc giả, những thứ ấy liệu giúp gì cho việc giải phóng quê hương hay không?

Phải nhận định đúng đâu là kẻ thù, đừng thấy bất cứ một cái gì bay ra từ trong nước đó là đích thực kẻ thù, phải hung hăng đạp đổ lấy bằng được mới là con người quán quân chống cộng. Ai đã nổi dậy trong vụ Thiên An Môn tại Bắc kinh mùa hè năm ngoái, con cái Quốc Dân đảng ở Đài loan hay con em những đảng viên Cộng sản đã từng theo Mao trong cuộc vạn lý Trường chinh lên Diên an? Ai đã đứng lên làm cuộc cách mạng tại Đông

Âu mùa đông năm 1989? Lực lượng thế giới tự do hay những người dân dưới chế độ Cộng sản trong đó có những đảng viên đảng cộng sản kỳ cựu, đã có một thời sống chết với lý tưởng Cộng sản?

Chúng ta đang đứng bên ngoài một cuộc hưng phế của dân tộc. Những kiều bào hải ngoại của những dân tộc trong khối Đông Âu đã đóng góp một cách quá khiêm nhường cho cuộc cách mạng vừa qua của quốc gia nầy, thì số phận chúng ta cũng không khá gì hơn nếu có một cuộc biến động trong nước. Sự lúng túng mười lăm năm qua, đến khi hữu sự lại càng lúng túng hơn. Nếu không chuẩn bị, không những chính chúng ta mà cả con cháu chúng ta sẽ ôm một mối trường hận là kẻ đứng bên ngoài lịch sử dân tộc.

Một điểm nhỏ cuối cùng, tuy nhỏ nhưng không phải không quan trọng, đó là hai chữ sĩ phu đặt cho cái đầu đề có vẻ không ổn. Ý Nhi, Dương Thu Hương là những kẻ sĩ nhưng họ có phải là một sĩ phu đúng nghĩa như quan niệm nho giáo trong thời đại người phụ nữ chưa hoàn toàn được giải phóng? Trên thực tế, họ vẫn là những kẻ có đôi bàn tay đẹp và nụ cười trong mỗi buổi sáng soi gương. Phiền quý độc giả, đặt lại cho chúng tôi cái tiêu đề. Chân thành cảm tạ.

Houston ngày 17 tháng Tư 1990

(1) Vàng Lửa Nguyễn Huy Thiệp, Văn Học số 50 trang 35.

TRIỀU HOA ĐẠI

kinh đêm

●

Mưa bay bám nhẹ vai người
Gió ơi ngừng nhé, lá rơi điệp trùng
Người về có nhớ bến sông
Lau thưa lất phất, ngô đồng trổ hoa
Thoảng nghe chuông vẳng chùa xa
Lời kinh quyện gió, theo tà huy bay
Nhớ người từ độ chia tay
Bóng chim xao xác, lạc bầy kêu sương
Nửa mai lòng những chợt buồn
Kiếp thân huyền ảo, vô thường cõi không.

CHÂN PHƯƠNG

phía mặt trời lặn

●

Bóng chiều đổ dài trên vạt đồi hoang. Một tảng mây dày cuồn cuộn bay xuống mấy bông cỏ lau hai bên con đường mòn ráng đỏ pha cam của ánh tà dương. Còn độ nửa tiếng nữa thôi, Tín nghĩ bụng và rảo bước nhanh hơn trên đoạn dốc phảng phất mùi hoa dại. Anh nhìn lên đỉnh đồi trước mặt áng chừng còn cách khoảng mười lăm hay hai mươi phút cuốc bộ, hít vài vài hơi sâu vào lồng phổi rồi ngoái nhìn lại phía sau. Những mái nhà và mái trường dưới kia quần tụ dọc theo con lộ lớn uốn vòng bên mép thung sâu, rải rác ven lộ là đám học viên vừa tan lớp khi nãy đang tụm năm tụm ba chờ chuyến buýt chót trong ngày hoặc bách bộ từng người thong thả ra về. Đổi cái túi đeo lưng trong đựng chai rượu sang vai kia, Tín chúi đầu rẽ tắt qua một quãng đồi đầy lùm bụi bị đốt xém, nghe tiếng tim đập từ trong ngực dội vọng ra bốn phía thinh không.

Ý định đã đến với anh bất chợt vào mấy phút ra chơi trước tiết dạy cuối. Thoạt đầu anh đã nghĩ đến Mark và José khi bỏ theo chai rượu hồi trưa vào túi. Trong cả trại mấy vạn dân cư này, anh thật lòng chỉ thích ngồi lai rai với chàng Mỹ râu quai nón cựu hippy và gã Phi nhạc sĩ kiêm giảng viên bất đắc dĩ cho mấy khóa đào tạo cấp tốc các chuẩn công dân của nước Hoa kỳ văn minh và hiện đại. Vả lại anh còn thiếu Mark một chầu vì lần ra Manila tháng trước hắn đã đãi anh gần hết két bia trên sân thượng cái quán nhìn xuống con đường Manibi nhộn nhạo sặc mùi trụy lạc. Tên bạn Phi là loại ăn ké uống quịt nhưng ngón flamenco của gã đốt đuốc cũng không thể tìm người thay thế giữa cái bán đảo chân trời góc bể này. Tuy vậy anh đã đổi ý, chỉ vì một chút đường chân trời xanh ngát trùng khơi lố dạng giữa hai triền đồi đã mời mọc anh một cách khó cưỡng lại. Chai rượu sinh nhật này anh sẽ chia phần với người anh em mặt trời và nàng tình

nhân biển, Tín đã quyết định như thế trước khi quay trở vào lớp dạy nốt phần bài còn lại cho các đồng bào tị nạn của anh.

Biển, anh còn nhớ cái hôm tốt trời lần đầu tiên đột ngột như một phép mầu lấp lánh chói mắt dưới ánh nắng đúng ngọ biển đã hiện ra chào mừng anh khi chiếc xe buýt miễn phí chở học viên tan lớp buổi trưa đổi số vượt qua cái dốc dài. Anh đã muốn reo to như con trẻ chữ "Thalassa" của các đồng hành Ulysse ngày xưa, mừng rỡ như gặp lại gương mặt thân yêu nhất vào lúc không còn mơ tưởng đến. Trong mấy tháng đầu kể từ ngày nhập trại, sự mệt nhọc và những trận mưa mù trời tối đất đã giam hãm tầm nhìn. Trại tị nạn đối với Tín lúc ấy là mớ kiến trúc đơn điệu được dựng đồng loạt gồm có khu trung tâm với khán đài, cột cờ, bệnh viện, các trụ sở hành chính, chợ nằm ở hai đầu – đầu dưới nơi anh ở dân cư đông đúc tấp nập hơn đầu trên được cấp phát cho dân Khờ me, Lào và Hmong thiểu số. Rải rác đó đây trong trại là mớ thuyền bè vượt biển được mang ra triển lãm, nhiều chiếc đã rệu mục, cỏ dại mọc lấn che khuất. Trường lớp cất chen lẫn với nhà ở, và nối liền tất cả lại với nhau là con đường chính quanh co bên bờ thung lũng nhìn qua mấy rặng núi bên kia thăm thẳm sương mù hoặc nghi ngút khói mây những buổi không có mặt trời. Khi ấy Tín đã sẵn sàng đóng vai kẻ trú khách sa chân, chấp nhận khung cảnh cái lòng chảo được núi đồi bao bọc tứ bề ấy làm quê nhà tạm. Đâu ngờ trùng dương vẫn kề cận một bên, đâu ngờ con suối dưới thung mà anh vẫn ngắm cái sống lưng trắng bạc vào những chiều mưa đầu nguồn lại tìm đường ra bể rộng nhanh đến thế. Anh còn nhìn thấy hàng dừa xa tít tắp và anh đoán thấy ở đấy bãi cát với những ghe chài trong giấc trưa nồng mùi gió mặn, cá khoang... Xe buýt tiếp tục phóng tới quanh eo núi và anh đã không một giây chớp mắt, bị thôi miên bởi khối nước có vẻ được nâng cao lên bởi một sắc xanh biếc mênh mông, cho đến lúc bốn bánh lăn nhanh xuống dốc và tất cả mất hút phía sau các rặng cây dày đặc.

Giờ chót là phần minh họa cho bài giảng về lương tiền, chi phiếu, ngân hàng, thuế má linh tinh và anh khỏi phải làm cái việc thông dịch rát cổ khô họng mà chỉ phụ cô giáo người Phi luật tân căng lên bảng đen mấy mẫu chi phiếu phát lương và chuyền tay lớp học những đồng cắc, giấy bạc giả cho bà con cô bác tham khảo. Thế mà Tín ngồi đứng không yên, hết nhìn đồng hồ lại nhìn ra cửa phía mấy ngọn đồi lãng đãng mây và vầng dương đang chếch ở hướng Tây bên trên mặt nước biếc lục. Anh chỉ lo một điều: lát nữa leo lên đến chóp đồi thì anh mặt trời đã lặn đi mất biệt.

Từ khi còn ở Việt nam, anh đã có thói quen mỗi bận ra biển làm gì thì làm cũng rán tranh thủ tìm một góc bãi hay ghềnh đá để ngồi ngắm mặt trời lặn xuống nước – cái thú này đối với anh lớn hơn niềm vui lặn hụp bơi đùa với sóng bạc nhiều. Cho nên vừa tan giờ là anh đã vòng nhanh qua bãi cỏ hoang phía sau lớp, vạch đám lau sậy cao quá đầu tìm lối lên đồi ngắn nhất.

Trên cao gió phần phật thổi rạp lá cỏ và làm mái tóc lâu ngày chưa cắt của Tín rối bời. Còn chừng hai ba trăm bước nữa là đến, anh gắng trèo lên nhanh dù lưỡi đã khát khô và mấy cơ bắp chân mỏi căng. Nhớ lần trước đây, Nguyệt đã cùng đi với anh thăm đồi và anh đã chụp cho nàng mấy tấm ảnh rất đắc ý. Anh còn nhớ sắc mặt đỏ hồng và ánh mắt rạng rỡ của nàng vì cố sức leo cao trộn lẫn với chút vị phiêu lưu kỳ thú. Bây giờ Nguyệt đã nghìn trùng, cũng như bao người đàn bà con gái trước đó của đời anh. Con đường mòn, lác đác dăm gốc cây rừng, vài bụi chuối dại lạc loài giữa vạt đồi thưa... Tín nhảy lên thân một cổ thụ bị sét đánh rách đôi tránh qua mấy bụi gai rậm. Họ đã ngồi ăn trưa trên mấy nhánh cổ thụ này, tiếng cười trong như con suối nhỏ dưới kia của Nguyệt còn vọng lại trong trí nhớ anh, những cuộc rượt bắt và những phút ân cần, anh còn nhớ bộ ngực căng hổn hển phập phồng với đôi mắt nhắm nghiền buông thả của người đàn bà mới một con...

– Em hy vọng được ăn mừng lần sinh nhật sắp đến của anh, Nguyệt đã nói như thế trong lúc gọt vỏ quả đu đủ rừng chín ngọt anh vừa hái được gần đấy.

– Khóa học của Nguyệt kết thúc tuần tới mà ngày sinh nhật của tôi còn đến hơn tháng, chuyện này khó xảy ra. Hơn nữa, tôi nghe Mark nói dân tị nạn khóa này sẽ có danh sách chuyến bay sớm.

– Biết đâu lần khám bệnh cuối, em bị tim phổi gì đó, Nguyệt cười nghịch nói vừa đưa cho anh miếng đu đủ mới cắt đỏ tươi.

– Vậy thì anh sẽ tuyên bố với cả trại đám cưới chúng mình rồi đưa em sang ngọn núi trọc bên kia phát rẫy trồng khoai, sống với nhau cho đến ngày đầu bạc, Tín vừa bẻ đôi miếng đu đủ mời nàng vừa đùa cợt.

– Và em sẽ sinh ra cho anh một trăm cái trứng, Nguyệt đã âu yếm nhìn anh, đôi môi đẹp vừa cười buồn vừa thốt ra lời...

Chắc anh sẽ không bao giờ có dịp ngả đầu vào mái tóc mềm và bờ vai ấm của nàng nữa. Nguyệt đã đến và đi như một cánh chim vút qua thinh không chiều. Cũng như Lan trước đó, đến rồi đi... Những khách má hồng

truân chuyên của cái trại này, bây giờ họ đã cặp bến chiêm bao nào, ai đọa đày, ai hạnh phúc? Tín bật cười, chỉ còn ta cô độc và trời đất hắt hiu, chỉ còn sơn say bỏ túi của ta và tà huy mất trí.

Anh đã lên đến độ cao nhất của ngọn đồi. Gió lộng ù ù nhưng anh cảm thấy sảng khoái quên mất nhọc mệt. Và anh đã được phần thưởng xứng đáng: vầng dương to bằng cái nong vẫn còn lơ lửng trên mặt biển. Tín đưa gang tay đo thử, mặt trời còn cách chân trời hai gang, anh còn dư thời giờ để long trọng khai mạc buổi lễ chào đời. Mặt trời hỡi, anh vừa thì thầm vừa tháo cởi đôi giày bụi bám, ta lại chúc ta được thêm một tuổi đời. Anh ngồi lên một triền cỏ khô vừa duỗi dài hai chân vừa mở túi tìm bao thuốc lá và chai rượu. Thêm một tuổi bất mãn, thêm một tuổi nín câm, thêm một tuổi lạnh lùng...

Anh mở nắp chai rượu mạnh, cầm cả chai đưa về phía trước mặt nơi vầng dương đang phân vân tư lự trên mặt sóng:

– Xin mời cố nhân...

Đoạn anh ngửa cổ tu một hơi. Hớp rượu nồng làm Tín hơi choáng váng, anh có cảm giác biển với mặt trời bỗng lung linh chập chờn trong một vũ điệu lạ kéo theo luôn cả núi đồi, đất đá, cỏ cây, mấy áng mây thênh thang trên đầu, đàn chim chiều xơ xác chao qua nắng xế... Ánh dương yếu dần, thay cho sắc chói chang là một nền trời lam nhạt với dăm cụm mây tròn viền chút hào quang thẫm tím. Cả ngọn đồi ửng lên lần cuối sinh khí của ngày hấp hối. Phía dưới, quanh khu chợ và vùng dân cư le lói ánh đèn bóng đêm đang xóa nhòa sự vật. Không còn người lai vãng trên con lộ vắng. Tín hình dung bếp lửa và mâm cơm tối của dân trong trại, đàn muỗi vây quanh con trâu đang nhơi cỏ trong chuồng sau một ngày kéo cày cho thửa ruộng dưới thung, các già làng bên kia núi khề khà quanh vò rượu thuốc mua từ chợ huyện. Anh đốt một điếu thuốc nhả mấy bụm khói tan nhanh theo gió, ngắm quả cầu lửa chờn vờn sát mặt biển trong giây phút tịch dương và buồn cười lẩm bẩm, mình biết chúc gì cho mình đây.

•

Năm nay anh vừa đúng ba mươi lăm. Nel mezzo del bloody cammin... Nửa cuộc mộng mị bể dâu, xé thời gian một bóng thú hoang, âm thanh và cuồng nộ. Không có một con đom đóm hạnh phúc nào cho cõi lòng trống đen của anh, chẳng có tiếng hát nào chờ đợi an ủi anh trên trái đất này. Dụi tắt mẩu thuốc vào thảm cỏ chết, Tín đứng lên ngó mông. Một chiếc ghe bé tí ngoài khơi chấm phá cho bức sơn thủy hoàng hôn. Đàn chim

giăng hàng bay ngang. Vài phút ngắn nữa thôi, con mắt thái dương sẽ nhắm lại và bầu trời sẽ thiếp ngủ.

Tín biết khá rõ bán đảo này. Anh đã trèo đèo lội suối khắp vùng trong các dịp du ngoạn và săn ảnh cuối tuần. Anh đã tắm ở nhiều bãi biển đục có, trong có; anh cũng từng chèo thuyền với ít tên bạn Mỹ, Phi ra các đảo san hô câu cá uống bia. Anh từng lạc loài nơi mấy quận lỵ nhỏ của bán đảo, ngồi độc ẩm ở một quán lạ mặt nhìn chiếc xe bò chở lính kỉnh rổ cá, đồ mây tre thủ công lăn bánh chậm chạp dưới mưa phùn, thỉnh thoảng bỏ một đồng peso vào máy hát đĩa chọn một bài blues hoặc country rồi lẩm bẩm hát theo. Con lộ men theo vịnh rất hữu tình: suối, thác từ núi đổ xuống; sa mù, mưa giông vẽ những bức thủy mặc thay đổi từng ngày. Cảnh vật đôi khi làm anh xót xa nhớ quê nhà, cũng dừa, chuối, trâu, ruộng nước. Có cả cây bàng, cây xoài, lá mắc cở và hoa dâm bụt. Vào thế chiến thứ hai, bán đảo này từng là một địa danh lừng lẫy. Nơi đây quân Nhật đổ bộ tấn công và bao vây bắt sống gần bảy vạn lính Mỹ, lính Phi, bắt đầu chiến tranh lớn ở Thái Bình dương. Trên một ngọn núi gần vùng còn cây thập tự cao năm mươi thước tưởng niệm các tử sĩ đồng minh trong trận đại bại ấy – xe chạy trên đường cách xa mấy mươi cây số vẫn trông thấy rõ. Thế mà tất cả bây giờ cũng lặng lờ chìm vào khoảng trống của trí nhớ loài người như các chiến địa Việt nam trước đây. Chỉ thấy những vườn xoài – chẳng hiểu thời vụ ra sao mà lại đổ xô đâm hoa trổ trái, tỏa hương thơm dịu ngọt lan theo gió sớm. Cuối năm, thời tiết thường xấu và buổi chiều giông bão anh thường che dù lội mưa ra chợ ăn hột vịt lộn nóng với rau răm – món ăn khoái khẩu nhất của dân địa phương – kèm với chai bia San Miguel to để kích thích cái thần khí tha hương. Nhưng thú cô đơn, phong vị giang hồ nếm hoài cũng chán. Hơn ba năm bị giam lỏng ở trại này – không kể mấy tay anh chị phạm tội cố sát bị kêu án – Có lẽ Tín là công dân tị nạn lâu nhất ở đây. Khi bỏ xứ ra đi có bao giờ anh ngờ đến tình huống thế này.

Anh vượt biên cùng người em trai. Lường gạt, hiểm nguy, đói khát, cướp bóc không ngăn được kẻ khao khát tự do. Giữa đường thuyền đắm, may mắn được vớt hai anh em sống sót nhập vào đàn người tị nạn chờ ngày được định cư. Sau nhiều lần dời trại, sang đến đây Tín đoan chắc cái ngày anh cầm vé máy bay đi chinh phục cuộc sống mới tốt lành sẽ là một ngày rất gần. Thông thường, lâu lắm là sáu hoặc bảy tháng – trừ trường hợp mắc những bệnh truyền nhiễm hoặc tim mạch – dân tị nạn ở đây đều được giải quyết cho định cư ở một nước tự do. Vậy mà đến lần phỏng vấn cuối cùng

để ký kết các thứ giấy tờ rời trại, thằng em đã xin phái đoàn ngoại quốc cho hắn được trở về Việt nam, mặc dù mấy ngày đêm trước đó Tín đã hết lời thuyết phục hắn nên bỏ cái ý định ấy. Hắn đã nhận được bức thư từ quê nhà của người yêu và vị hôn thê cho biết tin cô nàng không may bị xe gắn máy tông dập xương rồi bị tay y sĩ quốc doanh giải phẫu thế nào mà đứt phạm dây thần kinh liệt luôn chân phải. Tín rất thông cảm tấm lòng và quyết định quay về của hắn, nhưng anh e ngại các rắc rối sẽ xảy ra. Và đúng như anh đã dự kiến, một năm sau hắn được trả về và bị công an bắt giam ngay để điều tra. Phần anh, có lẽ đã bị nghi ngại chi đó mà đến hôm nay vẫn quẩn quanh ở góc bể hẹp này.

Mặt trời đang chạm mặt biển. Tín tu thêm ngụm rượu cay, mắt thẫn thờ ngắm cảnh vật. Lớp mây xám bên kia núi lan rộng dần. Đêm như một cây cọ vô biên đang bôi xóa những phần còn lại của ngày, bệt nhanh từng bệt xám đen lên các vạt rừng, triền dốc, trại, chợ, núi đồi. Bầu trời và mặt biển cũng nhợt nhạt phai màu, sắc xanh phai dần biến thành màu khói thầm. Đường chân trời đã cắt ngang vầng dương ối. Tín đốt điếu thuốc mới, anh bắt đầu cảm thấy lạnh. Gió pha lẫn hơi nước không ngớt tạt vào người anh. Chung quanh, những thân cây già trơ lá chĩa lên cao mớ cành nhánh quằn quại như lũ hình nhân đang bị tra khảo. Không còn bóng chim nào giữa thinh không. Tín co ro ngồi hút thuốc, nghe cơn say thấm dần vào máu.

Anh đã tình nguyện làm giáo viên phụ giảng, thông dịch cho các buổi dạy về đời sống và văn hóa Hoa kỳ kiêm thêm việc biên tập thơ tờ nội san hàng tháng bằng tiếng Anh cho học viên, thỉnh thoảng góp một bài xã luận hoặc bài thơ ngắn. Cuối tuần anh xách chiếc máy ảnh cũ làm phó nhòm dạo kiếm tiền tiêu vặt. Ngoài ra, để giết cho hết thời giờ Tín còn mớ sách bỏ túi của cái thư viện nhỏ của trại. Dù sao cũng đỡ hơn cái nền ẩm và phòng giam chật nêm nhốt hơn năm chục mạng của cái nhà tù anh đã có duyên làm khách thường trú một thời gian ở Sàigòn; dù sao cũng đỡ hơn cái mặc cảm bị rình rập thường trực của một can phạm không bản án rõ ràng; dù sao cũng được ngồi một mình uống rượu với hoàng hôn mà không bị thình lình tra hỏi.

Mặt trời vừa lặn mất, ráng đỏ cuối cùng tan loãng trên những gợn nước lăn tăn. Trùng khơi vô tâm trơ tấm gương mênh mông soi mặt bầu trời đêm quen thuộc. Chỉ còn tiếng gió lồng lộng trên đồi núi chập trùng. Tín thấy thèm khát một nơi chốn của con người bình dị, một gương mặt, một giọng nói, một chỗ trở về. Đầu mùa mưa này, trên đường lên núi trọc kia

José đã đưa anh ghé thăm buôn làng của thổ dân da đen – tổ tiên họ là những kẻ đầu tiên đến khai khẩn đất nước này từ thời thượng cổ. Biết anh là khách phương xa, các già làng đã mời anh uống rượu, và anh đã ước ao khi nhìn một chị thổ dân nằm ngủ trên võng với đứa con thơ, phải chi mình là anh chồng của người đàn bà ấy quanh năm chỉ biết phát rẫy nuôi con, chờ ngày bạc đầu rụng răng được ngồi uống rượu cùng hàng bô lão. Tại sao anh không được sự may mắn đó, tại sao anh lại thuộc giống người có thân phận lịch sử bị chi phối bởi thị trường và các giáo điều? Sau đó anh mới biết mình đã lầm: thổ dân ở đây cũng là nạn nhân của bọn địa chủ cường hào ăn cánh với quan lại địa phương, và những vườn xoài là đất của họ trước đây đã bị bọn này cưỡng đoạt. Nhưng lời giải thích của José vẫn không xóa được ý nghĩ lãng mạn của Tín, thà làm người thượng du sống bên rìa văn minh còn hơn là phải gánh vác cái sử tính lôi thôi của mình.

Những triền đồi đang biến thành những lượn sóng khổng lồ của biển đêm, khu nhà dưới chân Tín rực lên một ánh sáng vàng vọ. Anh mường tượng tiếng suối róc rách qua khe đá, nhảy chồm qua các tảng to, đổ xuôi ra khơi. Anh lắng tai nhớ lại tiếng sóng vỗ đều vào bãi vắng và hương vị đại dương trên da thịt mấy lần tắm biển muộn. Giờ này có lẽ José đang móc flamenco bên chai rhum nội địa và Mark đang mang ống nghe nằm thưởng thức nhạc jazz trong gian phòng nhỏ cạnh vực núi tối đen. Đêm nọ ngồi nhậu ở Manila, câu chuyện giữa hai người đã có lúc vướng víu vào hai chữ quê hương. Mark đã tâm sự rằng hắn đã chán nước Mỹ mặc dù còn cha mẹ già sống trong một gia trang miền Tây Bắc.

– Hè trước tôi về nước gặp mấy thằng bạn ở New York. Tụi nó giới thiệu với mấy ngân hàng, công ty xuất nhập... Chỉ lái xe trễ mấy cái hẹn là muốn phát khùng, cảm thấy không gì vô nghĩa bằng cuộc sống người máy có gắn đồng hồ điện tử. Trở qua Los thăm một người quen cũ, lại kẹt xa lộ, trễ giờ bay. Nói thật, bây giờ có về Mỹ làm tổng thống tôi cũng không ham.

– Có phải anh tìm cách gián tiếp an ủi tôi không? Dù sao anh cũng có một nơi gọi là quê hương để trở về khi chán ngao du, một gia đình, bạn bè xưa...

– Quê hương đối với tôi là nơi tôi tìm được bình an. Có thể anh cho tôi là một kẻ khác đời; thật ra, khi đã sống đến một tuổi nào đó anh sẽ thấy cô đơn là một báu vật khó tìm. Nhưng mà tôi hơi triết lý dài dòng, xin mời anh cạn ly rồi ta dạo một vòng ngắm gái.

Câu chuyện về một nơi trú xứ trên mặt địa cầu của họ đã chấm dứt ở đó. Cái nơi mà Mark chối bỏ không muốn nhận làm quê hương lại hiện ra trong đầu Tín như miền đất hứa mà anh với tay hoài chưa với tới, và càng ngày càng bỏ xa niềm mơ ước của anh như một hành tinh trôi dạt theo năm tháng hoài mong. Nơi đó cất giữ một bóng hình dĩ vãng, dư vang mối tình thiên cổ của đời anh... Biết đâu một ngày nào đó, anh sẽ thấy lại được mặt nàng.

Mây mù sà thấp xuống lưng chừng trời. Lác đác vài hạt mưa nhỏ rơi theo ngọn gió hung hãn. Màn đêm trùm lên biển xa. Tín không còn trông thấy rõ mấy bụi chuối dại gần đó. Trước mặt anh, phương đoài chìm vào bóng tối. Ở đó có phần mộ người cha và bà mẹ tuổi xế chiều với chân tay thấp khớp và chứng thần kinh suy nhược. Ở đó là tuổi trẻ đã vĩnh viễn đánh mất, là thời nguyền rủa tù đày, là những chứng tích bụi phủ không còn ai tưởng niệm. Ở đó là bao mùa sinh nhật xa xưa nối hàng thành dãy nến tắt quanh một nỗi ngậm ngùi.

Không biết từ khi nào, đổ dài dưới chân Tín cái bóng mờ nhạt. Sau lưng anh, vầng trăng to mênh mông mới mọc phía trên ngọn núi tối đen. Đám mây nước bị cơn gió lớn xua đi nhưng phần đuôi còn kịp tưới xuống anh một trận mưa rào. Giữa những hạt nước to rớt lộp độp, Tín ngửa chai uống liên tiếp mấy hơi dài rồi quăng vỏ chai thật xa về phía mặt trời lặn khi nãy. Mặc dù chất rượu mạnh đã ngấm vào óc, cơn mưa đột ngột làm anh tỉnh táo hẳn, và anh không còn cảm thấy gì ngoài sự bình thản của tâm hồn có lẽ đã bị im lặng thâm niên biến thành chai sạn. Có phải anh đã lạ mặt với chính mình, lạ mặt với những hoài bão thời trai tráng, xa lạ với những bóng người bé nhỏ và hài kịch các trò tan hợp dưới kia? Đã trôi giạt về đâu lời tâm huyết thiết tha với các đồng hành tù đày câm lặng ở bên kia bờ biển? Tín đảo mắt nhìn từ ánh trăng thờ ơ trên đầu đến xóm trại mịt mờ phía dưới với mớ đóm sáng lập lòe buồn thảm, không thể tưởng tượng được rằng anh đã chôn ở đó một phần đời vô vị khác của mình, không thể tưởng tượng được là ngày mai, ngày mốt anh sẽ thức giấc, mặc áo quần, lui tới giữa mấy khe núi, mở miệng dài dòng về một lục địa xa xăm cùng những tiện nghi văn minh thừa thãi... Và làm sao còn sức lê bước về căn gác đầy rệp chuột dưới kia trong khi, chơi vơi trên mỏm đất không tên này, anh không còn giữ nổi thăng bằng cho phần hình hài nguội lạnh đang chao đảo chẳng hiểu nghiêng về phía trời nào: bờ đông, bến tây hay ảo vọng nghìn trùng?

NGỮ AN

cơm cao ủy

một tuần ba ký nửi gạo
vài con cá biển, miếng thịt gà
rau tươi vài cọng, heo một lát
gom lại một nồi... bé tí teo.

nước

một ngày hai chục lít nước
nấu ăn tắm giặt gọi là
ai bảo các người làm mất "nước"
bây giờ thiếu nước kiếm đâu ra

ra bưu điện dò thư

buổi sáng đi ra bưu điện
chen chân thiên hạ dò thư
ở đây tháng ngày buồn quá
có thư hạnh phúc bất ngờ

tình quê hương

hãy yêu thương lấy cuộc đời
như yêu đất nước con người Việt nam

hồn dân tộc

quê hương dù đã mất
nhưng dân tộc vẫn còn
hãy sống và hãy chết
vinh danh người Việt nam

Tháng Giêng 1988

Panatnikhom

HUY LỰC BÙI TIẾN KHÔI

nhớ

●

khói nhớ quê nhà khóe mắt cay
vườn xưa hoa bưởi thoáng hương bay
tưởng như về lại sân rêu cũ
nhìn bóng lung linh nắng cuối ngày...

đông

mới đó đông về thả tuyết rơi
quê hương màu trắng cõi muôn nơi
chợt nghe tuyết ở trong lồng ngực
từng cụm òa lên buốt đất trời...

phù du

ta gởi đời sau dấu chấm than
trời đêm một vệt ánh sao ngang
có ai nhận kịp trong tia ấy
vụt tắt phù du đến ngỡ ngàng...

NGÔ NGUYÊN DŨNG

đêm hóa trang

●

Chuyến xe lửa cuối cùng về O. khởi hành vào lúc 23 giờ 57 phút. Đêm nay là thứ hai *Rosenmontag*, ngày lễ hóa trang vui nhộn trong năm. Từ nhà một người bạn, Lãm đi bộ ra nhà ga, người chếnh choáng hơi men.

Thời tiết cuối đông năm nay ấm áp như mới sang xuân. Trưa này, lúc Lãm nhập vào đám đông đứng lấc lư nhốn nháo hai bên đường ngắm đoàn xe hoa chạy ngang, nắng hồng trải khắp. Lãm không còn nhớ, từ bao giờ nắng đã thôi rực rỡ trong tâm hồn chàng. Năm trước, tháng vừa rồi hay chỉ mới hôm qua? Không chừng, đã hơn mười năm, Lãm hết còn xôn xao trước những mùa hội lớn.

Con đường cuối ngày phía sau nhà ga đầy ắp bóng tối. Lãm thấy bước chân mình nghiêng lệch trên vỉa hè lát gạch, bên cạnh bờ tường dán đầy bích chương quảng cáo: *"Một mẫu người lôi cuốn phải biết uống bia Dortmunter Pils", "Không có gì thoải mái và ít tốn kém cho bằng đi nghỉ mát tại Thụy Sĩ bằng xe lửa liên bang"*... Những hàng chữ rối rít chui vào mắt Lãm, hiu hắt những ngọn đèn bệnh hoạn bên kia đường rọi qua. Một đám người vượt ngang, quần áo ngộ nghĩnh, đeo mặt nạ, nắm tay nhau nhảy nhót. Một đứa kê sát mặt Lãm, cất giọng nhừa nhựa:

– *Hélau, hélau*... Lá la là la, lá là la la...

Lãm nhếch môi cười trả, trái tim vỗ nhịp vụ vơ, mang chất rượu theo máu dồn lên mặt nóng bừng.

Có tiếng thủy tinh vỡ giòn. Tiếp theo là giọng cười ồ ồ của ai đó. Lãm nhìn thấy phía trước một gã đàn ông đứng chống hai tay vào tường, chân dạng ra, đầu gập xuống, y hệt tư thế của một tội nhân đang bị khám xét. Lúc đi ngang, Lãm ngó thấy dưới chân hắn một bãi bầy hầy thức ăn chưa tiêu hóa hết. Trọn ngày nay, hắn nuốt những trò vui vô bụng, đợi đêm về mới hấp tấp mửa ra.

Lãm yêu cảm giác lâng lâng trước khi cơn say tràn tới. Chàng bước đi trên đất mà tưởng như lún xuống cát mềm. Hành lang dẫn ra sân ga đầy

ánh sáng nê ông mà Lãm ngỡ sương mù tràn lan quanh mình. Rải rác trong lớp sương mù ấy, những dáng người đứng trơ như hình nộm. Một số im lặng bất động, số khác đi lại chậm chạp như kiệt lực. Lãm rụt rè nhìn những khuôn mặt hóa trang, cảm thấy lạc lõng như thể chàng là người cuối cùng còn lại trên mặt đất. Chàng đứng trên thang cuốn dẫn lên sân ga số bảy. Chiếc xe lửa sơn hai màu cam trắng nằm đợi với những cánh cửa mở bung. Lãm chọn một toa dành cho người không hút thuốc, ngồi xuống một chỗ bất kỳ trong hàng ghế trống. Sàn xe vãi đầy hoa giấy đủ màu. Một vài cuốn giấy vệ sinh xổ tung nằm lăn lóc trong góc. Lãm nhắm mắt lại. Chỉ vài giây thôi mà những hình ảnh ngày xưa ở Sàigòn cuồn cuộn hiện về như thác đổ. Trưa thứ bảy ở Queen Bee đèn mờ. Tiếng đàn ghi ta điện hòa cùng tiếng trống và giọng hát vỡ òa tung tóe. Những khuôn mặt thanh xuân tìm nhau trong bóng tối. Chụp đèn đỏ tô lên thịt da tuổi trẻ một lớp phấn điểm trang. Vui chơi một vài giờ, để sau đó bước ra đường phố ngập nắng với cảm tưởng như mọi nơi phủ hào quang chói ngộp... Chỉ vài giây thôi mà kỷ niệm một đêm xưa ùa về, lúc Lãm ngồi giữa chợ hoa Nguyễn Huệ, cõi lòng tan tác nhớ tới một người bạn đã đi xa. Hai bàn tay chàng nâng cằm nhìn đám đông qua lại trước mặt. Những vì tinh tú đang chớp tắt trong vũ trụ bao la. Mỗi người là một chấm sao tinh khôi. Còn vũ trụ là một ý nghĩ mơ hồ, mông lung như bàn tay xòe ra rồi nắm lại. So ra, tất cả chỉ là những hạt bụi vừa lắng xuống.

Lãm mở mắt, khom lưng xòe tay vốc lên một nhúm hoa giấy nằm dưới sàn xe. Chàng nhìn những mảnh tròn đủ màu nhỏ li ti, rùng mình như vừa nghe đâu đây tiếng một loài chim đêm choét kêu lanh lảnh. Cùng lúc, một bóng người lao qua khung cửa mở, ngồi phịch xuống đối diện chàng. Lãm chớp mắt, thả rơi mớ hoa giấy xuống trũng áo. Hồi còi báo hiệu giờ xe chạy mà chàng tưởng tiếng ó rừng kêu động oang oác.

Một khuôn mặt đàn bà đang nhướng mắt nhìn Lãm lom lom, cặp môi màu dâu tây mở hé tủm tỉm. Lãm để yên tia nhìn của mình lờ đờ chết ngộp trong hai hòn bi mắt màu ve chai của người đàn bà lạ. Bà ta đội tóc giả màu tím nhạt, vướng đầy hoa giấy. một lớp phấn dầy cộm đắp trên mặt. Hai gò má sáng những ngôi sao bé tí bằng giấy bạc lấp lánh. Quanh cổ, bà ta quấn một chiếc khăn nỉ in hình những vòng tròn đủ màu chồng chất lên nhau.

Lãm liếc nhanh cặp mắt nhìn xuống, thấy người đàn bà mặc một bộ áo dài tới đầu gối bằng sa teng đen óng, chân mang vớ lưới màu đen bắt tréo

lên nhau, mũi giầy nhọn hoắt thỉnh thoảng lại chạm vào ống quyển Lãm. Chàng để yên đấy, không rút chân về. Chỉ một va chạm nhẹ mà Lãm bị quay mòng như cậu bé con năm nào chơi trò bịt mắt bắt dê với chúng bạn. Chúng thắt quanh mắt Lãm một vòng khăn đen rồi xoay chàng năm vòng lảo đảo. Lãm chếnh choáng quờ quạng hai tay trong chuỗi cười nghịch ngợm. Ê Lãm, tao nè, tao nè! Hai cánh tay Lãm chồm về hướng phát ra tiếng gọi. Sau vài lần chụp hụt, cuối cùng Lãm cũng bắt được một đứa. Cậu bé Lãm la lên, đứng im đó. Cùng lúc, mười ngón tay Lãm vuốt từ đầu tới chân con dê bị bắt. Một mái tóc dài tới ót, hơi rậm. A, tóc bum bê. Áo ngắn tay, cổ không vành, quần dài. Đích thị là con gái. Biết là ai rồi, nhưng Lãm muốn phá chơi, nên cù lét con nhỏ vài cái làm nó cười lên khanh khách. Lãm vội vàng tháo khăn bịt mắt ra, nhảy cẫng lên hô lớn, con Liên, con Liên chớ ai. Khuôn mặt con nhỏ nửa cười nhột, nửa hờn dỗi, mày chơi ăn gian, khi không thọc lét người ta. Những tiếng trẻ con vang lên trong trẻo, trộn lẫn vào nhau như chuỗi tần số của đài phát thanh ấu thơ dội trong trí Lãm. Ăn gian, ăn gian. Bắt phạt nó đi. Bịt mắt nó lần nữa. Thôi Liên, tụi mình đi về. Xí, nghỉ chơi với tụi bay. Ai thèm...

Hai bàn tay Lãm run nhẹ. Chàng bấu lấy đầu gối mình để khỏi thấy mười ngón trần truồng cử động. Gương mặt hóa trang ngồi đối diện nhòe nhoẹt như một tấm tranh lấm nước. Chiếc xe lửa vẫn xầm xập lăn những vòng sắt.

– Ê, cậu nhỏ! Một điếu thuốc chứ?

Bàn tay có những ngón sơn đủ màu xanh, đỏ, vàng chìa bao thuốc mở nắp tới trước mặt Lãm. Chàng cất giọng e dè:

– Không phải mình đang ngồi trong toa cấm hút thuốc à?

– *Na, komm*... hôm nay là ngày lễ hóa trang, không có gì cấm hết!

Lãm nhón lấy một điếu, cơn bốc đồng nổi lên. Người đàn bà moi tìm diêm quẹt trong bóp đầm, kéo tách một cái, mồi lửa cho Lãm.

Đây là điếu thuốc đầu tiên sau một thời gian dài Lãm bỏ hút. Chàng rít những hơi thuốc nồng nàn ngây ngất vào khí quản, dẫn xuống phổi rồi bâng khuâng nhả khói. Theo hơi khói quyện mờ nhạt bóng người ngồi trước mặt, Lãm thả nổi chơi vơi cảm xúc mình. Chàng bơi quẫy tung tăng trong ngọn sóng hồi tưởng nơi vùng biển Thái bình ở quê nhà mười chín năm trước. Chàng muốn ôm tất cả hình tượng ấy vào cõi lòng chật hẹp, muốn nhốt cả đại dương vào vỏ ốc xa cừ ẩn náu trong lâu đài thời gian xây bằng cát, muốn bắt lấy những khung trời mênh mông gói trọn trong

tiếng hót não nuột của con chim ngóng cổ theo vệt nắng hắt vào lồng tre. Chàng muốn mình hóa thành làn khói bay vu vơ, rồi vỡ ra những phân tử vô hình nhập vào dòng đời nơi đây. Với tháng năm lặp lại. Với chu kỳ thời tiết tới rồi đi. Với đường biểu diễn sinh lý lên xuống của nhịp sống văn minh. Như tim chàng đã lắng xuống trong những mùa Giáng sinh bình an. Rồi tới giờ giao thừa dương lịch, tâm hồn chàng sáng lóe những chòm pháo bông rực rỡ, cùng câu chúc của người bản xứ đã trở nên quen tai quen miệng: "Một cái trợt tốt vào năm mới", và tiếng ly sâm banh cụng nhau lanh canh, nghe như tiếng khánh vang lảnh lót nơi khung cửa vào một ngày có gió. Đêm nay, trong giây phút cuối của ngày lễ hóa trang, Lãm ngồi nhẩn nhơ thở những luồng khói hoài niệm, cạnh một người đàn bà xa lạ trong một toa xe trống. Trời đêm ngoài cửa kính soi lờ mờ hai bóng người chồng lên những đường nét ấn tượng của lùm cây, mái nhà ẩn hiện ven đường, khiến Lãm đôi khi nhìn vào, tưởng mình đã quán nhập vào bóng tối.

Người đàn bà vảnh môi nói:

– Hứ, cấm hút thuốc mà còn bày đặt gắn mấy cái gạt tàn để làm chi. Đúng là lũ ngốc. Tụi mình đang bị một lũ ngu xuẩn cai trị, cậu nhỏ biết chứ?

Lãm chưa hiểu ý, cất giọng lúng túng:

– Xin lỗi, bà vừa nói gì?

Cặp môi màu dâu tây toét ra, phát tiếng cười lớn:

– Rút lại tiếng "bà" đi cậu nhỏ. Dịp nào kìa, chứ hôm nay là ngày lễ hóa trang mà. Cứ việc mày tao với nhau cho tiện, hiểu chứ?

Lãm gục gặc đầu, dụi tắt mẩu thuốc rồi thở ra đợt khói sau cùng.

Người đàn bà đột ngột chồm tới, đặt một tay lên đùi Lãm, hất mặt:

– Ê!

Lãm nhướng cặp mắt lừ đừ ngó trả. Bây giờ, chất rượu đã tràn ngập mọi nơi trong cơ thể chàng, làm bật dậy những cảm giác lạ thường.

– Cái gì?

– Đưa tao về nhà nghe cậu nhỏ!

– Ở đâu?

– Xuống trạm D., đi bộ một chút là tới.

Lãm ư ử trong cổ họng như con mèo được vuốt ve.

– Đi với tao, đêm lễ hóa trang mà.

Không biết người đàn bà lặp lại ba tiếng "đêm hóa trang" lần này là lần thứ mấy. Lãm nói trong men rượu choáng váng:

– Hình như tao sắp say...

Rồi chàng thấy mình được hai cánh tay ai xốc nách đứng dậy. Một giọng đàn bà nhão nhẹt kêu lên, tiếp theo là tiếng cười khúc khích:

– Coi chừng lọt chân xuống đường rày. Thượng đế ơi, coi vậy mà nặng dữ. Ê, ê, say chứ bộ xỉu sao mà đi muốn không nổi vậy cậu nhỏ. Hấp, hấp, một hai, một hai...

Lãm biết mình say đó chớ, nhưng kỳ lạ quá, trong khi chân chàng lảo đảo đi không muốn nổi thì tâm trí chàng tỉnh táo như phơi ra ánh sáng. Chàng nhận biết rõ ràng mình đã tựa vào người đàn bà lạ, bước lên những bậc thang tưởng chừng như vô tận. Giọng người đàn bà làu bàu bên tai chàng, xui xẻo gì đâu, chiếc thang cuốn hư mất tiêu rồi, cũng tại mấy thằng tiểu yêu phá phách nữa chứ gì.

Đi hết những bậc thang, người đàn bà đứng lại thở dốc một lát. Trên khoảng sân trống, gió đông cuối mùa thổi buốt. Lãm rùng mình mấy cái liên tiếp. Người đàn bà kêu lên, chết, lạnh hả nhỏ, tụi mình đi mau vào nhà, không khéo bị cảm lạnh mất thôi. Lãm xiêu vẹo lê từng bước trên lối tráng xi măng dẫn tới một dãy chung cư cao ngất ngưởng. Chàng đã ghé đây một đôi lần để viếng thăm vài người quen. Tòa nhà có dãy ban công càng lên cao càng lùi vào trong, toàn diện là một khối hình thoi. Chợt, trong tích tắc, Lãm cảm thấy mình đã nghiệm trải sự việc xảy ra đêm nay lúc nào đó một lần rồi, cũng ở nơi này. Trong cuộc nhân sinh, có bao nhiêu *déjà vu* như thế? Đi trong cơn say nghiêng ngửa với một người đàn bà lạ về một nơi chốn rất quen, rất thân thuộc, như thể Lãm đang bước vào ngôi nhà thơ ấu ở Sàigòn năm xưa. Cũng tiếng chìa khóa tra vào ổ lách cách, thảng thốt gióng lên tâm khảm chàng âm thanh của viên đá lạnh chạm vào thành ly cầm lúc lắc trong tay. Ánh đèn điện vàng vọt soi thăm thẳm hành lang dài và hẹp. Những cánh cửa im lìm nhốt kín. Một con số và bảng tên xa lạ. Đêm nay Lãm đang đi tới hay trở về? So với chiều dài hun hút của thời gian, hành động nào cũng ngắn ngủi như nhau.

Người đàn bà để Lãm đứng tựa vào tường để rảnh tay mở cửa. Bà ta bật đèn, rồi loay hoay dìu Lãm vào trong. Chàng nhắm mắt mà vẫn thấy rõ mọi góc cạnh của căn phòng rộng. Nhà bếp nằm bên trái. Đi vài bước sẽ tới ngưỡng cửa dẫn vô phòng khách. Bàn ăn phía bên phải. Kệ sách sát tường đối diện. Bộ sa lông bọc vải nhung màu nâu kê thành hình chữ U

quanh chiếc bàn thấp bằng cẩm thạch trắng nổi vân xám. Đặc biệt nhất, nhếch về bên phải, ngay giữa phòng khách, một cầu thang dẫn lên căn gác lửng có màn voan phủ sau những thanh lan can bắc tréo.

Không khí ấm áp của căn phòng khiến Lãm càng thêm mệt mỏi. Chàng cong người, tưởng tượng mình là một cột đèn nghiêng bóng xuống bất kỳ con đường nào đó ở Sàigòn sau giờ giới nghiêm. Ngọn đèn ủ rũ vẽ thành một vũng sáng quạnh quẽ lên mặt nhựa. Vào tháng tám, sau một cơn mưa lớn, hình ảnh ấy còn u tịch hơn nữa. Vệt sáng ấy trải qua bao năm dài, vẫn còn nồng ấm trong đáy lòng chàng. Để đêm này, trong một căn phòng *déjà vu*, Lãm cong người đứng trân như nhành cây rũ, soi hai mắt nhắm hồi ức xuống miền đất cũ.

Tiếng người đàn bà mềm nhão bên tai Lãm:

– Sao lại đứng trơ người như tượng gỗ thế kia. Mệt lắm à? Để tao đưa mày lên gác nằm nghỉ nhé?

Không đợi Lãm trả lời, bà ta đã tới dìu Lãm bước lên cầu thang gỗ. Da thịt đàn bà mềm ấm tì sát vào người Lãm. Một cảm giác dễ chịu lan tới, như thể Lãm vừa trở lại căn phòng với chăn nệm quen hơi. Chiếc giường là hai tấm nệm bọc khăn bông kê sát nhau. Chụp đèn con đặt ở đầu nệm tỏa ánh sáng yếu ớt. Lãm ngã nằm xuống với ý nghĩ mông lung. Đây không phải là ngôi nhà cỏ hoang phế trong đêm liêu trai. Cũng không phải đêm mà chàng thư sinh thiêu hủy bức tranh lụa để người đẹp mất lối về. Không gian chẳng có gì thơ mộng, mà kệch cỡm như đeo mặt nạ hóa trang. Cả thời gian hình như cũng biết tô son, vẽ mặt, tạo thành nghìn lớp ảo giác diêm dúa chồng chất trùng trùng lên nhau.

Người đàn bà cởi giày vớ giùm Lãm, rồi lúi cúi tháo từng khuy nút áo chàng. Lãm vẫn còn làm được những hành động này mà, chàng đâu có say tới độ tê liệt cả hai tay. Nhưng điệu bộ chăm chút của người đàn bà khiến Lãm cảm động bất ngờ. Chàng thun mình biến thành cậu bé con được mẹ nâng niu thay quần áo sau cơn sốt mọc răng. Chàng còn nhớ rõ mồn một, lúc cơn bệnh hành hạ tháo mồ hôi, chàng đã mộng mị thấy mình đang ôm thân chuối làm phao tập bơi trong dòng sông quê ngoại. Nắng rắc kim nhũ lên mặt nước ban trưa. Côn trùng và chim chóc ẩn mình trốn cái nắng nghiệt ngã. Tất cả đều lặng lẽ, chỉ nghe mỗi tiếng chân Lãm quẫy bập bùng trên nước.

Những mảnh ký niệm từ từ hiện ra trong trí Lãm, lấn sâu vào cõi thực tại. Chàng thấy lại rất nhiều bóng hình quá khứ, còn những gì mà thân thể

chàng đang cảm nhận, cũng tỷ như bộ quần áo đổi thay thường ngày... Chàng nghe loáng thoáng tiếng người đàn bà rên rỉ trong cơn dục cảm bén lửa. Lãm chợt khám phá ra mình cũng đang làm những động tác bẩm sinh y như tất cả động vật khác. Không biết có phải đó là hạnh phúc. Hay hạnh phúc chỉ là một ảo vọng tưởng có mà không để nhân gian mệt nhoài tìm kiếm. Lãm chỉ hay rằng, trong khoảnh khắc ngắn ngủi của hai thể xác ghì siết, lúc nào chàng cũng có cảm giác tham lam, muốn yêu hết thảy mọi người. Ôm lấy thiên nhiên mà mơn vuốt. Với tay hái rụng ngàn đốm sao lung linh trên trời đêm, bỏ vào lọ ôm mãi bên mình để soi đường tìm vào chân tâm. Vũ trụ đêm sẽ lụn tắt trăng sao, chỉ vì một kẻ si dại mải mê phiêu lãng trên con đường mộng du. Lãm đang yêu một thân thể đàn bà hay đang vay mượn cảm xúc khoái lạc để suy tư về cuộc nhân sinh?

Chuyện ái ân đối với Lãm, thật ra chỉ là một cái cớ để chàng ôn lại kỷ niệm. Thêm men say làm chất xúc tác, tại một nơi mà chàng *đã đặt chân tới ít nhất một lần rồi*, và trong mùi da thịt kích thích tràn khắp. Khứu giác Lãm bừng bừng những mùi hương quen. Chàng vỗ về ngụp lặn trong đêm ký ức rịn ướt mồ hôi. Chàng hé mắt nhìn người đàn bà đang tháo bộ tóc giả màu tím, hất đầu cho mái tóc hạt dẻ xõa bung xuống hai vai trần. Bà ta nghịch ngợm ngồi trên bụng Lãm, xuýt xoa vuốt khắp người chàng.

Lãm nhếch môi, nửa cười nửa khóc, nghĩ về số mệnh bi thảm của quê hương. Hình ảnh của chiến tranh và nghèo đói bám riết lấy chàng như vết chấm trên miền lý tưởng. Trong cõi im lặng, chúng hiện lên với toàn vẹn màu sắc và âm thanh như tiếng nhỏ giọt nhức nhối của vòi nước hỏng. Đứa bé gái trần truồng chạy trốn bom lửa trên quốc lộ Một. Tiếng đàn bà khóc tru tréo bên nấm mộ tập thể ở Huế năm nào. Chiếc trực thăng chở người tỵ nạn từ miền Trung vào Sàigòn bay lên; một vài người bám càng bên dưới kiệt sức rớt xuống... Ôi, sao cảnh hãi hùng đó không phải là những không gian và thời gian hóa trang, để sáng hôm sau, khi Lãm vốc nước rửa mặt, mới hay mọi chuyện đêm qua đều không có thật. Tất cả chỉ là một bi hài kịch vĩ đại. Thế giới là một hí trường để mọi người xôn xao mừng lễ hóa trang.

Lãm run lên. Hệ thần kinh chàng không còn làm chủ được những cơ bắp thịt nữa, để khoái cảm tung tăng lượn trên những triền sóng ầm ầm. Chàng rơi xuống như một giọt nước trong luồng thác điên cuồng đập vào gềnh đá dưới đáy sâu. Chàng mượn tiếng kêu của loài thú tuyệt vọng trước vòng người man rợ cầm lao nhọn từ từ siết lại, để gọi tên dục lạc. Bây giờ, cả

vũ trụ bao la trong ý niệm nhân sinh hạn hẹp của Lãm nhỏ choắt thành một điểm sáng ngời. Mọi sự chỉ còn là một cảnh giới mông lung lênh láng ảo giác.

Lãm thở hắt ra khoan khoái. Người đàn bà gục mặt lên thân chàng, hớp lấy những giọt mồ hôi rịn tròn trên vuông ngực ốm. Rồi bà ta ngả người qua một bên, day mặt về hướng khác. Lãm lặng lẽ kéo mền phủ thân trần, xoay nằm đấu lưng với người đàn bà. Từ từ, chàng cũng thiếp vào giấc ngủ mệt.

•

Không biết Lãm ngủ quên bao lâu, khi thức giấc, chàng hoảng hốt thấy mình nằm cạnh một người lạ. Cảm giác *déjà vu* tan biến. Chỉ còn lại khung cảnh xa lạ vàng thếch, bạc nhược hắt lên từ chụp đèn quên tắt. Cơn say lắng xuống. Lãm lồm cồm ngồi dậy, cố nhớ lại những sự việc đã xảy ra. Tiếng ngáy thô kệch của người nằm kế bên nhắc chàng nhớ tới một khuôn mặt không quen, trang điểm diêm dúa. Lãm rón rén nhìn sang...

Trong ánh đèn vừa đủ sáng, một gương mặt người đàn bà nằm nghiêng méo mó thỏa mãn phơi ra. Cặp mắt tô phông xanh nhấm nghiền dưới đôi chân mày kẻ đậm như hai con đỉa vắt ngang. Trên má, lớp phấn hồng còn nét loang lổ. Nơi mép môi son đỏ kệch cợm, một đường nước miếng chảy thấm xuống gối thành ra một đốm sẫm màu... Một cảm giác nhờm gớm tràn tới. Cổ họng Lãm trào lên chất nhờn chua nồng tanh tưởi. Chàng hấp tấp tung mền, mặc quần áo, rồi cầm giày chạy nhanh xuống cầu thang, cố bấu chân lên thành gỗ để ngăn tiếng động mạnh. Trong trí Lãm, vô số hình ảnh và những nghi vấn xô đẩy lộn xộn. Không lẽ mình đã giao hoan với mụ đàn bà này, đã ôm mớ da thịt nhễu nhão ấy trong tay mà ngấu nghiến sao? Lãm vội vã khoác áo choàng, quấn khăn quàng, bước nhanh ra cửa.

Chuyến xe lửa đầu tiên trong ngày chạy về O. khởi hành vào lúc 5 giờ sáng. Rời khỏi dãy chung cư, Lãm giơ tay nhìn đồng hồ. Chỉ mới hơn 3 giờ. Chàng cúi đầu mệt lả như một trụ đèn cong hình bán nguyệt, lững thững đi ra trạm xe lửa. Hai tay chàng thò vào túi quần tìm hơi ấm, bốc ra tình cờ một nhúm vụn giấy còn sót lại sau đêm hóa trang. Lãm thờ ơ rắc những vụn giấy màu lên lối đi, không biết để làm gì nữa. Chàng có ý nghĩ kỳ khôi, tưởng như mình vừa gỡ chiếc mặt nạ xuống. Hai gương mặt, một chân một giả, nhìn nhau ngỡ ngàng, trên sân ga đầu ngày quạnh vắng.

NGUYỄN ĐỨC TÙNG

vườn mẹ

khi con về, mẹ vẫn ngồi xâu khế
vườn ta nghèo, trái ngọt trái chua
chim ăn khế trả vàng đâu hở mẹ?
con đi một đời, chưa vượt nổi đau xưa.

tình yêu

rất lạ lùng, anh yêu em quá đỗi
lúc giận hờn xong, ta lại hóa yêu hơn.
hoa tựa vào nhau, chỉ thành hương bối rối
cây tựa vào năm, vòng gỗ hóa môi hôn.

tan vỡ

khi người chồng trở về căn nhà cũ
cuộc đời chia lìa năm tháng đã mờ phai.
bên bếp lạnh, ghim một tờ giấy nhỏ
"thức ăn chín rồi, em sẽ về ngay".

gởi một nhà văn

điều anh viết, tôi vẫn thường nghĩ đến
một mùi hương bay, tôi đã gặp đâu rồi.
cái khác nhau giữa nỗi đau ngấm ngầm và nỗi đau biểu hiện
là tôi nghĩ về tôi và anh nghĩ cho đời.

lời bạt

lời chân thực thấm vào nhân dân
lời đanh thép bay thẳng đến kẻ thù
lời ngọt ngào lượn giữa những người yêu
lời dối trá quay về bên ngực trái

DƯƠNG NHƯ NGUYỆN

mùi hương quế

●

Tôi nằm cho rã chiếu cạp điều
Nước chảy qua vùng phố tịch liêu
Tôi nhớ một lần cây Quế mọc
Tôi đứng gọi Hương suốt buổi chiều
Phạm Công Thiện

Từ một lúc nào không ngờ tới, cái tên N.N. của xứ Huế nghiễm nhiên trở thành Wendy, một cái tên rất Mĩ của nước Mĩ. Mỗi năm con bé đều may một chiếc áo dài mới; nhưng tất cả đều nằm đìu hiu trong góc tủ. Thỉnh thoảng con bé đem những lọ nước hoa đã cạn, mở nắp thảy vào góc tủ, để chút hương còn lại đượm vào vải; làn vải mới cũ đi tuy chưa một lần mặc tới.

Học vấn và sự nghiệp làm thay đổi nếp sống con người. Ban ngày con bé đóng đồng phục đen, mang ví Guchi đen, cặp da Mark Cross xám, tóc vấn cao, đi bắt tay những người đàn ông da trắng xa lạ. Khi người đàn bà Á Đông nhỏ bé bước vào phòng xử liên bang, những người đàn ông mặc đồng phục xám im bặt. Những tia mắt dò hỏi, những nụ cười khó hiểu. Thế giới này là thế giới của đàn ông da trắng giàu danh vọng và tiền bạc, nhiều tham vọng và thiếu lòng nhân ái, thế giới của thương trường tư bản, của các đại học Ivy League Bắc Mĩ. Khi người đàn bà đặt chồng hồ sơ xuống bàn, "The goverment calls its first witness... No rebuttal, Your Honor...", bên tai người đàn bà thỉnh thoảng vẫn vang vọng câu nói của một thuộc cấp từ xa xưa "Well, guys, she's probably fresh of the boat...". Những phiên xử kéo dài, những ngày miệt mài trong thư viện, bên chiếc máy điện tử, người đàn bà viết những bài điều trần. Giữa những cơn nhức đầu, người đàn bà hay chạy vào phòng vệ sinh, để nước lạnh chảy vào hai

cổ tay mảnh khảnh. Lau khô tay, người đàn bà chấm những giọt nước hoa sau vành tai, trên cổ tay. Mùi nồng nàn của Magic Noire de Lancome, mùi hoa lan dịu dàng của Christian Dior, hay mùi hăng sắc sảo của Fendi of Italy. Nước hoa làm dịu sự căng thẳng này để bắt đầu sự căng thẳng khác.

Buổi tối, người đàn bà trở thành con bé, vận quần chẽn, áo thun rộng thùng thình như đứa trẻ mồ côi. Bên cạnh những tượng đồng đen, những tượng đá vôi trắng, con bé cũng cong tay, vung chân, gập người lại, thẳng người ra. Bên cạnh những máy móc, những khối thép, mồ hôi phải chảy nhạt nhòa thì đời sống mới cân bằng. Phải chạy nữa, cho chân chắc, cho eo mềm, cho thân thể thiếu phụ vẫn thanh tân như con gái. Và sau đó là bọt xà phòng thơm mùi dâu, là lụa ướm lên người, và mùi nước hoa:

Sau vành tai em những tia mầu li ti
Dẫn sự thông cảm vào khối óc, vào vũ trụ
Trên cổ tay em, những sợi gân mềm
Động mạch đem tình yêu vào tim trắc ẩn
*Vào biển cả cuộc đời**

Mùi nước hoa đối với con bé không phải là món đồ trang sức để quyến rũ người khác phái, mà là một dụng cụ để trấn tĩnh tâm hồn. Nhưng chẳng có nhà điều chế nào làm ra nước hoa có mùi hương quế. Mà hình như bao năm nay con bé vẫn đi tìm mùi hương quế. Quế vừa ngọt, vừa đắng, vừa trầm, vừa dịu, vừa hắc. Mùi hương quế vừa ẩn, vừa hiện trong tiềm thức con bé.

Sự nghiệp và chữ nghĩa không đem lại niềm vui trọn, cho nên con bé vẫn đọc Washington Post, New York Times, tìm dịp đi vào giới kịch nghệ và ca hát. Đối với con bé, "kiếp" trước chấm dứt vào năm 1975, và "kiếp" sau bắt đầu năm 1975. Con bé đạo Phật nên tin vào "hằng hà sa... kiếp". Thường thường người ta khi đi đầu thai kiếp khác thì phải ăn cháo lú. Để quên đi kiếp trước của mình thì kiếp sau mới có sự bình an. Đối với những người như con bé, phải sống hai "kiếp" trong một đời người thì chẳng có linh dược nào như cháo lú. Trong "kiếp" này, con bé bị bắt buộc phải quên "kiếp" trước. Ông già Sigmund Freud gọi đó là hiện tượng dồn ép. Nhưng dồn ép vẫn không dập tắt được mùi hương quế.

Trong những dịp lễ mùa đông, con bé hay hâm nóng nước táo, cắt những lát quế bỏ vào. Vị ngọt của táo làm nóng lưỡi. Mùi cay của quế làm rát cổ. Nhưng hương quế của những ngày lễ Tạ Ơn, lễ Giáng Sinh là hương

quế của một phụ nữ Việt quốc tịch Mĩ miệt mài tranh sống trong xã hội tư bản, nào phải đâu là hương quế xa xưa của cô bé con trên đất Việt.

•

Đời người giống như sợi giây xích quấn vào bánh xe lửa. Giây xích được cấu tạo bằng nhiều vòng tròn. Mỗi vòng tròn là mỗi chặng đời, mỗi biến chuyển. Phải có những gạch nối để giữ những vòng tròn lại với nhau. Trong đời con bé, vòng tròn "kiếp" trước nối với vòng tròn "kiếp" này là nỗi nhớ nhung mùi hương quế.

Thuở ấy, có căn nhà ở đường Nguyễn Trường Tộ, Huế, cạnh dòng sông Bến Ngự. Bên kia cầu là nhà thờ Phú Cam. Trên con đường đi ra chợ là dinh phủ của tòa Tổng Giám mục. Đi thẳng về phía bắc là trường Jeanne d'Arc kín cổng cao tường. Đường đến trường Jeanne d'Arc có dinh trồng dâu của "ông cậu". Trước cửa nhà lót sỏi trắng, có hàng rào xanh. Căn phòng khách ít ánh sáng, vì cửa sổ luôn đóng kín, che màn voan mỏng. Ông ngoại để trong phòng khách một cây quế nâu đen... Cây quế xấu xí, buồn rầu, nhưng nom quả cảm, thầm lặng biết bao bên cạnh mầu xanh tươi và vẻ thanh tao của trúc. Phòng khách đầy mùi hương quế. Mùi hương quế dịu dặt vương trên những chếc ghế mây tròn, trên những tấm khăn thêu bà ngoại đặt trên bàn gỗ gụ. Mùi quế vấn trên mớ tóc dài chấm chân của bà ngoại. Bà khó tính vì bà là mệ xứ Huế, là con quan đất thần kinh. Mỗi lần đi khỏi nhà, bà ngoại mặc áo gấm đoạn, đánh môi son đỏ, thân hình cao gầy như người mẫu của tạp chí Vogue bây giờ, mũi dọc dừa, mắt sâu, mặt xương xương buồn thắm thiết. Cổ bà ngoại vừa thơm hương quế, vừa ngây ngây mùi thuốc lá Cẩm Lệ. Ông ngoại mang cây quế ấy về Huế từ Hội An, nơi ba mẹ gặp nhau, nơi ba tên Nh., mẹ tên Ng. đẻ con gái đầu lòng đặt tên N.N. Mùi quế đã trải đầy trí nhớ về con đường từ Hội An tới Huế, thấm tràn tâm hồn con bé thành sợi giây nối mảnh đất hình chữ S bên kia Thái Bình dương với miền Bắc Mĩ, thành tơ nhện quá khứ ám ảnh tâm hồn.

Trong căn phòng đượm mùi hương quế ấy, cô Yến hay ngồi ê a học Việt văn trong khi con bé tóc bum bê ôm búp bê lăn tròn dưới đất. Cô Yến đọc tới đâu con bé thuộc tới đó:

Trăm năm trong cõi người ta
Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau
Trải qua một cuộc bể dâu
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng

Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo
Nền cũ lâu đài bóng tịch dương
Đá vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt
Nước còn cau mặt với tang thương

Có cuộc đổi đời nào không làm con người đổ nước mắt? Nhưng có những giọt nước mắt chảy xuôi làm mát cuộc đời trước mặt, làm vơi đi nỗi thống khổ gây ra bởi cuộc đời đằng sau. Lại có những hạt nước mắt chảy ngược vào lòng, rớt vào gan ruột rồi tích tụ ở đấy. Hình như con bé chưa hề khóc cho cuộc chia li 1975. Nó chỉ mang nặng nỗi đau mơ hồ nhớ nước (nostalgia). Hương quế xưa gợi lại hình ảnh "lối xưa xe ngựa", "nền cũ lâu đài" của những câu thơ con bé nhập tâm từ ngày thơ ấu. Để ngày ba mươi tuổi, người đàn bà, sau buổi họp ở Embaccadero Center, San Francisco, khước từ lời mời của đồng nghiệp, lái xe một mình dọc theo xa lộ số Một nhìn nước biển Thái Bình. Tôi chỉ muốn được yên tĩnh nhìn sóng biển... để tưởng nhớ tuổi nhỏ của tôi. Phải chi tôi có thể viết được mấy dòng chữ, bỏ vào cái chai thả trôi xuống biển, với hy vọng hão huyền là một người bạn nào đó của thời thơ ấu sẽ nhặt được, mừng rú nhớ đến con bé bạn ngày xưa.

Con bé không có hình ảnh gì về quê nội. Có chăng chỉ là hình ảnh mờ ảo của những câu thơ Quang Dũng: "Vầng trán em mang trời quê hương, mắt em dìu dịu buồn Tây Phương**. Tôi nhớ xứ đoài mây trắng lắm, em có bao giờ em nhớ thương" và "Bao giờ trở lại đồng Bương Cấn, lên núi Sài sơn ngắm lúa vàng? Sông Đáy chậm nguồn qua Phủ Quốc, sáo diều khuya khoắt thổi đêm trăng". Hình ảnh những con voi đá, ngựa đá đầu làng quê nội, dòng sông Hát Môn... Tất cả chỉ là sự tưởng tượng của đứa bé con nhạy cảm. Nhưng con bé có đầy đủ hình ảnh quê ngoại. Chiếc xích lô đạp chở mẹ với lũ bé con qua đập Đá, dừng lại ăn bánh bèo Tây Thượng; rồi cả đoàn lũ kéo nhau về làng. Ông cố chín mươi chín tuổi ngồi trên sập gụ... "Con N.N. lên đây cho cố sờ đầu, cố nắm tay". Râu tóc ông bạc trắng, mắt ông nhìn trừng trừng. Ông giống ông tiên, giống bức tượng, không giống người bình thường. Ở nhà trên là những cột gỗ đen bóng, những tấm vải điều đỏ chót, bài vị, ấn triện vua ban. Quê ngoại cũng có những người dân nghèo đứng tát nước ngoài ruộng, lẩy bẩy trong những chiếc áo "tơi" bằng lá.

•

Giải đất hình chữ S không những chỉ đào tạo ra chí hướng Quang Trung hay tài chính trị Nguyễn Trãi, Trần Thủ Độ, mà còn tạo ra tình cảm cuồng nhiệt vô bờ của Hàn Mặc Tử. Tử yêu đời, giận đời đến đau đớn, xót xa mà không bỏ mất cái đẹp. Edgar Allen Poe cũng đau đớn, nhưng đau đớn trong chết chóc. Còn Tử càng đau đớn, càng ớn lạnh trong cái chết, càng thăng hoa nhiệt tình sự sống. Tử vẽ cảnh quê ngoại của con bé. Tử đem quê ngoại vào văn chương, nhưng con bé chỉ buồn Hàn Mặc Tử đã "về" đến thôn Vĩ Dạ mà không "viếng" làng Ngọc Anh của mẹ. Đằng sau vườn nhà ngoại cũng có lá xanh như ngọc, có cả con rắn học trò nhiều màu sắc nằm cuộn tròn dưới gốc chuối làm con bé điếng hồn kêu khóc.

Trong căn phòng khách đượm mùi hương quế gần bến Ngự, con bé mặc áo đầm có in hình Bạch Tuyết và Bảy Chú Lùn, ngồi đánh dương cầm bài Au Clair de la Lune. Buổi chiều khi mẹ đi dạy học, con bé lấy khăn san của mẹ buộc lên tóc, đu lên cửa sổ, rồi phi thân xuống làm nữ hiệp. Từ căn phòng khách ấy, con bé với em Tôm, em Tí vừa chập chững biết đi, nhẩy xổ ra cửa mỗi lần nghe tiếng động cơ máy bay. Ba chị em reo hò "máy bay bố về". Con bé nghển cao cổ nhìn chiếc máy bay vút ngang bầu trời Huế, hình dung ra người cha "trẻ tuổi, đẹp trai, học giỏi" rời vợ con đi tuốt qua bên trời Âu nhiều năm trời. Bố gửi hình về. Trong hình bố mặc áo choàng đẹp như Gregory Peck, đứng cạnh đạo quân của Hoàng gia Anh bồng súng. Những người lính Ăng lê mũi nhọn, mặc áo nhung đỏ, đội những chiếc mũ nhung đen cao vút. Từ căn phòng đượm mùi hương quế ấy, con bé hay chạy ù ra đón mẹ đi dạy về. Mẹ mặc áo nhung tím, che dù tím, quần sa tanh trắng. Mẹ sách ví đầm, đánh phấn hồng, tóc "phi dê". Mẹ làm cô giáo dạy trường Đồng Khánh, tối mẹ ngồi chấm luận học trò và viết thư cho bố.

Bây giờ con bé sinh sống độc lập và hành nghề trong một môi trường công vụ hằng ngày đối mặt nhiều người đàn ông da trắng. Mùa đông họ mặc áo choàng giống như bố thuở còn du học ở Luân đôn trong những bức hình gửi về từ bên Anh mà mấy mẹ con xúm xít cùng xem trong căn phòng khách ngát mùi hương quế.

Những người đàn ông này là những Gregory Peck của... Gregory Peck! Còn trong ký ức của con bé, bố là Gregory Peck của "Tuấn, Chàng Trai Nước Việt" nện gót giày trên những phố sương mù Luân đôn. Giống như con bé ngày nay đi trên những con đường có hoa tulips của thủ đô Hoa thịnh đốn, trong những hành lang tráng lệ của các tổ hợp luật sư, trong đại

sảnh cổ xưa của bộ Tư pháp. Bố thì vẫn làm việc, sống với, vì, và cho giới trẻ và lâu lâu tìm vui trong vũ trụ thơ Đường.

Cũng không còn nữa hình ảnh của mẹ mặc áo nhung tím, che dù tím, trong mưa phùn xứ Huế. Giờ mẹ thành bà già chăm sóc một hai đứa trẻ nít và làm vui trong việc tổ chức sinh hoạt và văn nghệ cho những trường xưa. Còn con bé thì ở cạnh những phụ nữ uy quyền, lạnh lùng, đầu môi chót lưỡi. Và những phụ nữ quần quật làm việc trí óc. Đó là những người đàn bà, như con bé, sống tranh vai tranh vế với đàn ông. Có khác chăng là họ không phải nhớ nhung những dư hương dĩ vãng.

•

"The government is ready for closing statement, Your Honor!", người nữ công tố viên Á Đông đứng dậy, đôi mắt nhìn thẳng. Đôi tay nhỏ bé đeo chiếc vòng ngọc thạch của bà ngoại để lại hơi run rẩy; nhưng đối phương không thể thấy ta run rẩy; nên người đàn bà cho tay vào đùi.

Phía bàn bên kia, mười người đàn ông da trắng dương mắt nhìn. Mười người đàn ông đại diện cho uy quyền, kinh tài và tiền bạc của xã hội Bắc Mĩ. Đám can nhân cũng cùng đồng phục, những bộ đồ lớn đắt tiền ở Frost Bros. Phía trên kia nữa là vị thẩm phán da trắng với tia nhìn nghiêm nghị và tóc bạc phơ. Phía bên phải là một mớ đồng nghiệp, lại cũng đàn ông da trắng, đang dò xét người nữ công tố viên gốc Á Đông thi thố tài năng.

Người đàn bà vừa nói vừa mơ thấy thảm cỏ xanh của Beethoven trong Symphonie Pastorale. Nhưng hình như trên đám cỏ xanh có cả con cò trắng, con trâu đen của giải đất hình chữ S, của ca dao tục ngữ nhiệm mầu. Trên thảm cỏ xanh, con bé lên bảy chạy tung tăng múa hát, mơ một ngày bố ở Luân đôn về mang theo chuỗi hạt kim cương của Nữ hoàng Elizabeth. Trên thảm cỏ xanh con bé mười bốn, trong ngày hội Trưng Vương, mặc áo tứ thân, vấn tóc đuôi gà, mang nón quai thao, hài tía, thắt lưng thiên lí, uốn éo ngâm thơ:

Ngun ngút khói hương vàng
Say trong giấc mơ vàng
Em cầu xin giời phật
Sao cho em lấy chàng

Người đàn bà vừa nói vừa mơ thấy mình là Mị Nương đứng bên lầu nghe Trương Chi hát, là Đặng thị Huệ trong vườn chè thuở còn đôi tám mơ mộng công hầu, là Huyền Trân ngày về tái ngộ với vua anh. Tim đập nhanh,

mồ hôi rơm rớm ở chân tóc, tay hết run mà đầu gối như gần nhũn. Những con mắt dương xanh ve, xanh xám vẫn chăm chú nhìn. Tiếng nói vẫn chát chúa. Nghị lực vẫn kéo dài. Những ngày làm việc suốt đêm sẽ kết thúc. Khi vụ án đã qua, lát nữa đây, người đàn bà sẽ thở phào ghé vào phòng vệ sinh, cho nước chảy lên cổ tay, lau khô, rồi chút nước hoa chấm lên vành tai, lên cổ tay, thay thế mùi hương quế yên lành tuổi nhỏ. Sau những cái bắt tay chia xẻ thành công, lũ người xách cặp da lục đục rời phòng xử. Người đàn bà cảm thấy cô đơn tột cùng. Cơn nhức đầu kéo đến màng tang. Người đàn bà muốn cong người lại, thu mình nhỏ thành cái bào thai trở về lòng mẹ, rồi mở ngát ra, mảnh linh hồn chào đời trên bãi cỏ xanh, trong tay mẹ thương yêu, trong bóng tối thân mật sau những tấm màn voan của căn phòng khách xa xưa ngát mùi hương quế.

Washington DC Feb. 1990

*Thơ Như Nguyện

**Theo bố, Tây Phương là tên một ngôi chùa nổi tiếng ở đất Thạch Thất, Sơn Tây.

Muốn an tâm khi đi mua máy Computer, không gì bằng đến

ACS ADVANCED COMPUTERS

1714 E. Mc. FADDEN Ave. SUITE 0
SANTA ANA, CA. 92705
Tel. (714) 648-0325 Fax. (714) 648-0326
STORE HOURS MON – SAT: 9AM – 7PM.
• Bán sỉ và lẻ computer giá hạ
Nhận VISA & MASTER CARD & Trả Góp
Nhận gửi đi xa qua UPS
IBM COMPATIBLE 100%
• XT/AT $475/$675
• AT 286/VGA/20Mb HD $1395
• AT 386-20/65Mb HD $1695
(All System Include 1 year Part & Labor Warranty)

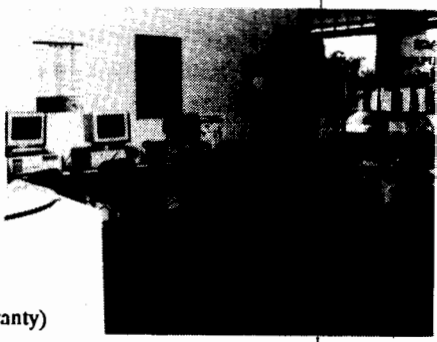

Đặc Biệt
• *LaserJet printer memory upgrade:*
1Mb. **$249.00**/*2Mb.* **$369.00**/*4Mb.* **$579.00**
(Expansion board & Ram)

TRÂN SA

ngày nào là ngày giỗ má?

●

Má yêu quý.

Con không biết ngày nào là ngày giỗ Má.

Khi Má qua đời, có lẽ con đang đi chơi lang thang ngoài bờ biển một mình, đang chăm chú nghe giảng bài trong lớp, hoặc đang vùi đầu vào một cuốn sách nào đó... Lúc ấy con nào có biết Má đang hấp hối, nào có biết Má đang thở những hơi thở cuối cùng. Má có gọi tên con?

Không ai từng nói cho con biết Má đã ở đâu. Không ai cho con biết Má chết ngày nào. Mấy năm sau khi Má qua đời, có người nhắc đến tên Má như một chuyện tình cờ. Tình cờ con cũng ngồi gần đó. Người ta như chợt nhớ ra, nhìn con và nói: "Má mày chết rồi". Con đâu có khóc. Con đâu có buồn. Con lại giận người ta cứ đùa dai.

Má ơi, khi người ta nói với con: "Má mày chết rồi", con vẫn không ngờ rằng Má là Má của con.

●

Bụng của Ngân càng ngày càng lớn. Nàng không thể giấu diếm cái thai của nàng với ai được nữa. Mỗi ngày ra chợ, nàng kéo nón lá che mặt, cúi gầm đầu lí nhí mua thức ăn thật mau rồi đi như trốn chạy. Nàng tránh không ra đường, ngoại trừ những lúc thật cần thiết. Nhưng những người quen biết lân cận vẫn không tha.

"Ngân, mày có bầu với ông chủ rồi phải không".

"Chà, cái bụng càng ngày càng lớn rồi đó nghen mạy. Mày liệu hồn, bà chủ mày về là bả xé xác mày ra. Lo mà trốn đi cho rồi".

"Vắng chủ nhà gà mọc đuôi tôm! Đồ cái thứ lộn chồng!".

Ngân sợ hãi. Ngân khóc với chàng:

"Em phải làm sao bây giờ, hở anh. Chắc chị Huê sẽ giết em chết...".

Chàng thở dài:

"Chắc không sao... Mình sẽ giải thích với Huê. Huê cứ đi buôn bán xa xôi, anh cần tình cảm, đáng lẽ Huê phải cám ơn em. Đừng khóc. Không sao đâu. Dù sao mình đã có con, Huê nó không dám xua đuổi em đâu".

Ngân giận chàng thì ít, giận mình nhiều hơn. Đôi mắt chàng hiền lành buồn bã. Đôi môi chàng âu yếm ngọt ngào. Ngân yêu chàng biết mấy, người đàn ông trầm mặc và nhân ái này. Của tiền chàng phân phát cho kẻ nghèo, chàng lại không bao giờ thù hằn ghét oán ai. Chàng không bao giờ lớn tiếng với Ngân, chàng ngăn cản Ngân giặt áo, dọn dẹp phòng chàng: "Việc gì tôi làm được, em để cho tôi làm. Chỉ khi nào tôi bận lắm, mới nhờ đến em. Em hãy chăm sóc cho con Sương, tội nghiệp nó nhớ mẹ nên biếng ăn biếng chơi...". Chàng đâu có tấn công Ngân, đâu có ve vãn gạ gẫm Ngân. Chỉ tại Ngân yêu kính chàng, quyến luyến không rời chàng. Chỉ tại Ngân mỗi đêm nằng nặng đứng quạt cho chàng ngủ. Chỉ tại khi chàng nhìn Ngân cảm động, Ngân đã không ngăn được mình rơi ngã vào cánh tay chàng...

"Anh ơi, anh thích con trai hay con gái?"

"Con nào anh cũng thương".

"Chị Huê sắp về rồi, phải không anh?"

"Thư Huê viết nói cuối tháng này".

Chàng trầm ngâm. Chàng vẫn hút thuốc. Ánh mắt chàng mông lung như khói. Ngân biết chàng cũng đang rối trí.

"Em vẫn sợ, anh ơi".

Chàng mím môi, nói thật:

"Ừ. Bà ấy cũng không vừa. Em nhớ đừng làm bả giận. Phải hết sức chịu đựng em nghe!".

Cũng như chàng thường chịu đựng những đay nghiến của vợ. Chàng hoàn toàn im lặng khi người vợ la hét: "Tiền tôi để lại là để lại cho ông nuôi nấng con Sương, để ông gầy dựng buôn bán, chớ đâu phải cho ông làm bộ hào hiệp cho người này người kia mượn. Tiệm càng ngày càng hao hụt hàng hóa! Không có con này xả thân đi đây đi đó làm ăn thì cha con ông dắt nhau đi xin. Cái thứ tàn tật như ông phước ba đời mới có tui hứng. Nếu không có con Sương thì tui đã ly dị với ông từ đời nào rồi".

Chàng nói với Ngân:

"Bà ấy nói đúng đó Ngân. Tôi xem như là đồ bỏ đi rồi. Tôi có lỗi với em cũng như có lỗi với bà ấy. Đáng lẽ tôi không nên tạo ra cái nghiệp này. Đáng lẽ tôi không nên. Tại sao tôi lại như thế...".

Chàng ứa nước mắt. Ngân cũng khóc. Chàng đứng lên đi đắp mền lại cho bé Sương, con chàng. Dáng đi của chàng xiêu vẹo, khập khiễng. Đó là vết tích để lại của những ngày chiến đấu chống Tây cứu nước của chàng. Chàng có kể lại với Ngân, không có vợ chàng, chưa chắc chàng đã sống đến ngày nay. Lúc chàng lết được về nhà với những miếng mìn cắm đầy đùi và cổ chân, vợ chàng đã suốt đêm săn sóc và tìm người cứu lấy chân chàng.

•

Má ơi,

Thuở nhỏ, con không thể hiểu được tại sao con luôn luôn một mình. Ba làm việc cho một khách sạn, có khi từ sáng đến đêm mà cũng không về được. Mẹ vẫn đi buôn xa, chị Sương ở trên nhà Ngoại, lâu lâu mới về. Con vẫn gọi Mẹ là Mẹ. Dù gì con cũng lớn lên một phần nhờ Mẹ nuôi dưỡng. Ba làm việc siêng năng như thế nhưng theo lời Mẹ, tiền lương chẳng có bao nhiêu. Má biết tính Ba mà. Ba hay giúp đỡ những người khác. Mẹ vẫn chửi rủa Ba hoài vì tính tốt đó.

À, con vừa muốn kể Má nghe nghe rằng thuở nhỏ con luôn luôn một mình. Thường thường, có ai đó được thuê đến để giúp việc nhà. Nhưng hầu như chẳng ai đã thật sự thương yêu quan tâm đến con đâu. Con thường lủi thủi chơi một mình trước sân. Con thích nhất là trò chơi vẽ hình lên đất. Con vẽ những khuôn mặt người. Con thủ thỉ nói chuyện với những hình vẽ trên đất. Chẳng ai thèm trả lời con. Con thấy con rất lẻ loi. Những chị giúp việc thì có lẽ có những nỗi khổ riêng, chẳng hơi đâu chơi đùa với một đứa bé biết sầu muộn quá sớm. Con ít ăn lắm, bắt những chị ấy dỗ dành hoài nên họ bực. Có một lần, chị gì ấy con không còn nhớ tên, dỗ cho con ăn bằng cách bắt một con chim sẻ cột dây vào cổ nó dắt đi lui đi tới cho con xem. Con mải ngắm nghía con chim sẻ nên vẫn chẳng ăn, chị ấy lấy kéo cắt phăng hai cánh của chim, dọa con: "Không chịu ăn cơm, tao cắt cả hai tay mày như thế này cho coi". Con đau cái đau của chim. Má à. Con đau và khóc ngất. Cái đau ấy vẫn còn trong con mãi cho đến ngày nay.

•

Ngân sinh ra một đứa con gái. Nước da nó ngăm ngăm giống mẹ. Mắt

mũi khuôn mặt đứa bé cũng giống Ngân như đúc. Chỉ có chiếc miệng là của cha. Vợ chàng đay nghiến mỗi ngày:

"Đồ phản chủ. Ai nuôi mày từ lúc cha mày chết, mẹ mày bệnh tật, hả Ngân? Mày đi lang thang không cơm ăn áo mặc, ai đem mày về nuôi cho sáng da dài tóc rồi mày cướp giật chồng ta? Tao gia hạn cho mày thêm ba tháng, mày ăn cho mập khỏe lại rồi lập tức bồng con mà đi cho khuất mắt tao. Nhà tao không chứa những thứ phản chủ nhơ bẩn như mày!".

Chưa đủ, vợ chàng còn mắng nhiếc cả đứa bé vừa mới ra đời:

"Đồ con rơi con rớt! Cái thứ này không đáng đặt tên. Con gái gì mà sinh ra da đen thui như chè đậu đen. Mày không lo bịt miệng nó lại, khóc ra rả cả đêm cả ngày như vậy không ai nghỉ ngơi ngủ ngáy gì được cả!".

Chàng vẫn im lặng. Chàng dặn Ngân cũng phải im lặng. Ngân nuốt nước mắt dỗ con nín và cắm cúi làm việc nhà. Ngân kỳ mài sàn nhà cho bóng loáng. Ngân ngâm áo quần trong thau với xà bông bột cả tiếng đồng hồ rồi mới dùng bàn chải xát thật kỹ, múc nước giếng xả đến ba bốn lần cho không còn một bong bóng nào còn trắng thuốc giặt. Ngân để ý chăm chút những món ăn vợ chàng ưa thích. Ngân vội vã đi giăng mùng, đập muỗi thật cẩn thận mỗi khi vợ chàng vuốn vai che miệng ngáp. Nhưng ba tháng đã qua, vợ chàng đứng chống nạnh chỉ vào mặt Ngân ra lệnh:

"Mày đi đi, như vậy là tao giữ đúng lời hứa của tao. Tao đã quá khoan hồng".

Ngân quỳ xuống sụp lạy:

"Con em mới chưa đầy bốn tháng. Nó còn nhỏ quá, em làm sao nuôi nấng nó nếu không có anh chị giúp đỡ. Em thì sao cũng được, trời bắt em khổ thì em chịu khổ. Nhưng con em thì đâu có tội tình gì. Em làm công làm mướn cho người ta cũng có miếng ăn qua ngày, chỉ tội không ai trông coi nó. Cha em mất rồi, mẹ em thì bệnh nằm một chỗ... Em không có một thân nhân nào để mà nhờ cậy, chị thương xót cho con em...".

Chàng đằng hắng, khịt mũi ba bốn lần, rồi nói nhỏ nhẹ:

"Tội nghiệp mẹ con nó. Huê à. Em coi nó đi đâu bây giờ với đứa con mới ba bốn tháng. Đứa bé dù sao cũng là máu mủ của anh!".

Vợ chàng nạt lớn:

"Anh im đi. Máu mủ của anh, chắc gì là máu mủ của anh. Tôi có thấy nó giống anh ở chỗ nào đâu. Thứ lăng loàn lang chạ này mà anh cũng tin sao?".

Chàng cười ngọt ngào lạc điệu:

"Em coi cái miệng nó kìa, cái núm ở cằm của nó coi dễ thương chưa. Không giống anh thì giống ai bây giờ. Tội nghiệp nó, em. Lỗi là lỗi của anh, anh chịu lỗi. Nhưng mà thương cho mẹ con nó...".

Vợ chàng lồng lộn xô nghiêng bàn ngã ghế, đập vỡ tan tành mặt kính tủ gương. Vợ chàng gào lên khóc kể:

"Phá! Tôi phá cho nát cái nhà dâm loạn phản bội này. Tôi phá cho sụp đổ tan tành hết rồi tôi với con Sương cùng uống thuốc chuột mà chết. Để cho hai người tự do hú hí với nhau trên cái chết của mẹ con tôi. Tôi làm thân cò lặn lội đường xa kiếm tiền cho hai người ở nhà ôm ấp làm trò tồi bại. Không, tôi không có ngu dại, một là hai đứa nó ra khỏi nhà tôi, hai là mẹ con tôi cùng chết!".

Chàng thở dài, ngồi ôm mặt. Ngân biết rằng những lời van xin của nàng vô ích. Nàng cũng đã đoán trước như vậy. Nàng chỉ bám níu vào chút tơ hy vọng mỏng manh kia bởi vì nàng không thể tìm ra một lối thoát nào nữa cả.

Ngân lẳng lặng đi xuống bếp, giang san của mẹ con nàng bao lâu nay. Nàng ngồi xuống cái giường nhỏ kê trong góc bếp, nơi con nàng đang ngây thơ nằm chơi giỡn với mấy ngón tay hồng hào nhỏ nhắn của nó. Nàng cúi xuống hôn con. Ôi đôi má nó, thịt da nó thơm thơm mùi sữa của nàng. Nàng kêu nhỏ: "Con, con ơi...". Con bé dẫy đạp hai chân mừng rỡ khi nghe tiếng nói, khi nhìn thấy khuôn mặt của nàng. Nước mắt nàng rơi xuống đôi môi non mịm của con.

"Con ơi, Má phải đi rồi. Con ở lại với Ba, con nhé. Tội nghiệp con. Tội nghiệp con quá. Nhưng Má biết làm sao. Má phải làm sao đây, hở con...".

•

Má yêu quý,

Bây giờ thì con đã hiểu vì sao Ba hay ngồi nhìn con thật lâu rồi thở dài. Ba thở dài não nuột quá, Má à. Ba ngắm nghía con, nói thật nhỏ: "Sao mà giống vậy. Từ con mắt, cái mũi đến mấy cái tàn nhang!". Có lúc Ba nói bâng quơ: "Má con hiền lắm, con biết không. Dịu dàng, đằm thắm. Con hơi khác Má con ở cái tính tình". Lúc đó con đâu có hiểu. Con tưởng Ba trách cứ ngầm về tính nết ngang bướng của con, con tưởng Ba so sánh con với Mẹ, và rất lấy làm bất phục. Mẹ dịu dàng và đằm thắm ư? Mẹ bực tức giận dữ, đánh đập con thường xuyên. Mẹ rủa xả, la mắng hằng ngày. Con khóc hoài

vì hành động lời nói của Mẹ. Thuở nhỏ, con hay tưởng tượng sau này con sẽ làm Mục Kiền Liên xuống địa ngục xin tội cho Mẹ, con vẫn thương yêu Mẹ lắm, nhưng tình thương yêu con dành cho Mẹ có pha trộn rất nhiều đau khổ.

Má à, Má là người đàn bà dịu dàng đằm thắm ấy mà Ba vẫn nhớ thương. Con cũng nhớ thương Má biết dường nào. Chỉ tội cho Má và tội cho con, là khi con biết ra Má là người đã sanh ra con thì Má đã thành đất bụi rồi. Con làm sao nhìn đôi mắt, chiếc mũi, khuôn mặt Má đây, hở Má. Ngày Má lìa con, con vẫn chưa biết nhớ mặt người. Ôi con ước gì được biết sớm hơn, để con sẽ được đi tìm Má.

•

Ngân bỏ đi được vài tháng rồi. Đứa bé cứ khóc ngằn ngặt vì thèm hơi thiếu sữa của Má. Chàng cho con uống sữa bò và lấy chiếc áo Ngân để lại để đắp cho nó. Mỗi đêm chàng ủ nó trong tay, ngâm thơ ru nó ngủ. Những bài thơ của chàng thường rất u buồn.

Vợ chồng chàng tìm kiếm Ngân nhiều nơi nhưng không thể tìm ra. Vợ chàng nguyền rủa Ngân là người mẹ vô tình bất nghĩa. Chàng âm thầm thương Ngân, biết rằng nàng đã vô tình tuyệt vọng. Chàng lại lo sợ Ngân lại đã tự tử mà chết mất rồi.

Việc làm ăn của cả hai vợ chồng càng ngày càng thất bại thảm hại. Vợ chàng liên lạc được một số người quen ở tỉnh khác, họ bảo đảm việc làm cho chàng ở đó, công việc là cai quản một khách sạn lớn, đông khách. Vợ chàng thuyết phục chàng đem vợ con bỏ xứ mà đi. Chàng nấn ná ít lâu để nghe ngóng tin tức của Ngân, nhưng không ai còn gặp nàng ở đâu cả.

Đứa con của chàng và Ngân không bao giờ nhìn thấy mặt mẹ lần nào nữa. Khi nó mười tuổi, chàng nghe tin Ngân đã chết. Sau khi bỏ đi hai ba năm. Ngân có chồng, chồng Ngân cũng rất nghèo. Họ có một hai đứa con gì đó với nhau. Ngân càng lúc càng ốm o bệnh hoạn, rồi chết. Đó là những gì chàng nghe được từ một người đồng hương trên mười năm mới gặp gỡ lại. Bà ta nói, những gì bà ta kể cho chàng nghe cũng do một người bạn khác kể lại thôi. Nhưng bà ta thêm vào, một cách chắc chắn, là Ngân thật sự đã chết rồi, chồng Ngân nghèo quá, không xây được cho Ngân một cái mộ cho đàng hoàng. Những người có đi đưa tiễn Ngân kể cho bà nghe, bia gắn trước mộ Ngân làm bằng gỗ, viết bằng sơn đỏ sơ sài. Chàng hỏi Ngân chết ngày nào, chôn ở đâu. Bà ta hứa sẽ tìm người hỏi giùm cho chàng.

Rồi bà ta theo con vượt biên đi Mỹ. Chàng không hề được tin tức gì của bà ta nữa.

•

Má của con,

Con biết Má luôn thương nhớ con dù đã xa con. Người ta kể lại khi Má dành dụm được một số tiền nhỏ, Má có đi tìm con, nhưng tìm không gặp. Sau đó Má cũng đi lấy chồng. Làm sao Má sống được một mình với cõi đời nhiễu loạn và phức tạp này. Con biết Má rất đa cảm, rất yếu đuối. Cũng giống như ba vậy. Con chỉ nghĩ vậy thôi chứ không hề có ý trách móc Má. Con luôn luôn yêu thương kính trọng Má. Má à, con vừa mới gửi thư về cho Ba Mẹ và chị Sương. Con có gửi kèm theo một số tiền. Ba Mẹ sống thoải mái, không hề thiếu thốn suốt mấy năm nay. Ba Mẹ đã già lắm rồi, con xem hình mà muốn khóc. Nhất là Mẹ, Mẹ già nhanh quá. Tóc Mẹ đã bạc quá nửa rồi. Hồn Má ở trên trời chắc cũng đã tha thứ cho Mẹ từ lâu. Còn con, con cũng chẳng có hờn trách gì Mẹ nữa. Con vẫn còn nhớ những lời xỏ đuổi xưa kia, khi con còn thơ dại và lầm lỗi với Mẹ: "Mày đi kiếm Má mày đi, tao không muốn nuôi mày thêm một ngày nào nữa!". Con vẫn còn nhớ bốn năm tuổi mà con vẫn còn đái dầm. Mẹ đưa cho con một bọc quần áo và đẩy con ra khỏi cửa "Đi đi, đồ con rơi, ngày nào cũng đái dầm thối giường thối chiếu, đâu ai ở không mà hầu hạ cho mày. Kiếm con mẹ Ngân về mà giặt chiếu cho mày!". Má à, hồi đó con tức lắm, Mẹ thì sờ sờ ở đó mà cứ nói con là con hoang. "Con mẹ Ngân" là ai thì con có biết đâu, con tưởng Mẹ đặt điều. Con ngu quá phải không Má. Ba thấy Mẹ xua đuổi con hoài cũng giận lắm, Ba hay kêu lên: "Ác thì cũng ác vừa vừa thôi. Nó có biết cái gì đâu, có tội lỗi gì đâu!". Nhưng Ba không hề nói thật cho con, đến khi con trưởng thành Ba mới kể lại.

Con chỉ nhớ vậy thôi, Má ơi, con ước gì Mẹ đã không như thế, nhưng bây giờ thì con hiểu ra rồi. Những trách móc của hiện tại không bao giờ bôi xóa được điều lỗi của quá khứ. Nhớ chỉ để mà tránh. Oán ghét người khác tức là tự tổn thương mình. Huống chi Mẹ đã có công ơn nuôi dưỡng con. Không lấy ân xóa hận được thì lấy gì mà xóa được hận!

•

Chàng không hề muốn kể cho con nghe chuyện ngày xưa, nhưng bỗng nhiên một ngày kia nó cũng biết.

Con chàng đã lớn, đã biết suy nghĩ; sự suy nghĩ của nó luôn luôn làm

chàng ngạc nhiên. Càng lớn, nó càng giống Má. Nhưng tính tình thì hoàn toàn khác. Nó ngang tàng, cứng cỏi, quyết liệt. Chàng biết cái cứng cỏi ngang tàng của nó phát sinh từ sự cô độc, thiếu tình cảm mà nó phải chịu đựng từ thuở mới ra đời. Đó là bản năng sinh tồn và là phản ứng tự nhiên xuất khởi từ trong tiềm thức thăm thẳm của nó. Hoặc nó sẽ trở thành một con người nhu nhược, nhút nhát, u uất, hoặc nó phải là nó như hiện tại. Nó đã chọn đúng. Nó lớn lên như một con thú rừng quen đến xem thường gai góc, mưa bão và sự hung tợn của dã thú. Như một chiếc hoa dại với màu sắc lạ lùng man rợ với những cành lá thô cứng sần sùi. Cũng may nó cũng còn chút nhạy cảm của Má nó, và lòng nhân hậu của Cha.

Một hôm, nó sắp xếp tất cả những dữ kiện với nhau một cách có hệ thống, rồi nghiêm nghị hỏi chàng:

"Đúng như vậy, phải không Ba? Má con tên là Ngân, người mà con không hề gặp mặt? Ba không có quyền dối con!".

Vâng, chàng không có quyền nói dối với nó nữa. Đôi mắt nó nhìn thẳng vào mắt chàng với một sức mạnh kỳ lạ chàng chưa từng thấy ở con mình. Ôi mới ngày nào nó còn nhỏ bé như một con thỏ con. Mới ngày nào chàng đã ủ nó trong tay và ru cho nó ngủ. Mới ngày nào...

"Con biết rồi đó. Ba đã không kể cho con nghe, Ba sợ con buồn. Mẹ cũng không muốn nói thật. Mẹ sợ sẽ mất con".

Con gái chàng mỉm cười, giọng nó như một đường dao đi sắc lịm:

"Con có bao giờ vui đâu mà Ba sợ con buồn? Mẹ sợ mất con. Mẹ có yêu con đâu mà sợ mất? Mẹ sợ mất cái gì khác, chớ không phải là con".

Rồi nó quay đi, không còn nhắc lại câu chuyện cũ nữa. Nhưng nó thường thẫn thờ nhìn đi đâu đâu, như khát thèm, tiếc nuối mãi một điều gì nó không bao giờ được có. Ánh mắt nó buồn rầu giá lạnh. Nó ít khi nói năng, dù vẫn tỏ ra lễ độ với Ba Mẹ và người chị cùng cha khác mẹ.

Khi nó ngồi xuống để nói chuyện với chàng lần kế tiếp, nó mím môi, nói một cách cương quyết:

"Ba à, con phải đi thật xa. Con phải đi kiếm sự sống. Ở nơi này, không khí đã chết. Con cần kiếm sinh khí mới. Ở nơi này, người ta độc quyền hít thở, không chừa cho ai được một chút dưỡng khí nào. Bằng bất cứ cách nào, con cũng phải thoát ra. Con còn phải đi kiếm Tình Yêu của con nữa, Ba Má ngày xưa yêu nhau mà phải chạy trốn nhau, con sẽ không như vậy. Con phải nếm tận cùng cái vị đắng của trần gian để tìm ra cái ngọt ngào

chứa đựng trong đó. Có lẽ lâu lắm con mới về được. Nhưng con sẽ luôn luôn nhớ thương và chăm sóc cho Ba Mẹ, bằng một hình thức khác".

Nó ra đi thật. Rất xa. Và đã lâu lắm thật, mà nó vẫn chưa về.

•

Má Yêu Quý Của Con,

Vâng! Con không hờn trách ai hết, con cũng không oán giận Thượng Đế, bởi vì làm gì có Thượng Đế mà oán giận. Mọi lỡ lầm gây đớn khổ đều do con người tạo ra cả. Nếu Thượng Đế có thật, thì hẳn đã không có khổ đau trên trần gian. Đấng toàn năng toàn thiện thì đâu có nghĩ đến chuyện trừng phạt. Nếu không kiểm soát nổi con người, để họ gây ra tội lỗi, thì đâu có thể gọi là toàn năng? Trừng phạt con người đến như gây ra, hoặc bỏ mặc, cho con người hứng chịu những thảm cảnh khắp nơi trên trái đất này, như thế thì làm sao gọi là toàn thiện?

Mặc dù thế, mặc dù lòng con không mảy may hờn giận, nhưng Má ơi, sao vết thương tuổi nhỏ của con vẫn chưa lành lặn hẳn. Thỉnh thoảng con vẫn ôm mặt khóc một mình. Con kêu lên tại sao lại tội nghiệp đến thế. Con vẫn nhớ bầu sữa, hơi ấm của Má. Có phải vì bầu sữa và hơi ấm của Má đã không được thay thế, phải không hở Má. Ôi tại sao tất cả những bầu sữa mẹ trên cuộc đời này đều không là Bầu Sữa Mẹ của Những Đứa Con Chung? Tại sao tất cả những dòng suối trên đời này không thể là những Dòng Sữa Ngọt Của Trần Gian? Được như thế thì con đâu có mất Má, vì Má ở khắp nơi, giọt mưa giọt sương nào cũng là của Má.

Nhưng Má yêu ơi, Má tin đi, sau những cơn khóc ngất, con vẫn lại mỉm cười và bước vào đời sống. Một ngày nào đó, con hứa với Má, con chỉ mỉm cười thôi và sẽ không còn khóc nữa. Nếu con phải khóc, thì giọt lệ con không phải là giọt lệ khóc than cho sự bất hạnh của con, mà sẽ là lệ chung hòa, cho số phận những con người đau khổ khác. Chia nỗi đau xót của người tức là làm vơi đi nỗi đau khổ của mình, là làm sự đau khổ trở thành giá trị? Bất cứ sự đau khổ vô giá trị nào cũng đều không cần thiết? Sự đau khổ không làm lớn mạnh con người đều không thể nào tồn tại? Có đúng như vậy không, hở Má?

Má ơi, con vẫn không biết ngày nào là ngày giỗ Má. Có lẽ cách biểu lộ tình thương của con dành cho má phải là lòng yêu quý sự sống và con người, không làm sao khác hơn, phải không Má Yêu Quý? Con đang cố gắng! Cố gắng! Cố gắng, Má à!

TRẦN VĂN TÍCH

tỳ bà hành, một kiệt tác dịch thơ hán ra thơ việt

●

Trong thi ca cổ điển Trung Hoa cũng như một vài nước phương Đông như Triều Tiên, Nhật Bản, Việt Nam, hầu như mỗi khi muốn đề cập khía cạnh sinh bất phùng thời của một số kiếp người thì người ta lại liên tưởng đến *Tỳ Bà Hành*; mỗi khi muốn nói đến những cuộc đời đồng cảnh bất hạnh thì dẫu rằng không hẹn mà nên, mọi tế bào chất xám cứ tự động quay về tinh thần *cùng một lứa bên trời lận đận, gặp gỡ nhau lọ sẵn quen nhau!* Nhưng không phải chỉ có những số phận cá nhân mới được xếp *cùng một lứa*, nguyên tác và bản dịch quốc âm tác phẩm của Bạch Cư Dị cũng có thể được xem như *cùng một lứa*: hiếm có áng văn dịch nào lại nghiễm nhiên trở thành một đứa con ruột thịt của ngôn ngữ chuyển dịch như *Tỳ Bà Hành*. Mà một sự thành công như vậy, phần nào có lẽ cũng do ngoại ngữ và bản ngữ, tác giả và dịch giả đều *cùng một lứa*.

●

Paul Demiéville, trong *Tuyển Tập Thi Ca Trung Hoa* (1) cho rằng Bạch Cư Dị *"là một trong những nhà thơ Trung Hoa nổi tiếng nhất, về mặt trữ tình cũng như châm biếm, là nhà quan sát và người tường thuật xuất chúng mà tác phẩm đa dạng thuộc loại dễ tiếp thu nhất đối với độc giả nước ngoài"*. Lời nhận xét này đã xác đáng đối với toàn bộ sự nghiệp thi ca đồ sộ của Bạch Lạc Thiên – họ Bạch là nhà thơ sáng tác nhiều nhất, nhì đời Đường (lối ba nghìn bảy trăm bài) – lại càng xác đáng hơn đối với *Tỳ Bà Hành*. Vì chính bản thân quan Tư mã đất Giang Châu từng chủ trương viết bình

(1)P. Demiéville. – Anthologie de la poésie chinoise. Gallimard. Paris. 1960.

dị, sáng sủa, *lời lẽ chất phác, thẳng thắn, xem là hiểu* (2); *không cần âm luật cao cũng chẳng cần chữ lạ, miễn làm sao nói rõ nỗi khổ của muôn dân*. (3)

Bạch Cư Dị (772 – 846) *là một nhân vật đặc biệt*(4) gốc người Hạ Khuê, nay thuộc tỉnh Thiểm Tây, ra đời trong một gia đình quan lại cấp tỉnh ở Hà Nam, gia tư túng quẫn. Xã hội thời bấy giờ loạn lạc, các phiên trấn cát cứ khắp nơi, công khai chống lại triều đình trung ương ngày càng suy yếu. Thuở ấu thời, Bạch đã phải theo gia đình chạy loạn về Giang Nam. Đó là một con người rất chăm học, đến nỗi *lưỡi mọc mụn nhọt*, rất chăm viết nên *chai cả cùi và tay*. Nhưng ông đỗ đạt trễ, mãi năm 800 mới thi đậu tiến sĩ. Năm 806, Bạch nhận chức huyện úy huyện Châu Chi ở phía tây Trường An; năm 807, được gọi về triều lãnh chức Hàn lâm Học sĩ. Năm 808, trong cương vị Tả thập di, một chức gián quan, ông bắt đầu lên tiếng phê phán, đả kích việc triều chính trong mấy năm ròng. Năm 812 mẹ mất, Bạch xin từ quan chịu tang mẹ ba năm. Hết tang, nhà thơ trở lại Trường An nhận một chức quan nhỏ. Vì thẳng thắn can vua, ông bị giáng chức và bị biếm làm Tư mã đất Giang Châu, một chức quan không có thực quyền, nhàn rỗi đến nỗi *ngoài việc rửa mặt, chải đầu, tắm rửa ra, không có việc gì mà làm* (5). Thời gian này (815 – 818) ông sống gần như một nhà ẩn sĩ, J.P.D. gọi là *le demi–reclus*. Nhưng dẫu vậy ông vẫn để lại được kiệt tác *Tỳ Bà Hành*. Trong những năm cuối đời, trừ một vài giai đoạn ngắn được triệu về kinh, mà nấc thang hoạn lộ cao cấp nhất là Thượng thư bộ Hình trí sĩ, phần lớn thời gian ông giữ những chức quan ở địa phương. Ông tiếp tục sống *ẩn ngay tại cửa quan*, sống lối sống *bán quan bán ẩn, trung ẩn*, một lối sống *giống xuất cũng giống xử, chẳng bận cũng chẳng nhàn*.

Bạch Cư Dị tự phân chia thơ mình thành bốn loại: *phúng dụ, cảm thương, nhàn thích* và *tạp luật*. Loại thơ cảm thương được thi sĩ định nghĩa là *sự vật dắt dẫn ở ngoài, tình lý rung động ở trong, theo cảm xúc mà diễn ra lời ngâm vịnh thì gọi là thơ cảm thương*. Dẫu sao, sự phân chia như thế cũng không

---

(2) Tựa Tân Nhạc Phủ.

(3) Thư gửi Đường Sinh

(4) J.P.D. "Po Kiu–Yi est un type" trong Encyclopedia universalis Vol 13

(5) Thư gửi Nguyên Chẩn. Nguyên Chẩn là bạn chí thiết của nhà thơ, có công đề xướng thể thơ mới Tân Nhạc Phủ.

(6) Phúng dụ thi là những bài thơ (gồm tất cả lối 170 bài) có tác dụng giáo hóa, phê phán mà phần chính là 50 bài Tân Nhạc Phủ, chịu ảnh hưởng trực tiếp của Kinh Thi.

hoàn toàn hợp lý, vì trong thơ phúng dụ cũng có yếu tố cảm thương và trong thơ cảm thương cũng có yếu tố phúng dụ (6).

Tiêu biểu nhất cho thơ cảm thương nói riêng, nhưng cũng tiêu biểu nhất cho toàn bộ thi ca Bạch Cư Dị nói chung là *Tỳ Bà Hành*. Đồng thời đây cũng là một trong những bài thơ hay nhất của văn học cổ điển Trung Hoa. Do đó, văn chương Hán Nôm thường nhắc đến nó. Đấy là trường hợp Nguyễn Du trong *Truyền Kỳ Mạn Lục (Chuyện nghiệp oan của Đào thị):*

Túc bất hướng Tầm Dương tống khách

(Chân không đến bến Tầm Dương đưa khách);

Cao Bá Quát trong bài thơ tiễn bạn:

Tỳ bà khúc bãi tỉnh cô thần (7)

(Nghe xong khúc tỳ bà, thấy rõ thân thế người bầy tôi triều cũ);

Nguyễn Khuyến cũng trong một bài thơ Nôm ly biệt:

Bến Tầm Dương đọc câu giang thượng (8).

Còn hai cha con Ngô Thì Sĩ, Ngô Thì Nhậm thì từng phát biểu:

Trường hận dữ Tỳ bà
Nhị thiên thủ bất ly (9).

(Trường Hận ca và Tỳ Bà Hành

Hai thiên không bao giờ rời tay);

Và

Ca hành thời tụng tử du nhiên (10)

[Mỗi khi đọc bài hành (Tỳ Bà) tâm hồn lại bùi ngùi vô hạn]

Nội dung và câu chuyện tường thuật trong *Tỳ Bà Hành* vừa đơn giản vừa cảm động. Không gian là một nơi đất trích, trong cảnh sống tha hương lữ thứ của bước đường cùng lận đận. Thời gian là mùa thu, một mùa thu buồn mang mác. Thời điểm là một lần tiễn khách, trong cảnh biệt ly xé lòng. Địa điểm là bến con sông Bồn, là bến Tầm Dương, chỗ Trường giang đổ nước qua tỉnh Giang Tây, thị trấn Cửu Giang, nơi sông và trăng hòa vào nhau, xóa lằn ranh giữa trời với nước, nơi *vi lô hiu hắt như màu khói trên*. Chợt

---

(7) Đoàn Tính Lân hành bả tửu vi biệt tẩu bút dữ chi (Đoàn Tính lúc sắp lên đường nâng chén tử biệt viết chạy bài này để tặng).

(8) Tác giả tự dịch bài "Dữ bản huyện doãn Nguyễn, nguyên doãn Trần đồng ẩm, tức tịch thư tiễn" (Cùng ông tri huyện họ Nguyễn và ông nguyên tri huyện họ Trần uống rượu, viết bài này ngay trên tiệc để tiễn biệt).

(9) Ngô Thì Sĩ – Độc Bạch tập ngũ thập tứ vận (Năm mươi tư đọc tập thơ họ Bạch).

(10) Ngô Thì Nhậm – Đề Tỳ Bà đình (Đề đình tỳ bà).

tiếng tỳ bà văng vẳng bên sông, khiến ly khách không thể đi và người tiễn đưa cũng chẳng nỡ về. Thi nhân tìm đến người gảy đàn và xin nàng đánh đàn cho nghe. Rồi tiếng đàn của mỹ nhân được mô tả. Sau khi gảy đàn, nàng kể lại cuộc đời gian truân chìm nổi. Sẵn xúc động vì tiếng đàn lại càng xúc động vì số phận nghệ sĩ, nhà thơ cũng tỏ bày tâm sự sâu kín. Cảm vì tấc lòng tri ngộ của khách tri âm, nàng đánh đàn lần nữa. Lần này tiếng đàn càng réo rắt, càng não nùng; tâm tư người nghe càng xao động, càng bồi hồi, và xao động bồi hồi nhất là quan Tư mã đất Giang Châu.

•

Nguyên tác *Tỳ Bà Hành* được viết theo thể *thất ngôn trường thiên*, gồm tám mươi tám câu, sáu trăm hai mươi hai chữ, như chính phần *Tựa* xác định (*lục bách nhị thập nhị ngôn*). Bản dịch sang tiếng Việt được truyền tụng rộng rãi mà văn học sử có khuynh hướng xem là của Phan Huy Vịnh gồm hai mươi hai khổ thơ *song thất lục bát*, nghĩa là cũng gồm (4x22) tám mươi tám câu nhưng chỉ có (28x22) sáu trăm mười sáu chữ. Như vậy, tuy số câu được giữ nguyên nhưng số chữ có rút bớt và nhất là thể loại thơ thì khác biệt. Bản dịch của Trần Trọng Kim sau này cũng có cùng đặc điểm: số câu giữ nguyên là tám mươi tám, nhưng thể loại thơ là thể *lục bát*. Tất nhiên trong khi chuyển một bài thơ từ ngôn ngữ này sang ngôn ngữ khác, không bắt buộc phải cứng ngắc tôn trọng quan hệ đơn trị giữa hai ngôn ngữ về cả từ vựng, ngữ pháp lẫn thể loại, thi cách. Một bản dịch trọn vẹn một thi phẩm chữ Hán sang quốc âm thành công khác của văn học sử Việt Nam là bản *Chinh Phụ Ngâm* cũng ở trong trường hợp này: nếu nguyên tác của Đặng Trần Côn chủ yếu thuộc thể thơ *nhạc phủ* thì bản dịch của Hồng Hà nữ sĩ lại theo thể *song thất lục bát*.

Trong dịch thuật, cha ông chúng ta từ lâu vẫn chủ trương phải *tín, đạt* và *nhã*; tuy rằng ba tiêu chuẩn đó chỉ được hệ thống hóa bởi Nghiêm Phục vào cuối đời Thanh (Trung Hoa, thế kỷ XVIII). Nghệ thuật chuyển dịch thi ca hiện đại thì cho rằng khi dịch thơ, *"vấn đề không phải là dịch thể loại sang thể loại, cấu trúc sang cấu trúc; mà điều cần dịch là chức năng hay các chức năng thi ca của tác phẩm, tức là tác dụng hay những tác dụng của nguyên văn. Điều cần dịch là tứ thơ của nguyên bản, chứ không phải thể tài"* (11). *Tín* tức là phải cố gắng trung thành với nguyên tác; *đạt* là phải lột được cái thần của bản gốc; *nhã* là phải lưu loát, thanh thoát trong bản dịch. Tất nhiên đây là nói về dịch thuật văn chương. Vì dịch thuật khoa

(11) G.Mounin – Les problèmes théoriques de la traduction. Paris 1963

học không như thế, để đừng nói là ngược lại. *Ngôn ngữ khoa học* vốn chính xác, đơn nghĩa, gồm chủ yếu những bất biến ngôn ngữ (ví dụ thuật ngữ, công thức...) cho nên việc dịch có thể thật đúng, bằng máy vẫn được, vì mục đích của việc dịch chỉ là trình bày văn bản gốc bằng những đơn vị khái niệm đối ứng trong ngôn ngữ chuyển dịch. Thậm chí có khi không cần dịch, ví dụ khi gặp các tên gọi khoa học bằng tiếng La tinh. Nhưng *ngôn ngữ nghệ thuật* lại mang tính hình tượng cao, có nhiều sắc thái biểu cảm, dĩ chí nhiều điểm phân biệt rất tinh vi (ví dụ nét sắc dị giữa hai tiếng được cho là đồng nghĩa); tất cả những điều đó thông thường là những khả biến ngoài ngôn ngữ. Cho nên người dịch phải dày công tìm tòi, lựa chọn những hình tượng, những sắc thái, những âm thái tương ứng thì mới mong bản dịch mang được hiệu lực truyền cảm như bản gốc. Trong thực tế, dịch từ Hán sang Việt có một số thuận lợi riêng, bên cạnh thuận lợi chung vẫn hằng gặp khi chuyển một ngôn ngữ nước ngoài sang ngôn ngữ mẹ đẻ (ngược lại thì có khó khăn hơn). Ví dụ thể điệu, thi cách trong hai ngôn ngữ có nhiều điểm tương đồng; âm hưởng, tiết tấu cũng gần gụi; có nhiều từ ngữ và bộ phận câu đồng dạng trong hai tiếng nói.

So sánh bản dịch *Tỳ Bà Hành* với bản chữ Hán, chúng ta thấy có một số điểm đáng để ý:

* Thể loại lựa chọn, thể *song thất lục bát*, là một thể loại thích đáng, vì đây là thể thơ dân tộc sở trường về mặt trình bày các tình cảm buồn thương ai oán. Dương Quảng Hàm chỉ rõ điều này trong *Văn Học Việt Nam: "Ngâm là một bài văn vần tả những tình cảm ở trong lòng, thứ nhất là những tình buồn, sầu, đau, thương. Các ngâm khúc trong văn ta thường làm theo thể song thất lục bát (...)*. Bởi thế *Cung Oán Ngâm Khúc, Chinh Phụ Ngâm* đều viết theo thể *hai bảy, sáu tám*. Ngược lại, bản dịch bài *Dụ Chư Tỳ Tướng Hịch Văn* của Trần Hưng Đạo sang quốc âm theo thể *song thất lục bát* do Phan Kế Bính chấp bút đã ảnh hưởng đến tính hùng hồn, sôi sục của phong cách nguyên tác; ít còn giữ được nguyên vẹn *khí cốt dồi dào* và *lời văn quyết đoán*, như Lưu Hiệp (thế kỷ VI) bàn về ngôn ngữ văn hịch trong *Văn Tâm Điêu Long* (12). Thế mạnh của thể văn *song thất lục bát* là

(12) Lưu Hiệp là một nhà nghiên cứu văn học Trung Hoa sống vào cuối thời Nam Bắc Triều, tức vào khoảng những thập kỷ đầu thế kỷ VI. Tác phẩm chính có Văn Tâm Điêu Long (Rồng khắc trong văn). Tục truyền sách do Lưu Hiệp viết vào cuối đời trong hai mươi năm; khi viết xong được trao cho Thẩm Ước, một nhà văn có tài và có uy vọng đương thời, đọc. Thẩm Ước rất khen ngợi và chuyền tay cho người khác xem. Khoảng một trăm năm sau, sách mới được phổ biến rộng rãi và lúc bấy

âm điệu đều đặn, triền miên, do đó nó phục vụ đắc lực mục tiêu mô tả nỗi buồn dằng dặc, lê thê. Ngoài ra, hai câu bảy chữ cho phép sử dụng nhiều âm trắc trong khi lục bát lại chứa đựng nhiều âm bằng, cho nên các khổ thơ tạo thành một dòng thơ vừa réo rắt vừa bạt ngàn, vừa uyển chuyển vừa mênh mông như một cõi lòng hiu quạnh, như một tâm sự não nề, như một mối sầu da diết. Cảnh đêm trăng, sương lạnh, nhớ chồng của người chinh phụ trong *Chinh Phụ Ngâm* chẳng hạn (từ câu 217 đến 228) là một thành tựu đặc sắc của thể thơ *hai bảy sáu tám* phối hợp cùng thủ pháp điệp ngữ liên hoàn. Độc đáo hơn nữa, thể thơ này từng được vận dụng trong sáng tác bằng Hán văn nếu người viết muốn trút vào thơ tâm trạng u hoài man mác của mình: đó là trường hợp Đinh Nhật Tân (1814 – ?) qua *Thu Dạ Lữ Hoài Ngâm*. Làm thơ Đường bằng chữ Hán, dùng thể thơ nhạc phủ để viết *Chinh Phụ Ngâm* bằng chữ Nho, tuyên bố với quốc dân về vĩ nghiệp bình Ngô theo thể văn và bằng ngôn ngữ của *Thang cáo, Đại cáo* trong *Kinh Thư*... điều đó dễ hiểu. Nhưng làm ngược lại, lấy một thi loại dân tộc để viết một áng văn ngoại ngữ như tác giả *Thu Lữ Dạ Hoài Ngâm*, thì thật là kim cổ kỳ quan. Mà sở dĩ như thế chính là vì *song thất lục bát* là thể thơ trầm buồn, sầu muộn. Trong bài *Tỳ Bà Hành*, hai khổ *song thất lục bát* ở phần mở đầu, rồi phần kể lể tâm sự của kỹ nữ, phần thi nhân tự xem mình với người đẹp là *cùng một lứa* đều là những ngữ đoạn ảm đạm, buồn thảm mà tác dụng tâm lý đã do thể thơ kéo dài, miên man góp phần tạo nên.

* Nếu vì nhu cầu *đạt* mà thể loại bản dịch *Tỳ Bà Hành* khác với thể loại bản gốc thì kết cấu dịch phẩm, nhìn từ toàn thể, lại rất gần gụi với kết cấu nguyên văn. Yếu tố *tín* ở đây được xem trọng. Số lượng câu thơ bằng nhau, số lượng chữ dùng chỉ chênh nhau sáu chữ. Nhìn chung, không có sự thêm bớt chuyển đổi táo bạo về mặt cấu trúc, không có, ví dụ, một câu nguyên tác được dịch thành hai ba câu hoặc ngược lại, ba bốn năm câu nguyên tác được góp lại thành một hai câu. Không có câu nào bị bỏ không dịch. Như vậy, nhìn từ từng câu, người dịch đã, khi dịch, lấy câu thơ – hoặc câu ngữ pháp – làm đơn vị phiên dịch. Cung cách này quả có phần dị biệt với lề lối Đoàn thị Điểm dịch Đặng Trần Côn. Ví dụ có đoạn phần chữ Hán *Chinh Phụ Ngâm* gồm tám câu, bản dịch chỉ gom lại thành bốn câu và xóa bỏ luôn ý lặp lại. Xin thử so sánh:

---

giờ tác giả mới được biết đến! Văn Tâm Điêu Long điểm qua các thể loại văn học: văn sử học, văn triết học, văn chính luận, văn bia, dân ca, thơ, phú, văn xuôi... đồng thời trình bày nguyên tắc, phương pháp, thái độ, tiêu chuẩn phê bình văn học.

Thiếp hữu câu chỉ ngân,
Thủ trung tằng tương thân.
Bằng kỳ thúy quân tử,
Vi vật ngụ ân cần.
Thiếp hữu tao đầu ngọc,
Anh nhi niên sở lộng.
Bằng kỳ thúy quân tử,
Tha hương hạnh trân trọng.

với:

Nhẫn đeo tay mọi khi ngắm nghía,
Ngọc cài đầu thuở bé vui chơi.
Cậy ai mà gửi tới nơi,
Để chàng trân trọng dấu người tương thân.

Kết quả: nguyên tác *Chinh Phụ Ngâm* có tới bốn trăm bảy mươi sáu câu, bản dịch của nữ sĩ họ Đoàn chỉ có bốn trăm mười hai câu, chênh lệch đến sáu mươi bốn câu.

* Yếu tố thứ ba, *nhã*, biểu hiện trong bài dịch qua những thủ pháp tu từ, những hình thức cú pháp quen thuộc của thi pháp, thi cách Việt Nam; nhờ đó câu thơ quốc âm theo đúng được tập quán ngôn ngữ thi ca dân tộc và mang được tính điển nhã của nền văn chương nước nhà. Tỷ như câu

Chủ nhân vong qui khách bất phát

dịch sát nghĩa là "chủ nhân quên về, khách không rời bến" đã được chuyển thành

Chủ khuây khỏa lại, khách dùng dằng xuôi.

Câu thơ tám chữ ngắt thành hai đoạn, chỉ cùng một tâm trạng nhưng của hai đối tượng, một chủ một khách, một bên đi tiễn, một bên được tiễn. Hai từ lắp láy *khuây khỏa* và *dùng dằng* gợi cái ý vừa vướng mắc, vừa day dứt, *rốn ngồi chẳng tiện, dứt về chỉn khôn*. Hoặc như câu

Do bão tỳ bà bán già diện

(Còn ôm cây tỳ bà che khuất nửa mặt)

biến thành

Tay ôm đàn che nửa mặt hoa

thì rõ ràng là vừa thanh tao vừa thuần Việt về hình thức qua từ ghép quen thuộc *mặt hoa* mà nội dung lại cực tả được thái độ e ấp, bỡ ngỡ của người kỹ nữ mới tiếp xúc với khách lạ ở đâu đột ngột đến hỏi thăm về mình.

Nếu Phan Huy Vịnh đúng là người dịch *Tỳ Bà Hành* thì tiểu sử cho thấy có vài điểm gần gụi với Bạch Cư Dị. Về quan chức, ông cũng đạt đến bậc Thượng thư, nhưng là Thượng thư bộ Lễ. Hai lần đi sứ nhà Thanh là những giai đoạn phải sống xa quê hương vì công vụ, nhất là lần thứ hai, năm 1854, vì loạn lạc ở miền Nam Trung Hoa nên sứ bộ bị kẹt lại đất khách, sứ trình kéo dài đến ba năm. Văn của họ Phan trong các tập hồi ký ghi lại những chuyến đi sứ bằng chữ Hán cũng giản dị, dễ hiểu; thi pháp lại hào hoa, bay bướm, có cái phong độ của một du khách hơn là một vị chánh sứ. Nghệ thuật điều khiển tiếng mẹ đẻ qua bản dịch *Tỳ Bà Hành* thực là điêu luyện, dẫu rằng từ ngữ sử dụng vẫn là những từ ngữ hằng ngày, thủ pháp tu từ vẫn là các thủ pháp quen thuộc. Tuy nhiên sự chọn lựa tinh tế và bố trí sáng tạo vốn liếng từ vựng đã làm cho tác phẩm có sức quyến rũ đặc biệt, có sức truyền cảm mạnh mẽ. Chỉ tiếc chúng ta không có được những dữ kiện liên hệ đến khía cạnh gian truân, thăng trầm trong cuộc đời của họ Phan.

•

Dịch phẩm *Tỳ Bà Hành* đã lột được cái thần của nguyên tác. Nhà nho làng Thụy Khê đã hòa âm rất nhịp nhàng với người khách đất Hạ Khuê. Trong cả bản gốc lẫn bản dịch, giá trị nghệ thuật của tác phẩm, đặc biệt về khía cạnh tả cảnh tả tình và kết hợp giữa tả cảnh và tả tình. giữa tự sự và trữ tình, được bảo đảm nguyên vẹn. Trục giao thoa của mọi sự kết hợp đó, điểm hội tụ của mọi mối giao lưu đó, là tiếng đàn. Hình tượng âm nhạc này giữ vai trò nhịp cầu thông cảm giữa nghệ sĩ và thi nhân, là một thông tin gây *feedback* mạnh mẽ. Hai lần dạo đàn đã là một chất xúc tác hữu hiệu giữa hai nhân tố khách thể và chủ thể, nhưng phản ứng hóa học do chúng thúc đẩy không phải chỉ là một phản ứng đơn phương, mà là một phản ứng thuận nghịch. Phần nhà thơ và người dịch đã bỏ nhiều tinh lực để miêu tả tiếng đàn, dẫu rằng đó không phải là cứu cánh; bởi văng vẳng sau tiếng đàn là những số phần oan khiên lận đận, vang vọng giữa các cung bậc là tâm sự của người trình bày và người thưởng thức. Đáng ái ngại đâu phải chỉ có khách má hồng gảy đàn mà cả con người phong trần là tác giả. Cho nên chẳng hề là ngẫu nhiên mà sự giao cảm đã phát sinh ngay từ phút *đàn ai nghe vẳng bên sông* để rồi sẽ phát triển mãi cùng với sự phát triển của tiếng đàn và những lời giãi bày tâm sự của cả hai bên. "*Đàn tỳ bà thì giọng ai oán*", Phạm Đình Hổ đã khẳng định như vậy trong *Vũ Trung Tùy Bút* khi viết về âm nhạc, chắc là một đề tài rất tâm đắc của bậc *trường sĩ*, vì ông đã viết rất dài, dài nhất, dài hơn cả khi viết về thi cử! Thực khó lòng

tưởng tượng là Bạch Lạc Thiên và Phan Hàm Phủ có thể, một người viết, một người dịch nên một tuyệt phẩm như *Tỳ Bà Hành* khi chợt nghe *om thòm trống trận, rập rình nhạc quân*. Vả lại, bản thân cô Kiều cũng chỉ thiện dụng đàn tỳ bà còn gọi là đàn Hồ, cây đàn Hồ từng theo bước Chiêu Quân ngày nào trên đường ly xứ tha hương vào đất Hung Nô man mọi:

Nghề riêng ăn đứt Hồ cầm một trương

Về phần loại, và nếu căn cứ vào tư liệu cổ như bộ *Toàn Thư* thì đàn gảy ngày xưa thường là nhạc khí hòa tấu, như đàn tam, đàn song vân. Nhưng đàn tỳ bà lại là một cây đàn độc tấu, ít nhất thì cũng ở trên quê hương và vào thời đại Bạch Cư Dị (13). Trong tác phẩm của Nguyễn Du, Thúy Kiều cũng luôn luôn đàn một mình, không hợp tấu với chàng Kim, mặc dầu Kim Trọng cũng là một nhạc sĩ tài hoa mà tuyệt nghệ cung thương đã từng làm cho bóng Kiều sống lại từ đoạn đời ký vãng.

Văn học dân tộc từng mô tả tiếng đàn nhiều lần, từ một giai điệu chất phác, thực thà vang lên từ nhạc khí của Thạch Sanh *đàn kêu tích tịch tình tang* đến những bản đàn điêu luyện trong *Truyện Kiều* qua *tiếng thánh thót cung đàn thúy dịch* của *Cung Oán Ngâm*.

Nhưng tiếng đàn tỳ bà – về mặt ngôn ngữ học – có điểm đặc biệt riêng của nó: đó là một tiếng đàn kết tinh từ một mối lương duyên bản ngữ – ngoại ngữ. Thực ra thì Nguyễn Du cũng từng dịch thơ Đường để mô tả tiếng đàn nàng Kiều. Trong bốn lần so tơ của mỹ nhân, Tố Như đã hai lần dịch thơ Đường để ghi lại tiếng đàn tài hoa (có lẽ nên nói thêm: hai lần dịch thơ Đường đó đều để tả tiếng đàn Kiều dành cho Kim, nghĩa là Kiều đàn với tâm trạng tự nguyện chứ không phải bị ép buộc như lần đàn cho Hoạn Thư và lần đàn cho Hồ Tôn Hiến nghe). Chẳng hạn bài *Cầm Sắt* của Lý Thương Ẩn (813 – 858):

Trang sinh hiểu mộng mê hồ điệp
Vọng đế xuân tâm thác đỗ quyên
Thương hải nguyệt minh châu hữu lệ
Lam điền nhật noãn ngọc sinh yên (14)

(13) Sang Việt Nam, đàn tỳ bà lại thường được sử dụng trong dàn nhạc nhiều hơn là trình tấu một mình. Chẳng hạn Lê Quý Đôn, trong Kiến Văn Tiểu Lục, từng đan cử Trần cương Trung, tác giả Sứ Giao Châu Thi Tập, mô tả nghi thức triều Trần tiếp đón ông ta như sau: "(...) phường hát gồm chừng mười nam và mười nữ, đều ngồi cả dưới đất, có đàn tỳ bà, đàn tranh, đàn độc huyền; giọng hát và cung đàn hòa nhịp với nhau rất đúng (...)".

là tiền thân của đoạn văn rất hay trình bày bản lĩnh của người đẹp *nổi tiếng cầm đài*:

Ấy là hồ điệp hay là Trang sinh?
Khúc đâu êm ái xuân tình,
Ấy hồn Thục đế hay mình đỗ quyên
Trong sao châu rỏ đuềnh quyên,
Ấm sao hạt ngọc Lam điền mới đông!

Nhưng dẫu sao thì nhà thơ họ Nguyễn đã chỉ dịch ý (*nghĩa dịch*) mà không dịch chữ (*trực dịch*) tác phẩm của nhà thơ họ Lý; và ông có quyền làm như thế, vì áng văn của ông là một sáng tác phẩm. Hoàn cảnh Phan Huy Vịnh có khác. Ông đã làm công việc chuyển dịch, nên ông phải tôn trọng những quy luật của nghệ thuật dịch, tuy rằng ông đã linh hoạt phối hợp cả hai cách: dịch phác theo nghĩa (15) và dịch tinh theo ý (16). Ông không những chỉ dịch chữ, dịch tiếng, dịch từ; ông còn dịch có hình tượng văn học, có nhịp điệu âm thanh, có thần, có duyên. Nhờ thế ngày nay chúng ta có thể chỉ cần dựa vào bản văn quốc âm để phân tích tuyệt kỹ của người kỹ nữ.

Phần trước đã đề cập không gian, thời gian xảy ra câu chuyện gảy đàn nghe đàn. Giờ đây chúng ta thử xem các nhân vật liên quan. Có ít nhất ba đối tượng: nghệ sĩ, thi sĩ và người bạn (hay những người bạn) được đưa tiễn. Vai trò thứ ba này tuy rõ ràng là phụ thuộc – chúng ta không biết gì về thân thế, lý lịch của đương nhân hay các đương nhân – nhưng vẫn có cái giá trị văn chương, tâm lý của nó. Không có vai trò đó tất nhiên không có cảnh biệt ly đứt ruột trên một bến sông. Mà không có bến sông, bãi nước thì tâm trạng chia cách không mênh mang sầu, linh cảm về thời gian chia cách không dài dằng dặc. Trong câu thơ *Chinh Phụ Ngâm*:

Ngàn dâu xanh ngắt một màu

những ruộng dâu chắc phải nằm cạnh nhau san sát trên một bãi phù sa dài hun hút, có như thế thì cái *màu xanh ngắt* (chữ *ngắt* tuyệt vời của tiếng mẹ ru!) nao lòng, xé ruột của chia ly mới kết tinh nhuần nhị với cái *mênh mông* về không gian của nương dâu, cái mênh mông không gian như có

(14) Trang Sinh tỉnh mộng rồi mà còn ngỡ mình là bươm bướm. Lòng tiếc thời xuân của Vọng Đế (vua nước Thục) gửi vào chim đỗ quyên. Trăng sáng soi biển xanh thấy hạt châu giọt xuống. Khí ấm mặt trời ban mai ở Lam Điền làm cho giọt ngọc như bốc hơi.

(15) Traduction littérale.

(16) Traduction littéraire.

đặc tài viễn kiến cái độ dày của thời gian xa cách, dự báo cái chiều dài thăm thẳm của đôi ngả chia lìa (17). Phải chăng cũng vì thế mà những bài thơ Đường xuất sắc mang tinh thần *auld lang syne* đều có bối cảnh là một bến cộ, một con đò, nếu không là một bờ hồ, một lượn sóng, như *Lâm giang tống Hạ Chiêm, Thu giang tống khách, Sinh ly biệt* của Bạch Cư Dị; *Tống khách qui Ngô, Hoàng Hạc lâu tống Mạnh Hạo Nhiên chi Quảng Lăng* của Lý Bạch; *Bồi giang phiếm chu tống Vy Ban qui kinh* của Đỗ Phủ; *Dịch thủy tống biệt* của Lạc Tân Vương; *Nam hành biệt đệ* của Vi Thừa Khánh; *Tống Lương Lục* của Trương Duyệt; *Dạ biệt vi tư sĩ* của Cao Thích; *Tống Hồ Đại* của Vương Xương Linh... Trong *Tỳ Bà Hành*, buổi tiễn đưa cũng diễn ra trong cái bao la của một dòng trường giang:

Nước mênh mông đượm vẻ gương trong

Giờ xin trở lại điểm xuất phát, trở lại với thính giả của người kỹ nữ Trường An trên bến Tầm Dương. Đó là một thính giả đặc biệt, đặc biệt ở ba điểm: am hiểu âm nhạc, tinh tường nghệ thuật đàn tỳ bà và nhất là có một cuộc đời, một tâm trạng giống như kỹ nữ.

Lòng mến mộ âm nhạc của Bạch Cư Dị biểu lộ qua thái độ sùng thượng *Kinh Thi*. Các tác giả khai sinh *Kinh Thi* là những nhạc quan vương triều nhà Chu; các tác phẩm được sưu tầm là những bài dân ca, dân nhạc hoặc những bài thơ phổ nhạc; những tác phẩm đó, về tiết tấu, rất giàu nhạc điệu; về kết cấu, thường theo cách *trùng chương điệp cú* (lặp đoạn, lặp câu) nên hay có hình thức xướng họa, hô ứng; đoạn một xướng, đoạn hai đáp hoặc hát hòa theo (tỷ như bài *Thập mẫu chi gian*, bài *Đông sơn*). Cho nên trong *Sử Ký*, Tư Mã Thiên mới bảo rằng ba trăm lẻ năm bài thơ trong *Kinh Thi*, Khổng Tử đều đàn hát cả (Thầy Khổng chứng tỏ tài nghệ đàn địch trong các lần chu du liệt quốc). Bản thân Bạch Cư Dị đã kế thừa tinh thần *Kinh Thi* một cách lỗi lạc trong năm mươi bài *tân nhạc phủ*, những bài thơ được Bạch rất mực trân trọng, nâng niu (J.P.D. mô tả những bài thơ đó là "*(Les pièces) Les plus chères au coeur du poète)*". *Nhạc phủ* nguyên là tên gọi cơ quan âm nhạc do Hán Vũ Đế lập nên, có chức năng thu thập ca dao và

---

(17) Nguyên tác chữ Hán lại vận dụng thêm lối điệp ngữ để nói lên cái bao la, cái bát ngát của ngàn dâu:
Thanh thanh mạch thượng tang,
Mạch thượng tang, mạch thượng tang.
(Bãi dâu xanh,
Bãi dâu xanh, bãi dâu xanh).

thơ để phổ nhạc. Về sau, thơ do cơ quan đó gom góp cũng được gọi là *thơ nhạc phủ*. Cũng như Bì Nhật Hưu, Đỗ Tuân Hạc, Nhiếp Di Trung, Bạch Cư Dị gọi một số bài thơ giàu tính tự sự, nặng chất trữ tình, có tiết điệu réo rắt của ông là *tân nhạc phủ*. Nhưng trong những bài thơ *nhàn thích* của Bạch, âm nhạc cũng là một đề tài quen thuộc bên cạnh rượu, hoa và cây cỏ. Hơn nữa, và nếu chú mục đọc, ta sẽ thấy âm thanh, âm tượng là những yếu tố thân thiết trong kho thi tứ của Bạch Lạc Thiên. Từ khá nhiều bài thơ của Bạch vang lên những tiếng nhạc cũng như những giọng hát. Đó là tiếng trống cầm canh *Trì trì chung cổ sơ trường dạ* (Tiếng trống cầm canh chầm chậm, qua đêm mới bắt đầu dài); đó là tiếng chầy đập vải *Lân chử thu thanh phát* (Chày bên hàng xóm vang lên tiếng mùa thu). Đó là những khúc hát xen lẫn với những vũ điệu:

Dạ thâm tiền điện án ca thanh
(Đêm khuya trên điện trước mặt vang tiếng hát)

Hoàn tự kim triêu ca tửu tịch
(Chẳng khác trong tiệc rượu vui hát sớm nay)

Quán thính Lê Viên ca quản thanh
(Quen nghe tiếng đàn hát ở Vườn Lê)

Tiên nhạc phong phiêu xứ tử văn
Hoãn ca mạn vũ ngưng ty trúc
(Khúc nhạc tiên theo gió đưa đi, nơi nơi nghe tiếng,
Giọng ca trầm, điệu múa khoan hòa với tiếng đàn tiếng sáo)

Đó còn là tiếng hát bi thương trong cảnh khốn cùng của người tù binh bị trói trên dòng sông dài:

Hốt phùng Giang Thủy ức Giang Hà
Thùy thủ tề thanh ô yết ca
(Chợt thấy dòng Trường Giang lại nhớ cảnh Giao Hà
Tay buông thống nghẹn ngào cất tiếng hát).

Nhưng bên cạnh những nốt nhạc, những bài ca đó, thế giới sinh vật, côn trùng, chim thú, hoa lá, cây cỏ cũng ào ạt mang âm hưởng tác động lên các nơron (18) mẫn cảm của nhà thơ. Đó có thể là tiếng:

– chim oanh: *Cung oanh bách chuyển sầu yếm văn*
(Oanh trong cung líu lo trăm giọng, buồn nghe đã chán)

---

(18) Nơron = tế bào thần kinh

– vượn hú: *Ai viên triêu tịch văn*

(Vượn hôm mai kêu thảm thiết)

– Ngựa hí: *Hướng phong tê nhất thanh*

(Ngẩng đầu trước gió hí lên một tiếng)

– cú rúc: *Kiêu minh tùng quế thụ*

(Cú kêu trong cây tùng cây quế)

– côn trùng: *Tảo cùng đề phục yết*

(Trùng sớm kêu rồi ngừng)

Những tiếng động thiên nhiên: gió thổi, mưa rơi, sóng vỗ, suối reo... cũng làm thi nhân xúc động, nhiều khi rất sâu xa. Có tiếng sóng nào mà có thể giết được người như tiếng sóng trên sông thu:

Yên ba sầu sát nhân

(Khói sóng buồn chết người)

Tiếng mưa rơi trên tàu lá chuối

Ba tiêu tiên hữu thanh

(Trên tàu lá chuối nghe tiếng mưa)

trên mũi thuyền

Dạ vũ trích thuyền bối

(Mưa đêm nhỏ giọt trên mũi thuyền)

trên song cửa

Tiêu tiêu ám vũ đả song thanh

(Mưa đêm rả rích, tiếng đập ngoài song)

đã viết thành những câu thơ có giai điệu, có nhịp điệu, như những bản đàn. Có những bài thơ được Bạch dành trọn vẹn cho âm thanh:

Tùng thanh (Tiếng thông reo)

Thính biên hồng (Nghe tiếng chim hồng ngoài ải)

Thụ trùng (Tiếng trùng mùa thu)

Văn dạ châm (Nghe tiếng chày đêm)

Còn có thể đi xa hơn, nếu muốn. Chẳng hạn, qua hai câu thơ trác tuyệt mô tả cung cách và môi trường chấm dứt bản đàn thứ nhất:

Tiếng buông xé lụa lựa vào bốn dây
Thuyền mấy lá đông tây lặng ngắt

chúng ta thấy tính thẩm âm tế nhị của Bạch, nó biểu lộ qua cái nhìn sâu

sắc, cái tai tinh tường khiến nhà thơ dường như đã nhận ra được mối tương quan hữu cơ, vật lý, khoa học giữa, một bên là những ấn tượng thời gian của âm thanh và bên kia là những ấn tượng không gian của vũ trụ. Chúng ta biết rằng ngày nay âm thanh, âm nhạc được mô tả bằng những khái niệm từng đắc dụng trong mô tả không gian như độ cao, độ dài, chiều rộng, chiều sâu, khối lượng, làn sóng, một chiều, hai chiều, bốn chiều... và một trong những mục đích của các kỹ thuật âm học điện tử hiện đại là chế tạo những thiết bị âm thanh có độ trung thực lớn để thể hiện lại đúng đắn của độ cao, độ dài, độ nổi, khối lượng của các âm thanh được thu vào dĩa hát, vào băng nhạc hay được khuếch đại qua máy vi âm. Dẫu không có được những tri thức vừa kể như chúng ta ngày nay về bản chất và quy luật của âm thanh, Bạch Cư Dị, qua hai câu thơ, đã vạch ra được mối liên hệ giữa tiếng đàn vang dội, cao vút, sâu thẳm với vũ trụ bao quanh mênh mông, lặng lẽ, vắng ngắt; và mối liên hệ âm thanh – không gian đó đã được thính quan thi sĩ trình bày thực là tài tình.

Và cũng do trình độ thẩm âm tinh tế của mình nên nhà thơ chỉ nghe văng vẳng tiếng đàn tỳ bà của ai đó bên sông đã là 1) về mặt nhạc học, biết ngay rằng trong tiếng tơ có giọng đàn nơi kinh khuyết [*hữu kinh đô thanh (Tỳ Bà Hành Tự)*]; 2) về mặt tâm lý, xúc động tức khắc, *chủ khuây khỏa lại, khách dùng dằng xuôi*. Ở đây sự xuất hiện của tiếng đàn không gượng ép, không ngẫu nhiên mà tự nhiên, hợp cảnh, hợp tình: hợp với khung cảnh thiên nhiên nơi bờ sông bến nước, hợp với tâm cảnh người lên đường kẻ ở lại. Tiến thêm bước nữa, khách khẩn khoản yêu cầu kỹ nữ đánh đàn và kỹ nữ, *vốn là người kẻ chợ* lưu lạc đến miền đất trích, tha hương ngộ tri âm, đã trút hết cả tài nghệ và nỗi lòng vào tiếng tơ đồng. Bởi vì cung đàn nốt nhạc đối với tiền nhân không phải chỉ là một hình thức giải trí đơn thuần mà là một cung cách thưởng ngoạn tao nhã, chỉ thích hợp với những tâm hồn có khả năng vận dụng âm nhạc như một phương tiện ký thác tâm sự, như một cách thế biểu lộ tâm tư. Luận điểm này có thể nhờ *Truyện Kiều* chứng minh dễ dàng. Nhưng trước hết, có lẽ nên nói rõ rằng Nguyễn Du cũng rành về âm nhạc. Yếu tố di truyền qua bà mẹ gốc gác quê hương quan họ, qua ông anh Nguyễn Khản chuyên *cầm chầu điểm hát, thích nghề hát xướng, sành âm luật, thường đặt những bài hát nhạc phủ ra làm điệu hát mới*... (Phạm Đình Hổ, *Vũ Trung Tùy Bút*) cũng như tài năng thẩm âm của bản thân Tố Như biểu lộ qua thơ văn, ví dụ qua bài *Long Thành cầm giả ca* (bài ca người gảy đàn ở Long Thành), là những bằng chứng. Trong *Truyện Kiều*, bốn lần đánh đàn của Thúy Kiều và một lần *so tơ* của Kim

Trọng đều là những dịp để Kim Kiều gửi gấm tâm sự sâu kín. Hơn thế nữa, trước khi đánh đàn Kim cũng như Kiều đều đốt hương trầm, và tiếng đàn chỉ vang lên trong bầu khói hương ngào ngạt, trang trọng. Tại buổi sơ kiến, lò hương đã được đốt sẵn: *Đài sen nổi sáp, song đào thêm hương*. Khi dặn dò cô em gái, Kiều mặc nhiên cho rằng mỗi lần đánh đàn thì đương nhiên phải đốt hương: *Đốt lò hương ấy, so tơ phím này*. Kim Trọng *đốt lò hương* rồi mới *giở phím đồng ngày xưa*. Và bản đàn tái ngộ cũng tấu lên trong bối cảnh *thêm nến giá, nối hương bình*. Đáng chú ý hơn nữa là hai lần mỹ nhân bị bắt buộc gảy đàn thì đều không hề có lò hương! Thành ra khách tri âm trên thế gian này không phải bao giờ cũng có, không phải ở đâu cũng gặp. Khách tri âm chỉ có nơi vườn Thúy, nơi quan nha; hay, để trở lại với đề tài bài viết, nơi bến Tầm Dương đất trích. Cho nên tuy chỉ mới *vận đàn mấy tiếng dạo qua, dẫu chưa nên khúc* mà *tình đà thoảng bay*! Nếu trước đó, chỉ cần vài âm thanh đồng vọng đã đủ để tạo ảnh hưởng giao thoa vật lý; chỉ cần ít tiết điệu mơ hồ đã đủ để hòa nhập với tần số tâm tình thì giờ đây khúc tiền tấu đã khiến thính giả phát hiện âm hưởng chủ đạo:

Huyền huyền yểm ức, thanh thanh tứ
Tự tố bình sinh bất đắc chí

(Mỗi dây là những lời ấm ức, mỗi tiếng là biết bao tình tứ
Dường như kể hết nỗi bất bình trong đời mình)

Sau bước đầu đóng vai một chuyển ngữ, giai điệu tiếng đàn kế tiếp biến thái phong phú, dồn dập, nhạc thức tấu khúc chuyển đổi sinh động, linh hoạt nhưng quan trọng hơn, tình cảm của mỹ nhân và thi nhân cũng biến thiên theo với tiếng đàn. Rồi trong khi sức lôi cuốn của tuyệt kỹ đang càng ngày càng mạnh mẽ, trong khi người đàn và người nghe đang chú nhĩ chú tâm vào cung thương, trong khi tiếng đàn đang ào ạt *chảy mau xuống ghềnh* thì bỗng *nước suối lạnh, dây mành ngừng đứt*. Như trong một bản đại hòa tấu, khi cả hội trường đang nín thở dõi theo làn sóng âm thanh thì nhạc trưởng ra dấu lặng. Hậu quả âm học phải đến đã đến: *thử thời vô thanh thắng hữu thanh* (lúc này lặng lẽ lại tình tứ hơn lúc có tiếng đàn)! Ở thời điểm này, có sự phối hợp hài hòa và khoa học của tác động sinh–tâm lý. Về mặt sinh lý học, cảm giác ghi nhận bao giờ cũng mạnh mẽ hơn, sâu sắc hơn khi có sự tương phản đột ngột của cường độ kích thích; về mặt tâm lý học, sự câm nín tiếp liền theo giai đoạn giải bày gan ruột còn hùng biện hơn. Dấu lặng đứt, tiếng đàn lại chuyển sang cao điểm, nhạc khúc đạt mức cao trào:

Bình bạc vỡ tuôn đầy dòng nước
Ngựa sắt giong, xô xát tiếng đao

Tiếng đàn giờ rộn ràng như tiếng vỡ tan của bình bạc làm nước chảy tung tóe, tiếng đàn giờ loảng xoảng như tiếng đao thương va chạm nhau trong một trận xáp lá cà. Sự gặp gỡ đắc thể, sự giao phối nhịp nhàng của âm điệu, hình ảnh, nốt nhạc, danh từ khiến tạo nên một hoạt cảnh rộn ràng, mãnh liệt nhưng cũng thanh tú, tiêu tao. Đến tuyệt đỉnh rồi, khúc đàn chỉ có thể kết thúc. Nhưng nó kết thúc với hiệu năng nhạc học tối đa, qua một động tác tuyệt vời của kỹ nữ, *trừu bát đương tâm hoạch* (phẩy một nhát mạnh giữa mặt đàn), tạo nên *tiếng buông xé lụa lựa vào bốn dây* khiến cho người nghe đang ngây ngất bỗng bàng hoàng trở về với thực tại thênh thang, giăng trải, vắng vẻ, quạnh hiu:

Thuyền mấy lá đông tây lặng ngắt
Một vầng trăng trong vắt dòng sông

Dạo đàn lần thứ hai, kỹ nữ và thính giả đã có dịp kể và nghe kể về cuộc đời, về tâm sự của nhau, đã biết rằng cả hai đều *cùng một lứa bên trời lận đận*, cụ thể hơn, đều cùng hoàn cảnh sống giang hồ lữ thứ. Việc mô tả bản đàn, tiếng đàn trở nên không cần thiết, nhường chỗ cho ý hướng nhấn mạnh rằng tiếng đàn cũng bước thêm một bước nữa về chất, song hành với bước diễn biến tâm tư của kỹ nữ và tác giả:

Nghe não nuột khác tay đàn trước
Khắp tiệc hoa sướt mướt lệ rơi

Phút cuối cùng này, chẳng thể nói là kỹ nữ đàn để bộc lộ tâm sự của ai và những dòng nước mắt của chàng Tư mã áo xanh nhỏ xuống vì ai.

•

Mỗi ngôn ngữ thi ca có cách diễn đạt quen thuộc, có cách riêng tạo hiệu quả thẩm mỹ. Nhưng vận dụng được tiếng mẹ ru đến độ lột được nguyên vẹn cái thần, cái tứ của một bài thơ trường thiên như tác giả bản dịch *Tỳ Bà Hành* đã làm thì hầu như trước đó không có ai sánh được, kể cả Đoàn thị Điểm và những người diễn âm *Chinh Phụ Ngâm* khác như Phan Huy Ích, Nguyễn Khản. Tất nhiên bản dịch thành công như thế cũng là do khả năng mỹ học của tiếng Việt, đã mô tả được cảnh sắc một cách linh động, đã trình bày được âm thanh một cách "lập thể", đã diễn đạt được tâm tình của các người trong cuộc một cách thấm thía. Trước *Chinh Phụ Ngâm* và *Tỳ Bà Hành*, văn học nước nhà, khi dịch văn thơ chữ Hán, chỉ dịch lẻ tẻ:

dịch một từ, một điển cố, một thành ngữ, một câu thơ hay một đoạn thơ ngắn. Với các dịch giả khúc ngâm và bài hành, lần đầu tiên chúng ta có những tác phẩm dài hơi được chuyển dịch sang tiếng mẹ đẻ. Việc làm này chứng minh một cách hùng hồn rằng ngôn ngữ, thể văn dân tộc hoàn toàn có khả năng tương đương với ngôn ngữ, thể văn nước ngoài; cho nên những tác phẩm trứ danh ngoại ngữ có thể được chuyển sang quốc ngữ với tất cả vẻ mỹ lệ, vẻ phong tao của chúng. Việc làm này cũng khai lối cho những Đinh Nhật Tân, Nguyễn Khuyến, Tản Đà... kế tục dịch Hán sang Việt, hoặc dịch thơ văn Trung Hoa, hoặc dịch thơ văn của chính mình. Đương nhiên bên cạnh bản lĩnh của tiếng Việt còn phải kể thêm những yếu tố cá nhân: các dịch giả đã tỏ ra là những người quán triệt sâu sắc hai thứ ngôn ngữ, ngôn ngữ nguyên tác và ngôn ngữ dân tộc. Không có một vốn liếng ngữ học phong phú, không có một năng lực sáng tạo dồi dào, không thể dịch thành công như vậy được.

TỲ BÀ HÀNH

Trong bài tựa Tỳ Bà Hành, Bạch Cư Dị viết rằng:

Năm Nguyên Hòa thứ mười (816), ta bị biếm ra làm chức tư mã ở huyện Cửu giang. Mùa thu năm sau (817), đi tiễn khách ở bến Bồn, nửa đêm nghe tiếng đàn tỳ bà ở một chiếc thuyền, tiếng nghe lanh lảnh như tiếng đàn ở Kinh đô. Hỏi ra mới biết là một người ca nữ ở Trường an, thường đã học tỳ bà hai thiện tài họ Mục và họ Tào. Người ấy nay tuổi đã cao, sắc đã kém, phải gửi thân vào anh lái buôn. Ta liền bảo đặt rượu và gẩy vài khúc. Gẩy xong mấy khúc, người ấy buồn bã, tự kể cuộc vui chơi lúc thiếu thời, nay phiêu linh, tiều tụy ở nơi giang hồ.

Ta ra làm quan ở ngoài đã hai năm, nỗi mình vừa hơi khuây, đến nay cảm lời nói của nàng lại nghĩ đến sự bị trích giáng, nên làm bài trường ca để tặng.

Ghi chú của Văn Học:

Vì Bác sĩ Trần văn Tích không gửi kèm bài thơ cũng như bài dịch. Văn Học trong khi đi tìm văn liệu, được tiếp xúc với Giáo sư Phan Huy Đạt, hậu duệ của dòng họ Phan Huy. Giáo sư Đạt cho biết, theo như trong gia phả của dòng họ, bản dịch Tỳ Bà Hành chính là của Phan Huy Thục, cụ thân sinh ra Phan Huy Vịnh.

Văn Học xin ghi cước chú này để tồn nghi.

BẢN PHIÊN ÂM	BẢN DỊCH
1. Tầm dương giang đầu dạ tống khách,	Bến Tầm dương đêm khuya đưa khách,
Phong diệp địch hoa thu sắt sắt.	Quạnh hơi thu, lau lách đìu hiu.
Chủ nhân hạ mã khách tại thuyền,	Người xuống ngựa, khách dừng chèo,
Cử tửu dục ẩm, vô quản huyền.	Chén quỳnh mong cạn, nhớ chiều trúc ti.
5. Túy bất thành hoan thảm tương biệt,	Say những luống ngại khi chia rẽ,
Biệt thời mang mang giang tẩm nguyệt.	Nước mênh mông đượm vẻ trăng trong.
Hốt vang thủy thượng tỳ bà thanh,	Tiếng tỳ nghe vẳng bên sông,
Chủ nhân vong quy khách bất phát.	Chủ khuây khỏa lại, khách dùng dằng xuôi.
9. Tầm thanh ám vấn đàn giả thùy?	Lần tiếng sẽ hỏi ai đàn tá?
Tỳ bà thanh đình dục ngữ trì.	Dùng dây tơ nấn ná làm thinh.
Dị thuyền tương cận yêu tương kiến,	Dời thuyền ghé lại thăm tình,
Thiêm tửu hồi đăng trùng khai yến.	Chong đèn, thêm rượu còn dành tiệc vui.
13. Thiên hô vạn hoán thủy xuất lai,	Mời mọc mãi, thấy người bỡ ngỡ,
Do bảo tỳ bà bán già diện.	Tay ôm đàn che nửa mặt hoa.
Chuyển trục bát huyền tam lưỡng thanh,	Vặn đàn mấy tiếng dạo qua,
Vị thành khúc điệu tiên hữu tình.	Khúc tuy chưa trọn, tình đà thoảng hay.
17. Huyền huyền yểm ức thang thanh tứ,	Nghe não nuột mấy dây buồn bực,
Tự tố bình sinh bất đắc chí.	Dường than niềm tấm tức bấy lâu.
Đê mi tín thủ tục tục đàn,	Mày chau tay gẩy khúc sầu,
Thuyết tận tâm trung vô hạn sự.	Giãi bày hết nỗi trước sau muôn vàn.
21. Khinh lũng mạn nhiên mạt phục khiêu,	Ngón buông bắt khoan khoan dìu dặt,
Sơ vi Nghê thường, hậu Lục yêu.	Trước Nghê thường sau thoắt Lục yêu.
Đại huyền tào tào như cấp vũ,	Dây to dường đổ mưa rào,
Tiểu huyền thiết thiết như tư ngữ.	Nỉ non dây nhỏ như trò chuyện riêng.
25. Tào tào, thiết thiết thác tạp đàn,	Tiếng cao thấp lựa chen lẫn gẩy,
Đại châu tiểu châu lạc ngọc bàn.	Mâm ngọc đâu bỗng nẩy hạt châu.
Gian quan oanh ngữ hoa đê hoạt,	Trong hoa oanh ríu rít nhau,
U yết tuyền lưu thủy hạ than.	Suối tuôn róc rách, chảy mau xuống ghềnh.
29.Thủy tuyền lãnh sáp huyền ngưng tuyệt,	Nước suối lạnh, dây mành ngừng đứt,
Ngưng tuyệt bất thông thanh tiệm yết.	Ngừng đứt nên phút bặt tiếng tơ.
Biệt hữu u tình ám hận sinh,	Ôm sầu, mang giận ngẩn ngơ,
Thử thời vô thanh thắng hữu thanh.	Tiếng tơ lạnh ngắt, bây giờ càng hay.
33. Ngân bình xạ phá thủy tương bính,	Bình bạc vỡ tuôn dây dòng nước,
Thiết kỵ đột xuất đao thương minh.	Ngựa sắt giong, xô xát tiếng đao.
Khúc chung thâu bát đương tâm hoạch,	Cung đàn lựa khúc thanh tao,
Tứ huyền nhất thanh như liệt bạch.	Tiếng buông xé lụa, lựa vào bốn dây.
37. Đông thuyền tây phảng tiểu vô ngôn,	Thuyền mấy lá đông tây lặng ngắt,

Duy kiến giang tâm thu nguyệt bạch.
Trầm ngâm phóng bát sáp huyền trung,
Chỉnh đốn y thường khởi liễm dung.
41. Tự ngôn bản thị kinh thành nữ,
Gia tại Hà Mô lăng hạ trú.
Thập tam học đắc tỳ bà thành,
Danh thuộc giáo phường đệ nhất bộ.
45. Khúc bãi tằng giao thiện tài phục,
Trung thành mỗi bị Thu Nương đố.
Ngũ Lăng niên thiếu tranh triền đầu,
Nhất khúc hồng tiêu bất tri số.
49. Điền đầu ngân bì kích thiết toái,
Huyết sắc la quần phiên tửu ố.
Kim niên hoan tiếu phục minh niên,
Thu nguyệt xuân phong đẳng nhàn độ.
53. Đệ tẩu tòng quân, a di tử,
Mộ khứ triêu lai nhan sắc cố.
Môn tiền lãnh lạc an mã hy,
Lão đại giá tác thương nhân phụ.
57. Thương nhân trọng lợi, khinh biệt ly,
Tiền nguyệt Phù Lương mãi trà khứ.
Khứ lai giang khẩu thủ không thuyền,
Nhiễu thuyền minh nguyệt giang thủy hàn.
61. Dạ thâm hốt mộng thiếu niên sự,
Mộng đề trang lệ hồng lan can.
Ngã văn tỳ bà dĩ thán tức,
Hựu văn thử ngữ trùng tức tức.
65. Đồng thị thiên nhai luân lạc nhân,
Tương phùng hà tất tằng tương thức.
Ngã tòng khứ niên tự đế kinh,
Trích cư ngọa bệnh Tầm dương thành.
69. Tầm dương địa tích vô âm nhạc,
Chung tuế bất văn ty trúc thanh.
Trú cận Bồn giang địa đê thấp,
Hoàng lô khổ trúc nhiễu trạch sinh.
73. Kỳ gian đán mộ văn hà vật?
Đỗ quyên đề huyết viên ai minh.
Xuân giang hoa triêu thu nguyệt dạ,
Vãng vãng thủ tửu hoàn độc khuynh.
77. Khởi vô sơn ca dữ thôn địch,

Một vầng trăng trong vắt lòng sông.
Ngậm ngùi đàn bát xếp xong,
Áo xiêm khép nép hầu mong giãi lời.
Rằng xưa vốn là người kẻ chợ,
Cồn Hà mô trú ở lân la.
Học đàn từ thuở mười ba,
Giáo phường đệ nhất sổ đà chép tên.
Gã thiện tài sợ phen dừng khúc,
Ả Thu nương ghen lúc điểm tô.
Ngũ lăng, chàng trẻ ganh đua,
Biết bao the thắm chuốc mua tiếng đàn.
Vành lược bạc gẩy tan dịp gõ,
Bức quần hồng hoen ố rượu rơi.
Năm năm lần lữa vui cười,
Mải trăng hoa, chẳng đoái hoài xuân thu.
Buồn em trẩy, lại lo dì thác,
Sầu hôm mai đổi khác hình dung.
Cửa ngoài xe ngựa vắng không,
Thân già mới kết duyên cùng khách thương.
Khách trọng lợi, khinh đường ly cách,
Mải buôn chè sớm tếch nguồn khơi.
Thuyền không đậu bến mặc ai,
Quanh thuyền trăng dãi, nước trôi lạnh lùng.
Đêm khuya, sực nhớ vòng tuổi trẻ,
Lệ trong hoa hoen vẻ phấn son.
Nghe đâu ta đã chạnh buồn,
Lại rầu vì nỗi nỉ non mấy lời.
"Cùng một lứa bên trời lận đận,
Gặp gỡ nhau lọ sẵn quen nhau.
Từ xa kinh khuyết bấy lâu,
Tầm dương đất trích gối sầu hôm mai.
Chốn cùng tịch lấy ai vui thích,
Tai chẳng nghe đàn địch cả năm.
Sông Bồn gần chốn cát lầm,
Lau vàng, trúc vó âm thầm quanh hiên.
Tiếng chi đó nghe liền sớm tối:
Cuốc kêu sầu, vượn nói véo von.
Hoa xuân nở, nguyệt thu tròn,
Lần lần tay chuốc chén son riêng ngừng.
Há chẳng có ca rừng, địch nội,

Âu nha trào chiết nan vi thính.
Kim dạ văn quân tỳ bà ngữ,
Như thính tiên nhạc nhĩ tạm minh.
81. Mạc từ cánh tọa đàn nhất khúc,
Vị quân tiên tác tỳ bà hành.
Cảm ngã thử ngôn lương cửu lập,
Khước tọa xúc huyền huyền chuyển cấp.
85. Thê thê bất tự hướng tiền thanh,
Mãn tọa trùng văn giai yểm khấp.
Tọa trung khấp hạ thùy tối đa?
Giang châu tư mã thanh sam thấp.

Bạch Cư Dị

Giọng líu lo, buồn nỗi khó nghe.
Tỳ bà nghe dạo canh khuya,
Dường như tiên nhạc gần kề bên tai.
Hãy ngồi lại gẩy chơi khúc nữa,
Sẽ vì nàng soạn sửa bài ca".
Đứng lâu dường cảm lời ta,
Lại ngồi lựa phím đàn đà kíp dây.
Nghe não nuột khác tay đàn trước,
Khắp tiệc hoa tuôn nước lệ rơi.
Lệ ai chan chứa hơn người?
Giang châu tư mã đượm mùi áo xanh.

(Phan Huy Vịnh dịch)

THƯỜNG QUÁN

đêm tháng giêng đọc bạch cư dị

●

Rồi chuyện tháng giêng buồn tháng giêng
Người xưa xa cách biển hoang đường
Thềm xuân trăng đổ nhào cánh sóng
Trong một góc phòng tĩnh yên

Tắt hết đèn khuya thức dậy
Màu trăng loang bóng đổ hiên tường
Những người bước khẽ về xin nói
Tôi cứ ngồi nghe hết cảm thương

Sương xuống bên ngoài đêm thấm áo
Bao nhiêu mùa lá đổ qua vườn
Lòng xanh thiên cổ làm sao gói
Giữ mãi như màu tóc liễu dương?

sau tết

●

Bàn tay ấy một lần quê quán
Trên tờ thơ dấu ấn hồng son
Vệt nắng đọng xanh nằm gọn lại
Hoa vàng ngoài cửa tết không còn

Để suối gió non ngàn đâu biết
Chảy về đâu mà mãi tương tư
Trời xa có những ngày mây tuyết
Nở như cúc trắng Thanh Từ

Trong mắt mở sớm ngày khô kiệt
Thấy rồi không ai nữa giậu xanh
Một tiếng gọi bờ sông nằm lạnh
Rung trên thành quách chưa đành

Bàn tay bỏ bàn tay níu lại
Tờ thiên thu nằm xếp lạnh băng
Người đã bước qua rồi dép cỏ
Và dây neo những tiếng đục trầm

Ngoài sông khói nắng đường vô tận

LÊ BI

●

sau này

Chỉ một con trăng, mà anh đã đếm bao lần
Lịch sử có bao người nhìn trăng mà nhớ nước?
Những con trăng soi giùm anh tổ quốc
Hỏi sau này, còn bao kẻ phải nhìn trăng.

màu xanh

15 năm xưa ai biết trăng màu xanh
Khi xa nhà đâu ngờ màu xanh còn mãi
Em cũng hóa màu xanh ở lại.

thi nghiệp

15 năm của Thúy còn có ngày tái hợp
15 năm của ta vẫn ngã ba đường
Thúy Kiều ôi, làm sao em biết
Bao kiếp đoạn trường đã sinh từ tính mệnh quê hương.

Hình như mỗi chúng ta đều cưu mang ngàn tiếng sóng
Tân thanh bây giờ nghe đứt ruột hơn thơ
Hay nghiệp dĩ quê hương Nguyễn Du đã nhìn ra từ trước
Mấy trăm năm còn lồng lộng đến bây giờ.

biện chứng người

Chắc trong đầu ta phải có vài mảnh não Khomenei
Nó ở trên cao mỗi khi ta sắp thành Xuân Tóc Đỏ
Nó chia hai như nắng với mưa hai đầu cách trở
Như em hóa quê nhà, anh bỏ nước ra đi.

Những lúc ra đi lấy trời đất gối đầu
Nửa vòng quay vẫn ngã ba đường hỗn độn
Trời xanh ở California không bao giờ xanh yên ổn
Khi quê hương đã chiếm tất cả chiều sâu.

Ta vẫn biết có những bến bờ chưa biết
Mà màu xanh khác gì đâu giữa hai phía đại dương
Nửa đời ta có còn gì đáng tiếc
Và Mỹ Châu cũng không phải thiên đường.*

Chắc hình hài ta có đôi phần mây trắng
Nó vẫn dùng dằng với hai mặt có, không
Để ước mơ trộn với tháng ngày lận đận
Để biết tình yêu là những giòng sông.

Thì tim ta mở toang thành ngàn ngăn cửa
Khoảng trống còn thừa thành chỗ cho thơ
Bức tường Bá Linh vừa bị thời gian phá vỡ
Hỏi Thái Bình Dương sóng vỗ đến bao giờ.

Chắc trong đời ta đã nhiều lần nghi ngờ sự thật
Tuổi tác với mộng mơ vẫn ở cách hai đầu
Trong gương soi ta còn nhiều phần bất nhất
Bao mặt cuộc đời cũng sầu muộn như nhau.

LÊ BI

* Ý thơ của Việt Phương, một người làm thơ trong nước: "Mạc Tư Khoa cũng không phải thiên đường".

KHẾ IÊM

trong một thoáng nhìn trời sao mà chuyển mộng

●

Đừng không hớp một chén mây
Nằm trong thiên cổ có hay ta về
Hỏi thăm cây cối nín khe
Một chòi gió đựng mấy the nắng sầu

Lặng thinh hít bụi mơ hồ
Trong giây lâu đã đến bờ hư sinh
Thả thuyền vớt ánh bình minh
Ghé qua vô tận lấy bình tang thương

Lắng nghe gió cuốn mặt ghềnh
Cái thân vô mệnh buồn tênh đã chìm
Cuối đời rời rã cánh chim
Mượn dòng nước bạc im lìm mà giwo

Em đi mất mộng xuân thì
Ôm thinh không ngủ thấy gì trăng sao
Hôm nao gó lọt song đào
Tình hoa thôi cũng trôi vào túi hoa

Lòng buồn nhặt cánh hoa rơi
Nghe trong nắng quái có lời kêu than
Tần ngần ngó đám mây tan
Thênh thang trên bãi sông hàn bao la

Một hôm quá bước qua rừng
Chân chàng mất quáng thấy từng không xanh
Ngâm ngùi trong cõi vắng tanh
Nghe hơi bóng thú nằm canh nắng tàn

HOÀNG KHỞI PHONG

đọc cánh cửa của nhật tiến

●

Ai đem tôi đến chốn này
Ban đêm thì tối, ban ngày thì đen...
Thềm Hoang

Năm 1961 có vài biến đổi lớn trong đời sống tôi: Trước tiên tôi đậu tú tài và tưởng chừng như mình đã bước sang hàng ngũ "trí thức" mà nực cười thay chính tôi hiểu chữ "trí thức" này rất lờ mờ. Cái mặc cảm "trí thức" làm cho tôi lười học toán, vốn là môn học chính của tôi, mà năng đọc sách, và một quyển sách làm thay đổi đời sống tôi sau này đó là quyển "Giờ Thứ Hai Mươi Lăm" của nhà văn Virgil Constant Gheorghiu, quyển sách đó mở ra cho tôi một chân trời mới: văn chương. Cũng năm đó nhà văn Nhật Tiến được giải thưởng văn chương toàn quốc (nói cho đúng là văn chương một nửa nước bởi vì quốc gia đã bị chia đôi từ bảy năm trước) với tác phẩm Thềm Hoang, tất nhiên tôi tìm đọc quyển sách này khi chưa ráo mực của nhà in, lúc đó ông rất trẻ, ông hơn tôi bảy tuổi và tôi yêu văn của ông ngay từ lúc mới ngốn được ba mươi trang đầu, đồng thời tôi kính phục Gheorghiu hơn và tìm đọc tất cả các bản dịch tác phẩm của nhà văn lưu vong xứ Lỗ này. Riêng về nước Lỗ tôi hoàn toàn xa lạ.

Đó là chuyện gần ba thập niên trước, lúc mà thế giới đầy hiềm khích, thù hận, rồi mâu thuẫn giữa hai khối trắng và đỏ mỗi lúc một căng, người ta gọi Trung hoa Quốc gia (Đài loan), Đại hàn và Việt nam là những tiền đồn chống cộng, là những pháo đài tự do, đó là lúc đế quốc trắng đắp một bức đê tưởng tượng để ngăn chặn làn sóng đỏ từ Trung hoa tràn xuống phía nam, đau buồn thay miền Nam Việt nam chính là khúc cuối của con

đê tưởng tượng này, còn miền Bắc thì đã ngập hẳn trong cơn hồng thủy từ sau hiệp định Genève 1954, do đó trận chiến ủy nhiệm của hai khối quyền lực có cơ hội nổ ra trên đất nước chúng ta, một đất nước kiệt quệ vì gần một thế kỷ chiến đấu chống thực dân Pháp chưa kịp hồi sinh. Thềm Hoang của Nhật Tiến được viết trong bối cảnh lịch sử đó, khi mà hai nửa phần dân tộc Bắc và Nam có được một khoảng thời gian ngắn ngủi lấy lại hơi thở trước khi lao vào cuộc giao tranh khốc liệt khác, mà ở đó, những kẻ lãnh đạo cả hai miền càng lúc càng lộ rõ cái bản chất phi dân tộc, và đã tận lực đẩy cả hai miền dân tộc vào một trận chiến ý thức hệ. Nhật Tiến sinh trưởng ở miền Bắc, ông di cư vào Nam năm 1954 và ra sức dùng ngòi bút của ông để tô điểm cho miền Nam mỗi ngày mỗi đẹp, nơi ông trú ngụ là thủ đô của miền Nam, một vùng an toàn tạm bợ trong suốt cuộc chiến, do đó, ngòi bút của ông chiến tranh hoàn toàn lạ mặt, truyện của ông mở ra bằng thương yêu, đóng lại bng thương yêu. Ông còn là nhà văn của tuổi thơ, tinh khôi và thanh khiết. Đó là thời của "Chim Hót Trong Lồng", "Chuyện Bé Phượng" và "Những Người Áo Trắng", qua những tác phẩm này Nhật Tiến chứng tỏ ông là một nhà văn không phục vụ cho thị hiếu tầm thường của con người, ông viết để thăng hoa con Người.

•

Hai mươi lăm năm sau khi đọc "Thềm Hoang", tôi gặp Nhật Tiến lần đầu, tại Mỹ vào dịp nhà văn Võ Phiến cho tái bản tờ Văn Học Nghệ Thuật, tiền thân của tờ Văn Học hiện tại, bối cảnh thế giới đã khác. Một phần tư thế kỷ trước, Trung hoa Quốc gia từ địa vị một trong năm hội viên phủ quyết của Liên Hiệp Quốc đã phải ra đi nhường chỗ cho Trung cộng, con đê tưởng tượng mà đế quốc Trắng dựng lên đã vỡ ngay từ tâm điểm, Việt nam Cộng hòa, đoạn chót của con đê này và hai nước láng giềng Miên, Lào sụp xuống trong một tháng ngắn ngủi giữa mùa Xuân 75. Biến cố lịch sử này mở ra những cuộc "tắm máu" kinh hoàng nơi xứ Chùa Tháp, gần một phần ba dân số của nước Miên tan thành hơi nơi những cánh đồng lầy lội ven Biển Hồ, quanh đền thiêng Angkor Vat, tại Việt nam hàng triệu người bị giam giữ trong các trại "học tập" nhưng thực chất là những trại tù không hơn kém, hàng triệu người chết nơi rừng sâu nước độc, nơi biển cả mênh mông, và hàng triệu người vượt biển sống lưu vong khắp năm đại lục. Nhật Tiến là một trong những người đã phải rời bỏ xứ sở mình, ông chậm trễ năm 75, và có cơ hội làm nhân chứng cho những đổ vỡ, suy thoái của cả dân tộc do guồng máy cai trị phi nhân bản nhất suốt năm mươi thế

kỷ dựng nước, ngòi bút thương yêu của ông không có chỗ trong một xứ sở của cuồng bạo và ngu xuẩn, ông đem tính mạng của ông đặt trên một chiếc ghe nhỏ và đến được bến bờ của tự do. Ngay lập tức khi vừa tới đảo, con người nhà văn của ông sống dậy, ông viết lên những cáo trạng nói lên số phận của những người vượt biển, ông là một trong những thành viên của Ủy ban Báo nguy Cứu Người Vượt Biển, ông tố cáo trước dư luận thế giới về hải tặc. Ông đánh thức lương tâm nhân loại, kêu gọi mọi người hãy nhìn đến những người đồng hương đang lênh đênh trên mặt đại dương. Định cư ở Mỹ, ông có cơ hội nhìn lại quá khứ kinh hoàng, ông có cơ hội đối diện với một cộng đồng Việt chia rẽ, rời rạc cũng như u buồn thấy tương lai của ông nơi xứ người. Ông nhìn lại những tác phẩm cũ, không phải để tự mãn mà là để chiêm nghiệm lại những điều ấp ủ trong lòng, những điều ông ước mơ cho một xã hội mỗi ngày mỗi tốt đẹp hơn. Cái xã hội đó mười lăm năm sau đã không tiến thêm được một tấc về phía ánh sáng của tương lai, mà đã lùi lại hàng trăm dặm về phía bóng tối của lạc hậu, quá khứ. Ông nhận chân được một điều: MUỐN ĐƯỢC THƯƠNG YÊU CON NGƯỜI TRƯỚC TIÊN PHẢI ĐƯỢC SỐNG, SUY NGHĨ NHƯ MỘT CON NGƯỜI, do đó, viết với ông bây giờ chính là kêu gào, đòi hỏi phản kháng, chống lại những áp đặt này TỪ ĐÂU và BỞI AI. Bây giờ ông ước mơ một tập hợp mới suốt chiều dài đất nước bất cứ ai đã nhận chân được sự thật, đã ý thức được một cơn lốc mới đang xoáy đi từ sâu trong lòng lục địa, đã khởi đi từ bình nguyên của sông Volga, tâm điểm của nước Nga, đã lướt qua Thiên An Môn, đã thổi tróc gốc những cây cổ thụ hai bên bờ sông Danube nơi Varsovie, Budapest, Prague, đã làm sập Bức tường Bá linh, và đã bương tận gốc cái thành trì ngoan cố nhất ở Bucarest. Cơn lốc ý thức này đã thổi tới Việt nam, và điều quan trọng nhất đối với ông: một nhà văn có trách nhiệm với ngòi bút mình, bên cạnh những tác phẩm có tính cách văn chương, nhà văn phải có trách nhiệm với thời đại mình là cổ súy cho những điều thiện, chống lại điều ác. Viết với ông bây giờ chính là khơi động tiếng lòng của ông để gửi tới những tiếng lòng khác, kêu gọi sự đoàn kết, chống sự chia rẽ, kêu gọi lòng nhân ái chống lại bạo lực, mở một hướng suy nghĩ mới chống lại sự trì trệ, bế tắc, hiện đang là những tảng đá trong lòng mỗi người. Do đó truyện của ông bây giờ trước hết nó là những suy nghĩ đầy ắp chính trị, và ông đã thể hiện những suy nghĩ này dưới dạng thức truyện ngắn, truyện dài bởi ông hiểu được cái lợi khí của văn chương dễ truyền đạt đến lòng người hơn là những tuyên cáo, tuyên ngôn, truyền đơn là những bản văn chỉ có thể khích động nhất thời rồi tan biến đi trong

những đống quảng cáo thương mại. Đó cũng là nhược điểm duy nhất trong những tác phẩm gần đây của ông, bởi vì ông đã không còn đến với văn chương thuần vì văn chương nữa. Bởi lẽ chính trị, một nhu cầu bức thiết nhất đã len vào chẳng những là văn chương mà mọi chốn mọi nơi, từ nơi tôn nghiêm thờ phượng, tới nơi buôn bán lọc lừa. Nơi xứ người ông nhìn về quê nhà, lắng nghe những tiếng động từ nơi xa vạn dặm, đón đọc những tác phẩm của những nhà văn đích thực đang nói lên tiếng nói bất khuất của họ bất chấp những hiểm nguy rình rập và đe dọa mạng sống mỗi ngày mỗi rẻ mạt nơi Hànội, Sàigòn, Nam định, Thừa thiên. Nơi xứ người ông chìm đắm trong cuộc sống cuồng nộ và gậm nhấm nỗi cô đơn của ông nhưng ông không bao giờ thấm mệt dẫu cho tiếng gào thét ông nhiều lần đã chìm trong những tiếng la ó hỗn loạn của những con người hoặc quay lưng với quá khứ phủ nhận mọi cái cũ để hội nhập với vùng đất mới hay tệ hại hơn nữa là những con người ôm khư khư lấy quá khứ dẫu quá khứ là một đống bầy nhầy những đố kỵ, lọc lừa, giả trá, chia rẽ và thù hận. Ông khác người ở chỗ chiêm nghiệm quá khứ để làm lại cho tương lai, ông cố đặt một vài viên gạch cho căn nhà mới trong lúc mọi người hoặc là quay lưng lại với ngôi nhà ngút khói chiến tranh, hoặc là tranh giành, đánh lộn nhau để giành được cái chủ quyền trong lúc ở xa căn nhà vẫn mịt mờ khói lửa. Do đó, trước kia tôi yêu văn chương ông qua Thềm Hoang, Chim Hót Trong Lồng và giờ đây tôi kính trọng thái độ, nhân cách ông qua "Cánh Cửa", qua "Mồ Hôi Của Đá" dầu những tác phẩm này toàn vẹn về cái nhìn trước những đổi thay quá nhanh, quá lớn, quá bất ngờ và đôi lúc làm phiền ông bởi những tấm lòng đá tảng nghìn cân đang giành chủ quyền của căn nhà bốc cháy, và khôi hài hơn nữa đang áp đặt những suy nghĩ cũ kỹ già nua từ một thế kỷ cũ, đang phùng má trợn mắt bắt những nhà văn phải viết thế này, phải viết thế nọ, đang ở thật xa chỗ lửa cháy rát mặt người và ra tuyên cáo, tuyên ngôn, đang chỉ trích, đang hội họp... đang phân chia chức vụ... đang thành lập chính phủ... lưu vong.

Nếu "Thềm Hoang" là tác phẩm xác định vị trí của Nhật Tiến trên diễn đàn văn chương thì "Mồ Hôi Của Đá" là tác phẩm xác định vị trí của ông trước những thay đổi của thời đại. Ông là người tiên phong muốn xóa bỏ lằn ranh Quốc, Cộng bởi vì quốc hay cộng trước tiên hết cũng là NGƯỜI VIỆT, đều là nạn nhân của một ý thức hệ sai lầm từ bản chất, đã tạo nên một guồng máy cai trị phi dân tộc, cực kỳ phản động và cực kỳ dối trá. Cùng với mọi người, Nhật Tiến nhìn được một điều: không phải chỉ có

miền Nam và những người thua trận là nạn nhân, mà chính họ, những kẻ đóng góp máu xương cho biến cố 75, chính họ: những người Cộng sản cũng là những nạn nhân của chiến thắng, nhưng chỉ có Nhật Tiến dám nói lên ước mơ một tập họp mới suốt từ Bắc tới Nam bất cứ ai ý thức được cái quyền làm người của mình, ý thức được cái thân phận còn thua cả những nông nô của thời trung cổ, ý thức được bạo lực và dối trá không thể nào ngự trị mãi trên đất nước ta, nơi mà tiền nhân ta đã lấy đại nghĩa để thắng hung tàn, lấy chí nhân để thay cường bạo, nơi mà một thế kỷ trước cha ông ta đã dùng gậy tầm vông cùng với vũ khí là trái tim quả cảm lao vào súng giặc, để đòi cho được nền tự chủ của dân tộc chứ không phải để giành chỗ cho một tập đoàn cai trị bạo lực hơn, bóc lột hơn, ngu xuẩn hơn, dối trá hơn, vô luân hơn đã đưa dân tộc ta trở lùi lại hàng thế kỷ so với nhân loại.

Để làm công việc này, Nhật Tiến không những đã can đảm đi ngược lại với mọi người nhất định tô đậm lằn ranh quốc cộng nhất định. Cổ võ một trận chiến khác trong lúc thực tế những người lưu vong như chúng ta không thể nào tạo được một sức mạnh quân sự, và trên lãnh vực chính trị, người Việt ở hải ngoại là một hình ảnh tiêu biểu của một bó đũa đã bị tách rời và rải rác khắp nơi, tôi muốn đề cập tới những người yêu nước thật sự và hoạt động chính trị thật sự chứ không đề cập tới những người hoạt động chính trị để thỏa mãn những mục đích khác. Ba năm trước đây không một ai trong chúng ta dám nghĩ tới một Đông Âu như hiện tại, một bức tường ở Bá linh bị phá hủy, một chủ tịch Ceausescu bị xử tử, thế mà mọi việc xảy ra dồn dập như sóng vỗ bờ. Do đó gần ba năm trước đây Mồ Hôi Của Đá khi xuất hiện, lập tức ông là đề tài cho một số những ngòi bút khác công kích, ông trả lời cho những công kích này bằng một truyện ngắn "Gặp Gỡ Cuối Năm" và liền sau đó là những bài viết có tính cách mạ lỵ, chụp mũ và những dư luận không tốt vây bủa quanh ông. Đã đến lúc nhà văn phải đi suốt qua những hệ lụy này. Đã đến lúc những nhà văn phải gióng lên những tiếng kêu cứu đích thực, những suy nghĩ cần thiết đến số phận đất nước. Đã đến lúc những nhà văn phải nói lên những tiếng nói chân thực, phải lắng nghe những ước mơ của quần chúng và ghi lại, khuếch đại những ước mơ thầm lặng này. Do đó đối với tôi, Nhật Tiến là một nhà văn can đảm, ông lặng lẽ lên đường, là bỏ ngoài tai những công kích ác ý, và can đảm nhất là ông dám hy sinh cả phần văn chương của một nhà văn để nói lên những suy nghĩ, những mơ ước của ông trong tương lai đất nước. Phải chăng nhà văn là người "Lo trước cái lo của mọi người?".

•

Tôi không thể không nhắc tới Gheorghiu và nước Lỗ ma ni của ông hai mươi tám năm sau khi đọc "Giờ Thứ Hai Mươi Lăm", đọc những lời tiên tri của một nhà văn lớn, nước Lỗ đổ ập xuống bởi CON NGƯỜI ở đâu cũng thế và thời nào cũng vậy, cũng khát khao điều tốt đẹp, do đó tội ác cho dù có khống chế được năm năm, mười năm hay bảy mươi năm rồi một lúc nào đó khi mọi con người đều thức tỉnh, cái mặt nạ giáo điều ác độc phải rơi xuống để lộ con người tính nhân bản toàn diện xuất hiện. Không hiểu Gheorghiucó còn sống để được thấy những điều ông tiên tri từ bốn mươi năm trước. Dẫu ông có chết cũng không sao bởi vì điều quan trọng với một nhà văn lớn là những điều ông tiên tri, báo trước đã ứng nghiệm. Tôi ước ao mọi điều tốt đẹp rồi sẽ tới với đất nước chúng ta và Nhật Tiến: ông chính là một nhà văn phóng tầm nhìn tới trước, cùng những điều ông ấp ủ trong lòng.

QUỲNH GIAO

căn nhà ngói đỏ của barbara cảm nghĩ khi đọc tập truyện nguyễn xuân hoàng

●

Nhà thơ đã gặp nàng ở Brest. Chỉ biết nàng tên Barbara. Hôm đó mưa rơi êm ả hiền hòa trên thành phố. Barbara vội chạy dưới mưa đến người yêu. Jacques Prévert bắt gặp chỉ một hình ảnh đó, mãi sau này mới ghi thành thơ. Bài Barbara được viết khi ông trở lại Brest. Khi Brest được giải phóng.

Tháng Chín năm 1944 thành phố Brest của Pháp được giải phóng và trở thành bình địa: Trước khi đổ quân, người ta nã đạn, dội bom nên thành phố tan biến trong gạch bụi và sắt thép, thành phố ngổn ngang những xác chết. Ở trung tâm thị tứ, chỉ còn những con mèo hoang, tìm ăn bên xác người như Huế Mậu thân. Gió lạnh thổi mùi hôi thối của chết chóc tràn ngập Công trường Tự do và đường Xiêm la, *rue de Siam*, nơi Prévert đã thoáng gặp Barbara mấy năm về trước. Bây giờ Barbara phiêu dạt nơi đâu, người tình của nàng còn sống hay chết? Mưa vẫn rơi trên thành phố Brest, nhưng không còn là những giọt mưa tình ái hiền hòa, mà là những tảng mây buồn bã, ộc vỡ thành hình chó chết tan biến dần trên mặt nước, trên thành phố điêu tàn.

Bài thơ *Barbara* của Prévert đã kết rất bất ngờ bằng hình ảnh *vấn cầu* quen thuộc của Đông phương như lời gặng hỏi man mác, cũng rất Đông phương:

Những người muôn năm cũ
Hồn ở đâu bây giờ?

Từ lâu rồi, bài thơ đã là một nỗi ám ảnh cho Nguyễn Xuân Hoàng. Giờ đây, nỗi ám ảnh đó chưa dứt. Như đám mây buồn, tụ tán thành muôn hình

trạng che ngợp chân trời của ông, nó hiện hữu khắp nơi, phủ lấp tất cả. Ở Nguyễn Xuân Hoàng, trước đây, có lẽ nó là tiếng thở dài của con người về những tan vỡ của tình yêu trong chiến tranh. Giờ đây, và trong tập truyện của ông, nó trở thành câu hỏi của con người ta về quê hương.

Tập truyện Căn Nhà Ngói Đỏ của Nguyễn Xuân Hoàng do nhà *Văn Nghệ* xuất bản mùa hè năm ngoái, là một tập tùy bút viết về quê hương và về những hình ảnh, những nhân dáng gắn bó ông với quê hương đó.

Nhưng, tại sao lại đi từ Brest, từ Barbara, mới về tới quê nhà?

•

Chỉ vì nơi đâu, việc gì, người nào, cũng nhắc ông đến Việt nam. "Chẳng phải hoàng hôn cũng nhớ nhà" là như vậy chăng?...

Mưa California, ông nhìn mưa rơi và viết về mưa trên đường Phạm Ngũ Lão, nhớ đến các bạn văn của ông. Nhắc đến Zhivago và Lara của Pasternak, ông buông câu hỏi: *Nhưng liệu có còn vùng trời nào thay thế được quê hương tôi?* Từ California, trở lại miền Đông, nơi ông đã đặt chân khi ông mới đến Hoa kỳ, ông lại tự hỏi: *Nắng Sàigòn có giống nắng Cali? Tuyết Springfield có lạnh bằng mưa Đàlạt?* Và ông nhắc đến Huế, Đàlạt, Nha trang... Nhớ Bình Nguyên Lộc, ông tự ước mình là cây mắm cây tràm của quê hương, rồi mừng thầm là mình chẳng là cây Xoài cây Mít.

Tập truyện Nguyễn Xuân Hoàng mở đầu bằng *Tự Truyện Một Người Vô Tích Sự* nhưng không là một loại tự truyện viết về những quãng đời phiêu dạt hay những cảnh huống đổi thay của riêng tác giả. Nó cũng chẳng là một tập truyện ngắn, từ hư cấu dựng thành chuyện. Nó gần với một loại tùy bút, ghi chép những suy nghĩ rời về phần đời và phần đất bỏ lại phía sau của ông. Những suy nghĩ rời mà không rời rạc, vì được nối kết trong sự tiếc nuối một vùng đất thanh bình, một ngôi nhà lợp ngói đỏ, một nơi chốn xanh tươi của sự hồi sinh. Những suy nghĩ rời không về riêng bản thân ông, mà của nhiều người trong nhiều tình huống khác nhau, nhưng cùng chia xẻ một nỗi bất hạnh lớn là chiến tranh và hận thù.

Tự Truyện... viết về những người thân trong một gia đình đông con, nhưng nổi bật hơn cả, gây ấn tượng sâu đậm trong tâm tư ông thì có cha, mẹ, người anh cả, người anh kế và người chị. Người đọc rùng mình vì những gì ông viết về gia đình, và nhất là về thảm họa xảy ra cho chị Thảo. Người đọc càng xúc động hơn vì lối viết lạnh tanh của ông, lạnh đến tê điếng, như một người cạn khô nước mắt vì khóc quá nhiều, chỉ còn lầm rầm nói về

những tai biến vừa mới xảy ra trong đời. Vừa mới xảy ra thôi, vì ta vẫn cảm nhận được tiếng thở dài chất chứa bên trong, nhất là khi ông viết về bà mẹ. Ông viết như một người nghiến răng, và sự cuồng nộ nghẹn ngào trong ông chỉ có tăng mà không giảm. Vì tự truyện của ông, nhìn quanh, cũng là chuyện của nhiều gia đình Việt nam. Thảm kịch lớn lao quá, không chừa một ai, chẳng cho lối thoát.

Như vậy, người đọc không nên tìm hiểu so sánh những hư thực của đời sống tác giả với những gì ông viết, vì trong tập truyện Nguyễn Xuân Hoàng đặt *Tự Truyện*... lên trên cùng. Người ta nên đọc như một hồi ký của nhiều tâm hồn bị đày đọa trên cùng một quê hương hơn là một loại tự truyện thông thường của riêng của người cầm bút tên Nguyễn Xuân Hoàng.

•

Vả lại, nỗi băn khoăn lớn của ông không phải là bản thân mình.

Nguyễn Xuân Hoàng viết ít về mình, và thực ra chẳng phàn nàn ta thán về những bất hạnh của ông. Trong *Chuyện Kể Trên Đời Cam* người kể xưng ngôi thứ nhất sống lủi thủi với đứa con đặt tên Bataan (nơi cháu chào đời là trại tỵ nạn tại Phi), lại chỉ mong người vợ đã ra đi sẽ quên được mình, để có hạnh phúc. Nhắc đến rừng mắm của Bình Nguyên Lộc, ông hiểu ý nghĩa của sự hy sinh và câu nhắn gửi của một bạn tù cải tạo trong rừng U minh, đời này là cây mắm, đời sau là cây tràm, cho sau này thành phù sa trồng lúa. Nhắc lại người học trò phản thầy Vũ Khắc Khoan, trở thành một loại "cán bộ ba mươi" sau 1975, ông cũng không thèm ghi lại tên, và cho dù Vũ Khắc Khoan có còn sống, Nguyễn Xuân Hoàng cũng xin ông hãy quên hẳn đi, đừng bận tâm về một hạt bụi.

Nỗi băn khoăn lớn của ông là sự hồi sinh của đất nước, sau những năm dài chiến tranh và bị dày xéo dưới chế độ Cộng sản. Nỗi ám ảnh lớn của ông là liệu những chết chóc đã qua có tạo cơ hội cho sự hồi sinh hay không. Hoặc, nhớ lại lời Pasternak ông dẫn vào tập truyện: *"Cây lúa sẽ không trổ bông nếu trước đó nó không chết đi"*, người đọc mường tượng ra câu hỏi "liệu cây lúa đã chết cho sự phục sinh sẽ còn trổ bông hay không?" Người ta thấy Nguyễn Xuân Hoàng đã đổi khác với cách đặt vấn đề như vậy.

Văn phong và bút pháp của ông cũng đã đổi khác.

Ngày xưa, và cho đến cả tác phẩm Sa Mạc, người ta có thể đọc Nguyễn Xuân Hoàng để nhìn một vài khía cạnh của Tiểu Thuyết Mới của Pháp. Trong Căn Nhà Ngói Đỏ, người đọc vẫn còn thấy những câu văn ngắc cộc,

rất Tây, có thời đã là thời thượng. Nhưng, người đọc thấy như ông đã lột xác, đã già dặn rất nhiều trong cách viết, với những đăm chiêu sâu sắc và những vấn đề có kích thước hơn. Bút pháp của ông cũng thay đổi nhiều, vững chãi và chừng mực hơn, vì vậy cũng gây xúc động mãnh liệt hơn. Ông cố ý không cho độc giả nhìn thấy sự ủy mị của mình, cái thâm trầm ấy cho độc giả nhìn rõ hơn tâm hồn cực kỳ đa cảm của ông. Sự cuồng nộ ở đây không có tiếng vọng. Nó im lặng đến nghẹt thở.

Một người ngoại quốc đọc Nguyễn Xuân Hoàng (điều đó không phải là một giả thuyết vu vơ) khi đi từ tự truyện của ông đến những hoang tàn của đời sống, tất sẽ phải hỏi là cái dĩ vãng khốn khổ đó, những kỷ niệm kinh hoàng đó, những khắc nghiệt đau đớn đó, có gì là quí báu, vì sao ông vẫn giữ bên mình? Hơn vậy, cớ sao ông còn tiếc nuối và vẫn mong tìm lại? Viết về Huế, ông gửi lời chào một thành phố chắc chắn sẽ còn trở lại DÙ KHÔNG AI CHỜ ĐỢI.

Người ta có thể đọc tập truyện *Căn Nhà Ngói Đỏ* của Nguyễn Xuân Hoàng như một nối tiếp của *Người Đi Trên Mây*. Sau những bất mãn về tình cảnh quê hương dưới chế độ Cộng sản là những than thở về tình cảm lìa xa quê hương sống ở xứ người. Nhưng, rõ ràng là sau những hậm hực đã qua, trong tâm tư và trên giấy mực, qua bút pháp, Nguyễn Xuân Hoàng đã có chuyển hướng. *Căn Nhà Ngói Đỏ* có văn phong sắc lạnh nhưng đã có những đốm lửa lấp lánh màu xanh hy vọng.

Vết chém trên đầu tôi sâu đậm trái tim mình. Tôi đã chết khi vừa mới mười một tuổi.

Ở tuổi năm mươi, nhớ về một vết chém (có lẽ là kết quả của một cơn cuồng say xảy ra gần bốn mươi năm về trước dưới mái ấm gia đình) rồi xoa đầu tìm vết sạo với vẻ trìu mến nhớ thương. Người ta đã quên vết chém mà chỉ nhớ mái nhà. Ở vào hoàn cảnh bị dập vùi liên tiếp mà vẫn ngoái nhìn về nơi chứng kiến cảnh đọa đày, rồi tự nhủ là sẽ trở về, người ta thấy tình yêu lớn hơn thảm kịch. Nguyễn Xuân Hoàng đã thấy quê hương còn tha thiết gắn bó hơn những vết sẹo trong đời. Ông thường hay viết về cái chết, về tuổi già, cái chết của đứa trẻ, tuổi già của một người trung niên đi một vòng tai ương để thấy mình trở lại nỗi khổ đau xảy ra bốn mươi năm về trước. Nhưng ông cũng viết nhiều, khấn nguyện nhiều về sự trỗi dậy, sự hồi sinh, về nơi sẽ về. Ngọn lửa trong ông vẫn còn là ngọn *lửa lạnh*, mà đã ẩn chứa những bùng cháy của một hỏa diệm sơn.

Nguyễn Xuân Hoàng muốn tự nhủ với chính mình là trên lớp tro lạnh của đổ vỡ điêu tàn, mầm xanh đã nhú.

Vì vậy, người đọc Nguyễn Xuân Hoàng cầm tập truyện của ông với lời tâm niệm về một buổi khởi đầu, về một cuộc phục hưng. Và nên đọc Căn Nhà Ngói Đỏ như một tập đầu của những tác phẩm viết về sự sống dậy, sự trở về.

•

Chúng ta có thể lạc quan như vậy, khi nhớ rằng Nguyễn Xuân Hoàng là người đa cảm nhưng sâu sắc:

Trong một đoạn văn viết về người thầy cũ, ông cho biết mình thích *Le Petit Prince* của Saint Exupery hơn *Le Petit Chose* của Alphonse Daudet. Vì vậy, ngày xưa, đọc thơ Prévert, Nguyễn Xuân Hoàng thương nàng Barbara như một nàng Kiều của ta thương xót Đạm Tiên. Ông thương Barbara và yêu bài thơ Prévert để thương chính mình. Ngày nay, ông coi chiến tranh như những kỷ niệm buồn bã, *mà vô hại*. Câu viết này của ông dễ gây ngộ nhận nếu ông không xác định tiếp: *Chính trên đống tro tàn của chết chóc người ta nhìn thấy mầm mống của sự sống. Chính trên những đổ nát tuyệt vọng và ngu xuẩn của chiến tranh người ta phát lộ được niềm tin, sự xây dựng và trí thông minh*. Đây là lời nhắn gửi của Pasternak.

Vì vậy, trong tập truyện, ông nói với người tình, do ông đặt tên Barbara:

Barbara, tám năm trong các nhà giam dạy anh một điều là hãy yêu cuộc sống một cách mãnh liệt hơn cuộc sống vốn có. Hãy nhìn mọi sự với con mắt của lòng tha thứ và bao dung. Hãy cao hơn kẻ thù ta, phải luôn luôn cao hơn kẻ đã làm ta đau khổ...

Ngày nay, nàng Barbara của Prévert không còn gợi nhớ về một Brest hoang tàn nữa, mà là một nhắc nhở về sự sống lại của những bông lúa đã chết, về sự đoàn tụ của những chia lìa. Trong tương lai, chúng ta sẽ thấy Nguyễn Xuân Hoàng viết về một Barbara khép nép trong vạt áo dài, ánh mắt rạng rỡ tình yêu, dưới cơn mưa hạnh phúc của Nha trang thanh bình.

Xa xa, khuất sau cồn cát hiền hòa, sẽ thấy thấp thoáng một ngôi nhà thân yêu. Màu đỏ duy nhất còn thấy không phải là màu cờ máu. Mà là những viên ngói đỏ.

Chúng ta mong cho tác giả, và mong cho chúng ta, cái tương lai đầm ấm đó.

Xuân Canh Ngọ

Nguyễn Đức Lập

phong vũ tiêu tiêu, lôi vũ động

Chương Năm

Mới sáng sớm mà đã có tiếng bửa củi chát chúa ở phía sân sau. Bà chủ Thạnh thắc mắc:

– Đứa nào mà siêng bất nhơn, không coi chừng coi đỗi, bửa củi nhằm giờ nầy?

Bà biểu cô Hai Lựu:

– Hai à, con ra coi đứa nào đó. Biểu nó có làm thì làm cho nhẹ tay. Mấy bữa nay cha con mất ngủ.

Rồi như sực nhớ ra, bà cười:

– Bửa củi mà bửa nhẹ tay sao được. Con ra biểu nó nghỉ đi, muốn làm thì chút nữa hẳng làm.

Cô Hai Lựu tất tả đi ra, nhắm phía nhà chứa củi ở sau vườn mà bước tới. Cô có hơi giựt mình khi thấy một người đờn ông, quần nâu, ở trần trùng trục, đầu trọc lóc, đang vung cái rìu, nhắm một gốc củi to mà bổ xuống.

Như chợt thấy cô Hai Lựu, người đờn ông ngừng tay, cất tiếng chào:

– Mô Phật.

Cô Hai lựu hơi khựng lại. Trước mắt cô là một thanh niên vạm vỡ, bắp thịt nở nang, nổi lên thành cuộn, da dẻ nâu bóng. Mặt cô ửng đỏ khi nhìn vào bộ ngực của người đối diện.

Cô chợt nhớ có nghe nói mấy lúc gần đây có một nhà sư vô che chùa lập am ở trong vườn nầy. Căn cứ vô lời chào của người lạ mặt, cô độ chừng trong bụng rằng nhà sư chính là chàng thanh niên nầy đây.

Cô chắp tay chào lại:

– Mô Phật. Thầy đây là thầy Tâm Đức?

Sư Tâm Đức vừa lấy cái áo máng trên nhánh cây, khoác vội vào người vừa trả lời:

– Chính là bần tăng.

Nhà sư giải thích:

– Sáng sớm, dạo vườn, thấy đống củi, tôi thử vài búa cho dẫn gân dẫn cốt.

Cô hai Lựu nhỏ nhẹ:

– Cha tôi còn ngủ.

Sư Tâm Đức có vẻ bối rối:

– Chết, không khéo mà tôi làm mất giấc ngủ của ông.

Nhà sư cúi chào:

– Nếu ông chủ có quở, nhờ cô xin lỗi giùm.

Chưa dứt câu, sư Tâm Đức đã quay lưng, bước mau. Cô Hai Lựu ngó theo, định lên tiếng giữ nhà sư lại. Nhưng, không hiểu sao, cô làm thinh, lầm lũi về nhà.

Bà chủ Thạnh hỏi:

– Đứa nào vậy con?

Cô Hai Lựu đáp nhỏ:

– Là sư Tâm Đức.

Bà chủ Thạnh kêu lên:

– Sư Tâm Đức. Sao tự nhiên bữa nay ổng ra tay bửa củi? Sao con không kêu má ra? May ra, má có cơ hội gặp mặt ổng.

Cô Hai Lựu như bâng khuâng:

– Vừa thấy con, ổng đã vội đi. Con có muốn mời má ra cũng không kịp...

Bà chủ Thạnh coi mòi hăng hái:

– Đã có cớ rồi. Chút nữa, ba con dậy, má sẽ nói với ba con, để má ra thăm sư Tâm Đức một lần.

Khi ông chủ Thạnh thức dậy. Bà chủ Thạnh nói rõ cái ý của bà. Ông chủ Thạnh cau mày không vui:

– Người ta đã không muốn tiếp. Bà ra đó làm chi?

Nhưng, không biết nghĩ sao, ông lại đổi ý:

– Nếu muốn, bà cứ việc đi.

Ông dặn dò:

– Bà coi có trái cây mới hái, đem ra cúng Phật. Bà nên liệu chừng mà ăn nói cho đàng hoàng.

Bà chủ Thạnh hí hửng:

– Ổng là thầy mà. Mình có ăn nói trật trìa một chút, ổng cũng không có phép giận.

Bà chủ Thạnh lăng xăng biểu cô Hai Lựu sắp trên mâm một chục quít đường và một chục cam sành. Bà còn lấy một hộp trà Chính Thái cầm theo.

Bà chủ Thạnh đi trước, cô Hai Lựu bưng mâm theo sau. Hai người đứng trước cửa chòi một hồi lâu mà không nghe sư Tâm Đức động tịnh gì hết. Bà đánh tiếng hơi lớn:

– Mô Phật.

Sư Tâm Đức từ ở mé sông đi lên. Trên tay nha sư còn cầm mấy trái bình bát. Vừa thấy bà chủ Thạnh, sư vội chào:

– Mô Phật, chào bà chủ, chào cô Hai...

Bà chủ Thạnh mau mắn:

– Tôi đem ít trái cây, trước là cúng Phật, sau nữa là thăm thầy.

Sư Tâm Đức có hơi bối rối. Bà chủ Thạnh huyên thuyên:

– Tôi tới đường đột, xin thầy bỏ lỗi. Từ hôm nghe thầy tới trụ ở đây, tôi vẫn ao ước được ra mắt cùng thầy, xin học đạo.

Sư Tâm Đức mời bà chủ Thạnh và cô Hai Lựu vô chòi. Cô hai Lựu mau mắn để cái mâm lên bàn thờ. Còn hộp trà, bà chủ Thạnh để ở trên bàn.

Bà chủ Thạnh quan sát cái bàn thờ. Thiệt là đơn sơ, chỉ có một pho tượng Phật nhỏ, bằng một loại đá đen, nét chạm sắc sảo tinh vi và một cái ống tre cưa ngắn dùng để cắm nhang. Không chuông, không mõ.

Không cần biết sư Tâm Đức có đồng ý hay không, bà chủ Thạnh lấy thẻ nhang trên bàn thờ, rút ra ba cây.

Sư Tâm Đức vội bước ra phía sau chòi. Một lát sau, sư trở vô với một thanh củi đang cháy trên tay. Sư chìa thanh củi cho bà chủ Thạnh thắp nhang.

Trong khi bà chủ Thạnh đứng khấn trước bàn thờ, sư Tâm Đức đem thanh củi ra sau bếp.

Cúng vái xong rồi, không đợi mời, bà chủ Thạnh tự tiện ngồi xuống cái ghế, cạnh bàn. Cái ghế nầy làm bằng tre, chân chôn luôn dưới đất, mặt là những nẹp tre, dài tương đương với chiều dài của mặt bàn.. Cô Hai Lựu ké né ngồi cạnh mẹ chồng.

Sư Tâm Đức, từ nhà sau bước lên. Thấy hai mẹ con bà chủ Thạnh đã

ngồi sắn, sư hơi ngỡ ngàng. Trong chòi chỉ có một cái ghế duy nhất, hai mẹ con bà chủ Thạnh đã chiếm hết, sư Tâm Đức đành đứng trước bàn thờ mà tiếp chuyện. Sư không dám ngồi trên giường, sợ vô lễ với khách, hơn nữa, ngồi như vậy trước mặt hai người đàn bà, kể cũng khó coi.

Bà chủ Thạnh tìm cách khơi mào:

– Bạch thầy, tôi ăn chay niệm Phật kể đã mấy năm, lâu lâu có đi tới các chùa ngoài quận. Về phép Phật, tôi hiểu rất ít, may có thầy về tu tịnh ở kề bên, xin thầy đừng nệ hà gì hết, làm ơn chỉ vẽ cách tu giùm tôi.

Sư Tâm Đức nói bằng một giọng nghiêm trang mà nhẹ nhàng:

– Phật tâm ai cũng có. Cửa Phật không phải chỉ có một nẻo vô. Phật Tổ đã nói rằng: "Ta là Phật đã thành, chúng sinh là Phật sẽ thành". Người tu chỉ cốt sao phát triển Phật tâm.

Bà chủ Thạnh xuýt xoa:

– Một lời thầy dạy quý hơn ngàn vàng.

Sư Tâm Đức cúi đầu không nói. Cô Hai Lựu hết nhìn mẹ chồng, lại liếc chừng sư Tâm Đức. Nét mặt nhà sư rắn rỏi, phong sương nhưng hiền lành, phúc hậu. Đôi mắt nhà sư tinh anh, nhưng đôi lúc mơ màng.

Bà chủ Thạnh khẩn thiết:

– Tôi định hỏi thầy thiệt nhiều, nhưng gặp được thầy rồi, tự nhiên đầu óc lộn xộn, không biết chuyện gì nên hỏi trước, chuyện gì nên hỏi sau. Thưa thầy, thầy có điều gì, xin chỉ dạy thêm.

Sư Tâm Đức từ tốn:

– Nếu cho rằng có thì sự gì cũng có. Nếu cho rằng không thì vạn vật giai không. Có cùng không là ở tại lòng mình... Một ngày không nghĩ tới điều thiện thì lòng ác sẽ dấy lên. Sự nầy, không nói, chắc bà cũng đã hiểu.

Bà chủ Thạnh cúi đầu cảm ơn sư Tâm Đức và từ giã để về nhà. Khi ra khỏi cửa chòi, bà nói:

– Tu hành tuy khắc khổ, nhưng thiếu thốn quá cũng không tốt. Tôi thấy thầy đây thiếu thốn nhiều thứ. Để tôi xếp đặt biểu trẻ đem ra cho thầy. Đây là lòng thành của tôi, xin thầy tiếp nhận.

Sư Tâm Đức từ chối:

– Như vầy đã là quá đủ đối với tôi. Xin bà đừng bận tâm.

Cô Hai Lựu chắp tay giã từ. Đầu cô cúi thấp nhưng mắt cô len lén nhìn lên.

Vô tới nhà, bà chủ Thạnh khoe với chồng:

– Nói chuyện với thầy mười lăm phút còn hơn là tự mình mầy mò mười năm.

Ông chủ Thạnh bắt vợ tường thuật những gì mà sư Tâm Đức đã nói. Nghe xong, ông khe khẽ gật đầu. Ông hỏi gặng vợ:

– Mà nghe rồi, bà có hiểu không?

Bà chủ Thạnh ngẫm nghĩ một lát rồi ngập ngừng:

– Ổng nói cao quá, cao hơn hết thảy những ông thầy ở các chùa ngoài quận. Chắc tui phải gẫm đi gẫm lại nhiều phen mới hiểu hết những điều ổng dậy.

Bà cười hịch hạc:

– Tui mà hiểu liền, tui sẽ thành Phật cấp kỳ sao ông? Thành Phật đâu có mà dễ dàng quá mức làm vậy?

Ông chủ Thạnh chỉ cười mà không hỏi nữa. Ông chỉ dặn chừng vợ:

– Bà coi lâu lâu có món gì tiếp tế cho ổng thì cho tôi biết. Tôi sẽ đem ra cho ổng.

Bà chủ Thạnh có vẻ không bằng lòng:

– Mắc mớ gì ông phải làm như vậy? Có gì biểu trẻ đem ra được rồi. Việc gì mà ông phải chịu khổ?

Ông chủ Thạnh rầy vợ:

– Thiệt uổng cho bà ăn chay mỗi tháng mười ngày. Thiệt uổng cho bà kêu ổng bằng thầy. Cái lòng thành của mình không thể để cho người khác đi thay được. Vả lại...

Ông gằn giọng:

– Vả lại, tuy ổng ở nhờ trên đất của mình, cho tới ngày giờ nầy, ổng vẫn là khách của tôi.

Bà chủ Thạnh câm miệng hến.

Sáng hôm sau, vào lúc sáng sớm, ông chủ Thạnh cầm mấy trái khổ qua ra cho sư Tâm Đức.

Ông ngạc nhiên khi thấy cô Hai Lựu thấp thoáng sau vườn. Cô Hai không có thói quen dạo vườn vào sáng sớm. Mọi khi, vào giờ nầy, cô lúc thúc trong bếp để lo bữa ăn sáng cho cha mẹ chồng.

Cô Hai Lựu cười thiệt tươi với cha chồng. Cô như muốn gián tiếp giải thích lý do tại sao cô có mặt sau vườn:

– Không khí ban mai ở ngoài vườn thiệt là tốt lành. Đi dạo một vòng

vào lúc sương còn chưa tan, thiệt là khỏe, tỉnh táo thân thể mà đầu óc lại thảnh thơi.

Ông chủ Thạnh cau mặt:

– Con ít khi ra ngoài, không quen sương sớm. Đi dạo như vậy, coi chừng sanh bịnh.

Cô Hai Lựu cúi đầu đi thẳng về nhà.

Ông chủ Thạnh tới trước chòi của sư Tâm Đức. Cửa chòi vẫn còn đóng im ỉm. Tiếng tụng kinh ấm hiểm của nhà sư vọng ra mồn một. Ông chủ Thạnh quan sát quanh sân. Sương mai vẫn còn đọng giọt trên mặt cỏ, chứng tỏ sư Tâm Đức chưa bước chưn ra ngoài.

Sư Tâm Đức vừa dứt tiếng. Ông chủ Thạnh tằng hắng một cái. Cánh cửa chòi mở rộng, nhà sư xuất hiện giữa cửa.

Ông chủ Thạnh lên tiếng trước:

– Hôm qua, nhà tôi đã ra đây mà khuấy phá thầy, thiệt là đắc tội.

Sư Tâm Đức hồn nhiên:

– Còn tôi, chẻ củi làm mất giấc ngủ của ông, thật đắc tội hơn.

Cả hai cùng cười thoải mái. Ông chủ Thạnh bước vào chòi, để mấy trái khổ qua trên bàn. Sư Tâm Đức bước ra đằng sau chái, lui cui nấu nước.

Khi bình trà đã được châm đầy, đã được rót ra hai cái chén, sư Tâm Đức mới thủng thẳng nói:

– Tôi không sợ bị phá rầy, chỉ sợ những lời thô thiển không thỏa mãn câu hỏi của bà.

Ông chủ Thạnh thành thực:

– Thầy giảng cao quá, tới tôi còn thấy khó hiểu, hà huống là vợ tôi.

Sư Tâm Đức lắc đầu:

– Không cao quá đâu. Nhìn vào đôi mắt của bà, tôi thấy có nhiều nét sáng rỡ, tinh anh. Gương mặt của bà hiền lành, phúc hậu. Phật tâm của bà đầy rẫy, chỉ cần khơi lên một chút... Tôi kém đức, chẳng biết có làm nổi công việc nầy không?

Ông chủ Thạnh muốn lảng sang chuyện khác. Ông cúi đầu ra vẻ suy tư. Một lát sau, ông ngửng lên, hỏi:

– Tôi có chuyện nầy muốn hỏi thầy.

Sư Tâm Đức vòng tay trước ngực, ra dáng lắng nghe. Ông chủ Thạnh nói tiếp:

– Như trong thời Tam Quốc, quan Tư đồ Vương Doãn âm mưu giết chết Thái sư Đổng Trác. Giết như vậy, theo thầy, phải hay không phải?

Sư Tâm Đức thoáng ngạc nhiên. Có thể là câu hỏi của ông chủ Thạnh quá bất ngờ, đường đột. Hoặc cũng có thể là nhà sư không biết tại sao ông chủ Thạnh lại hỏi mình như vậy.

Tuy nhiên, sư Tâm Đức không hề bối rối. Sư mỉm cười, từ tốn trả lời:

– Nếu làm theo cái lẽ chính đạo của người quân tử thì Đổng Trác, trên hiếp vua dối chúa, dưới sát hại dân lành, tội ác đã nhiều. Vương Doãn đã giết kẻ ác, trước là dọn sạch triều đình, sau là cứu khổ muôn dân. Phải chớ sao không phải.

Ông chủ Thạnh chưa bằng bụng::

– Tôi muốn hỏi theo cái nhìn của một người tu hành như thầy?

Sư Tâm Đức vẫn mỉm cười:

– Cái lẽ quả báo tuần hườn của nhà Phật thật là khó nói. Trồng dưa thì được dưa, trồng đậu thì được đậu.

Sư Tâm Đức cầm một trái khổ qua, đưa ra trước mặt ông chủ Thạnh:

– Nếu ông trồng một dây mướp, chắc là ông không có khổ qua mà cho tôi.

Ông chủ Thạnh thoáng sững sờ. Ông vẫn còn thắc mắc:

– Còn như Tào Tháo vì lầm mà giết hết cả nhà Lữ Bá Xa. Khi biết lầm rồi, gặp Lữ Bá Xa, cũng ra tay mà giết nữa. Giết như vậy, phải hay không phải?

Sư Tâm Đức trả lời mau:

– Ông đã nói "vì lầm mà giết" rồi mà. Đã giết lầm thì sao gọi là phải?

Nhà sư cười tủm tỉm:

– Coi bộ ông thuộc nằm lòng truyện Tam Quốc.

Ông chủ Thạnh thành thật:

– Trong tất cả các pho truyện Tàu, Tam Quốc là bộ tôi mê hơn hết thảy. Tôi đọc đi đọc lại tới nỗi thuộc lòng mà cũng còn muốn đọc nữa.

Sư Tâm Đức bỗng lửng lơ:

– Đọc chuyện Tàu nhiều, chắc ông cũng thấy rằng cái gì cũng không qua khỏi công đạo.

Ông chủ Thạnh hơi biến sắc. Ông lẩm bẩm nhắc lại:

– Cái gì cũng không qua khỏi công đạo.

Ông chủ Thạnh cầm chén nước trà, uống cạn. Ông đứng dậy, giã từ sư Tâm Đức.

Ông thơ thẩn giữa các hàng cây trong vườn. Lòng ông vẫn thắc mắc phân vân. Người đã xuất gia, sao lại nói chuyện chánh đạo của người quân tử? Sao lại nói chuyện công đạo?

Đi một vòng, ông ra tới mé sông. Dưới sông, chỗ gần lùm bình bát mà ông đã núp suốt bảy đêm, sư Tâm Đức đang vẫy vùng, bơi lội.

Ông Chủ Thạnh mỉm cười, vẫy tay cho sư Tâm Đức ngó thấy. Ông lẩm bẩm:

– Người trai nầy, giá mà đừng có tu hành, ắt là ích quốc lợi gia biết mấy.

Nói rồi, ông mới giựt mình. Không những là lòng hoài nghi của ông đối với sư Tâm Đức đã có mòi phai lạt. Mà hình như, ông lại bắt đầu có cảm tình và tin tưởng con người nầy...

*

Một buổi chiều, ông Hương quản Thành tới thăm ông chủ Thạnh. Hương quản Thành trạc gần sáu mươi tuổi, người nấm thấp, chắc chắn, mắt to hơi lộ, miệng rộng cằm vuông. Tiếng nói của ông rổn rảng.

Ông nói ngay với ông chủ Thạnh mục đích chuyến viếng thăm của mình:

– Bẩm Chủ, tui có một công sự quan trọng. Chủ là người trên trước, tui phải hỏi ý kiến của Chủ.

Ông chủ Thạnh, trong bụng đã biết Hương quản Thành gặp ông với mục đích gì, nhưng ông vẫn niềm nở:

– Có gì vậy, chú Quản? Cần tôi điều chi, chú cứ nói.

Hương quản Thành nói thẳng:

– Chắc Chủ có nghe nói về cái lịnh của quan chủ Quận. Ông Quận Nhiều ra cái lịnh nầy cũng thật là ngặt.

Ông chủ Thạnh gật đầu:

– Hổm rày, tui cũng có nghe qua.

Ông hơi liếc mắt nhìn ông Hương quản Thành. Với kinh nghiệm xét người của ông, ông không tin Hương quản Thành lại tàn tệ như ông Cả Bường đã nói. Đôi mắt của Hương quản Thành, tròng trắng nổi ba phía, tuy có lộ hung quang, nhưng đâu phải biểu lộ cho bản tánh tiểu nhơn. Hơn nữa, khi nói chuyện, y luôn luôn nhìn thẳng, chớ không có lén lén, lút lút, không ngó lên hay ngó xuống, liếc dọc hay liếc xuôi, đâu phải là hạng tiểu tâm. Con người nầy, dưới mắt ông, nếu gặp thời làm tướng, tung đao vọt

ngựa, chắc đâu có thua gì Trương Phi thời Tam Quốc. Nghe nói, võ nghệ của y cũng cao cường...

Hương quản Thành hỏi lớn:

– Bẩm Chủ, như vậy, Chủ dạy tui phải làm sao?

Ông chủ Thạnh chậm rãi:

– Chú là Hương quản, lịnh trên dạy sao, chú phải làm y như vậy. Chú làm theo lịnh, đâu có sợ thiên hạ to nhỏ phê bình.

Hương quản Thành thở phào ra vẻ đã giải quyết được một nỗi lo quan trọng. Y hớn hở:

– Chủ dạy làm vậy, thiệt là đỡ khổ cho tui. Tui chỉ sợ Chủ không hiểu bụng tui mà đâm ra phiền trách.

Ông chủ Thạnh thân mật:

– Trong bụng chú còn biết tới tôi, còn tới nói chuyện với tôi, tôi cám cảnh không hết, lẽ nào lại trách chú?

Hương quản Thành nói thẳng:

– Bẩm Chủ, như vậy là chủ đứng đầu danh sách...

Ông chủ Thạnh điềm nhiên:

– Chú cứ làm theo ý chú. Phần tôi, tôi biết lo liệu...

Bữa cơm chiều hôm đó, ông chủ Thạnh ăn không hết hai chén. Nghĩ tới cơ sự phải đối phó với Quận Nhiều, lòng ông bứt rứt không an. Ông đi tới đi lui trong căn phòng giữa không biết bao nhiêu lần. Ông biểu Hai Quờn giăng mùng ở bộ ván nơi phòng khách cho ông ngủ. Ông không muốn ngủ trong buồng.

Mùng mền sửa soạn xong Hai Quờn không chịu lui. Y luẩn quẩn bên chủ, như muốn chia sớt nỗi lo với chủ.

– Bay tắt đèn lớn đi. Thắp một ngọn đèn chong. Rồi, đi nghỉ.

Hai Quờn làm theo lời ông chủ Thạnh. Trước khi rời phòng, y còn quay lại ngó ông chủ Thạnh hai, ba lần. Làm như y không muốn rời chủ.

Ông chủ Thạnh giở mùng, chun vô. Nằm vắt tay lên trán, ông suy nghĩ lung lắm. Nếu tổ chức ám sát Quận Nhiều, việc ấy quá dễ. Chỉ cần xuất tiền ra, giang hồ hảo hớn, thiếu gì người có thể nhờ cậy được. Quận nầy, bấy lâu lại bình yên vô sự. Sự canh gác, phòng thủ, vì đó, mà hời hợt đơn sơ, chớ không cẩn mật như những nơi khác. Tuy nhiên, nếu Quận Nhiều bị giết chết, nhà nước Bảo Hộ sẽ có những biện pháp an ninh đối với quận, bọn mã tà sẽ được dịp mà tung hoành sách nhiễu, nghĩ tội cho dân. Phải

nghĩ ra cách nào mà làm cho Quận Nhiều thân bại danh liệt, cất đầu không nổi, trồi đầu không lên, để trả thù cho những người đã bị nó hại chết. Làm như vậy mới thiệt là thống khoái.

Ông chủ Thạnh trằn trọc, trăn trở rất lâu mà vẫn không ngủ được. Ông giở mùng chun ra, lại ngồi trên cái ghế trường kỷ. Ngồi lo ra một hồi, ông chủ Thạnh chợt nảy ra ý định đi thăm sư Tâm Đức. Đêm khuya thanh vắng, một già một trẻ đàm đạo chuyện nhơn tình thế cố, ắt là thú vị vô chừng.

Nghĩ sao, làm vậy, ông chủ Thạnh nhẹ nhàng rút cây song hồng gài cửa, khẽ hé cửa mà đi ra.

Ông ngước mắt nhìn trời. Mặt trăng mới lên được lưng chừng bờ chuối. Ông chợt nhớ bữa nay nhằm ngày mười chín âm lịch. "Mười chín nhín một canh". Trăng mới lên tới đó, chắc là mới vô canh hai.

Ông chủ Thạnh lần dò đi trong bóng đêm. Khí trời mát lạnh, ông chỉ mặc phong phanh trên người một bộ bà ba bằng lụa lèo, mỏng dánh. Ông chợt rùng mình, tính thoái bộ.

Nhưng, không biết nghĩ sao, ông chủ Thạnh vẫn bước tới. Ông mỉm cười vu vơ khi tưởng tượng ra vẻ mặt ngạc nhiên của sư Tâm Đức khi thấy ông gõ cửa đang đêm.

Tiếng côn trùng rỉ rả canh khuya, hòa lẫn với tiếng ếch nhái, ễnh ương, nghe cũng khá vui tai. Một vài con chim ăn đêm bay thấp, sập sận tìm mồi.

Một con dơi quạ, đôi cánh giang rộng, dài gần cả thước, bay sát đầu ông chủ Thạnh. Mùi hôi của con dơi bay hắt vào mũi ông. Ông cau mặt lẩm bẩm:

– Cái giống "phi điểu phi thú" nầy thiệt là thấy ghét. Giống gì cho ra giống ấy, cớ sao, thú cũng không phải mà chim cũng không phải?

Ông chủ Thạnh, bình tố, rất ghét loài dơi. Một phần vì loài nầy phá hoại rất nhiều cây trái trong vườn, một phần khác, vì cái bản chất "không phải chim, không phải thú" của chúng. Ông muốn cái gì cũng phải rõ ràng, trắng đen minh bạch. Ông ghét loài dơi tới nỗi thịt dơi, ông không thèm ăn, mặc dù nhiều lần ông nghe thiên hạ nói, máu dơi quạ hòa với rượu, hay thịt dơi quạ tiềm với thuốc bắc, là những món bổ dưỡng, tăng cường sinh lực.

Lần dò một hồi, ông chủ Thạnh cũng tới được trên gò. Đứng sát bên bờ tre, ông hít vô một hơi thật dài. Ông muốn tạo một sự ngạc nhiên cho sư Tâm Đức. Ý nghĩ nầy làm ông thích thú.

Từ trong chòi, ánh đèn vàng vọt hắt ra, xuyên qua các kẽ lá, chứng tỏ sư Tâm Đức còn thức. Ông chủ Thạnh còn nghe sư Tâm Đức ngâm thơ:

Túy ngọa sa trường quân mạc tiếu
Cổ lai chinh chiến kỷ nhân hồi.

Ông lại lẩm bẩm:

– Người trai nầy là một tráng sĩ phải hơn.

Ông dợm chưn, tính bước vô sân. bỗng nhiên, ông thấy ngọn đèn trong chòi tắt phụp và cánh cửa chòi hé mở. Ông định lên tiếng, nhưng khi thấy cách ăn mặc của sư Tâm Đức, ông ngậm miệng lại ngay. Ông nép mình sát vô bờ tre, không dám thở mạnh.

Dưới ánh trăng, sư Tâm Đức hiện ra tỏ rõ. Nhà sư không mặc bộ quần áo nâu thường nhật, mà là một bộ áo quần đen bó sát thân người. Đầu của nhà sư bịt một chiếc khăn cũng màu đen. Chiếc khăn che hết vầng trán, xuống gần tới mắt.

Sư Tâm Đức quay lưng khép cửa. Chỉ hai bước nhẹ, nhà sư đã đứng ở giữa sân. Nhà sư khuỳnh hai tay đưa lên ngang ngực, ngửng mặt, hít mạnh một hơi, rồi từ từ thả hai tay xuống.

Ông chủ Thạnh nín khe, không dám gây một tiếng động nhỏ. Sư Tâm Đức hít thở như vậy liên tục độ mươi lần. Nhà sư đảo mắt quan sát một vòng, dường như coi chừng động tĩnh, rồi bước đi.

Ông chủ Thạnh hồi hộp, bối rối. Ông đã để ra suốt bảy đêm, núp trong lùm trong bụi, chịu muỗi mòng, để theo dõi sư Tâm Đức, mà không thu hoạch được cái gì hết. Bữa nay, chỉ tình cờ, mà ông có được một khám phá lớn.

Đợi cho sư Tâm Đức đi được một khoảng khá xa, ông chủ Thạnh mới nhoài người ra theo dõi.

Sư Tâm Đức đi xuống bờ sông. Ông chủ Thạnh phải bò sát đất và cố tình không gây ra một tiếng động nhỏ.

Sư Tâm Đức đứng gần bên lùm bình bát. Ông chủ Thạnh nghe rõ một tiếng kêu ngắn phát ra như cú rúc. Từ ngoài sông, một chiếc tam bản rẽ nước tiến vô bờ.

Chiếc tam bản còn cách bờ khá xa. Sư Tâm Đức bỗng phóng mình lên, đáp nhẹ xuống ghe. Hai tay nhà sư dang rộng, trông như đôi cánh chim bằng. Chiếc ghe quay mũi...

Trời đêm lạnh ngắt, nhưng ông chủ Thạnh toát mồ hôi. Ông nhoài người

nhổm lên, cố tình quan sát để xem kẻ chèo xuống là ai. Nhưng ông chỉ thấy một bóng đen, vóc dáng khá to lớn. Ông không thể nhận diện được.

Ghe đi xa rồi, ông chủ Thạnh mới đứng hẳn dậy. Ông tần ngần cả đỗi, cứ đứng ngó ra mặt sông. Tới khi cảm thấy lạnh buốt cả hai vai, ông mới thẫn thờ đi về nhà. Vừa đi, ông vừa lẩm bẩm:

– Thì ra, nó về làng nầy, không phải chỉ có một. Tụi nầy là ai, hành tung sao có vẻ khuất lấp?

Bất giác ông buông tiếng thở dài...

Sáng hôm sau, Hai Quờn, lên dọn mùng mền cho chủ, đã hết sức ngạc nhiên, ngó lom lom vào những vết bùn đất lấm lem trên áo quần của chủ.

Ông chủ Thạnh giải thích:

– Hồi khuya, tao ra sân đi tiểu, bị vấp té...

Húp vội vàng một tô cháo xong, ông biểu Hai Quờn cắt cho ông một trái bầu.

Ông cầm trái bầu ra tặng cho sư Tâm Đức. Ông nói:

– Tôi trồng bầu, mới có bầu mà cúng dường cho thầy.

Sư Tâm Đức cười lớn, nhắc lại lời đã nói bữa trước:

– Trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu.

Ông chủ Thạnh kín đáo quan sát nét mặt của sư Tâm Đức. Ông thất vọng khi thấy nét mặt sư Tâm Đức không có gì thay đổi, vẫn cương nghị nhưng hiền hòa, khắc khổ nhưng tươi nhuận.

Ông chủ Thạnh làm bộ nhăn nhó:

– Hồi hôm, tôi ra ngoài sân để đi tiểu, bị trợt té, rêm cả mình mẩy.

Sư Tâm Đức ân cần:

– Bẩm chủ, ông đã có tuổi rồi, ban đêm ban hôm, cần đi ra ngoài, phải kêu trẻ rọi đèn. Đừng đi trong bóng đêm mà gặp điều bất trắc.

Sư Tâm Đức nói, ánh mắt vẫn thẳng thắn, sáng trong. Về phần ông chủ Thạnh, khi nghe xong, lòng bỗng xốn xang, rối rắm. Ông cúi mặt ngó xuống đất...

GIỚI THIỆU SÁCH BÁO MỚI

● **Rồng Rắn**

Chuyện dài Lê thị Huệ. Lũy Tre Xanh xuất bản 1989. Sách dày 274 trang. Giá 10 mỹ kim.

● **Từ Một Giấc Mơ**

Tuyển tập thơ văn của nhiều cây bút trẻ trong trang Thanh niên Sinh viên Học sinh trên báo Người Việt từ 1986 đến 1989. Người Việt xuất bản tháng Hai 1990. Tranh bìa Nguyễn Hải Chí. Trình bày Nguyễn Đồng, Nguyễn thị Hợp. Giá 12 mỹ kim.

● **Khúc Hát Dâng Tình**

The Song of Love. Đào Mộng Nam dịch từ bản tiếng Anh và Pháp sang thơ Việt theo thể điệu diễn ngâm song thất lục bát. Lời Vàng xuất bản 1990. Sách dày 157 trang. Dịch giả trình bày. Phụ bản của Chagall. Giá 18 mỹ kim.

● **Tuyển Tập Thi Viết Văn Hè 88**

Tuyển tập thi viết văn hè 88. Người Việt xuất bản tháng Hai 1990. Tranh bìa Nguyễn Hải Chí. Trình bày bìa và phụ bản Nguyễn Đồng, Nguyễn thị Hợp. Kỹ thuật Thúy Hằng, Yến Trần, Nguyễn Thiện Cơ. Sách dày 135 trang. Giá 8 mỹ kim.

● **Prison Corps Exil Animalité**

Thơ bằng tiếng Pháp của Lê Hữu Khoa. L'Harmattan Paris xuất bản. Không đề giá bán.

THƯ VĂN HỌC

● Văn Học xin thông báo cùng quý độc giả. Văn Học vẫn nhận được báo gửi trả về vì địa chỉ quý vị đã đổi mà không thông báo để chúng tôi điều chỉnh kịp. Văn Học hoàn toàn không chịu trách nhiệm về những mất mát liên quan đến việc thay đổi địa chỉ này.

● Văn Học nhận được một số personal check của quý độc giả ở ngoài nước Mỹ mà nhà băng không có chi nhánh ở Mỹ. Chúng tôi không thể lãnh được tiền, vì bị tính tiền phục vụ là 5 mỹ kim cho mỗi cái check. Kính xin quý độc giả hoặc gửi bằng money order hoặc bằng bất cứ một cái check nào mà nhà băng có chi nhánh ở Mỹ.

● Nhà xuất bản Thời Văn xin thưa cùng những độc giả đã gửi thư tới hỏi: Thời Văn hiện giờ đã xuất bản Ngôi Nhà Sau Lưng Văn Miếu của Trần Vũ, Ly Thân của Trần Mạnh Hảo, Nhứt Biết Nhì Quen của Nguyễn Đức Lập. Trong tháng Năm này sẽ ra quyển Sợi Chỉ Trong Hồn của Nguyễn Ý Thuần và Cánh Cửa của Nhật Tiến. Vì số sách còn quá ít nên chưa thể có hẳn một cái list để gửi đến quý vị.

Văn Học

Đón đọc:

CÁNH CỬA

Tập truyện của NHẬT TIẾN

Thời Văn xuất bản tháng Năm 1990

Nhà xuất bản

tân thư

Trân trọng giới thiệu :

có yêu em không?

tập truyện của Khánh Trường

Những chất liệu không đãi lọc trong cuộc sống.
Một sắc thái mới trong văn học Việt Nam hải ngoại.

Dày 352 trang. Bìa tác giả.
Phụ bản: Nguyễn Đồng, Võ Đình, Ngọc Dũng,
Thái Tuấn, Nguyễn Trọng Khôi
Phát hành đầu tháng 5/1990

Nhà Xuất Bản
TÂN THƯ
13081 Hope St, Garden Grove, Ca 92643
USA
(714) 537-2468
Thư từ bưu phiếu xin đề Khánh Trường

Nhà Xuất bản Thời Văn

Xuất bản năm 1990

ngôi nhà sau lưng văn miếu	*trần vũ*
cánh cửa	*nhật tiến*
thư không người nhận	*hoàng khởi phong*
sống dở	*hoàng việt*
nhà văn nói với chúng ta	*nguyễn mạnh trinh*
sợi chỉ trong hồn	*nguyễn ý thuần*
trần ai khoai củ	*nguyễn đức lập*
mười lăm năm nhìn lại	*tuyển tập*

Đã in:

CÂY GẬY LÀM MƯA, tập truyện ĐỖ KH.

MƯỜI TRUYỆN TÂN LIÊU TRAI, tập truyện THĂNG LONG VĂN SĨ

THƠ ĐỖ KH., thơ

CÓ YÊU EM KHÔNG? tập truyện KHÁNH TRƯỜNG

Sẽ in:

THƠ PHẠM VIỆT CƯỜNG, thơ

TÂM
AUTO CENTER

1610 N. Fairview St, Sangta Ana, CA 92706
(Góc Westminster và Fairview)

(714) 554.2314

LÀM ĐỒNG - SƠN
SỬA CHỮA VÀ BÁN TẤT CẢ CÁC LOẠI XE

Đặc Biệt Làm Máy Xăng - Dầu - Tune Up
Làm Thắng - Rebuild Hộp Số - Carburaror
mở cửa từ 7 giờ sáng đến 7 giờ chiều
chủ nhật từ 7 giờ sáng đến 12 giờ trưa

Bác Sĩ

VŨ ĐÌNH MINH

DIPLOMATE AMERICAN BOARD OF INTERNAL MEDICINE AND PULMONARY DISEASES

CHUYÊN TRỊ: BỆNH NỘI KHOA, BỆNH PHỔI

- Bệnh Nội Khoa: Tiểu Đường - Máu Cao...
- Bệnh phổi: Ho - Suyễn - Đau Ngực - Lao - Khó Thở

NHẬN MEDICAL VÀ BẢO HIỂM

Giờ làm việc: (gọi lấy hẹn)
Ngày thường: 9 - 12 am & 1 - 6 pm
Thứ Bảy: 9am - 1pm

Tel: **(714) 641-0263**
2720 S. Bristol # 118 Santa Ana, CA 92704

TRUNG TÂM CHUYÊN KHOA

BỆNH TRĨ

- CHỮA TRỊ BẰNG TIA LASER DỨT TUYỆT
- PHƯƠNG PHÁP TỐI TÂN NHẤT ĐỂ ĐỊNH BỆNH VÀ TRỊ BỆNH
- KHÔNG CẦN NẰM BỆNH VIỆN
- KHÔNG RA MÁU, KHÔNG ĐAU
- TRĨ NỘI, TRĨ NGOẠI, TRĨ SA
- MẠCH LƯƠN, SA RUỘT, MỒNG GÀ
- UNG THƯ ĐƯỜNG RUỘT, BỆNH BAO TỬ, SẠN MẬT
- CƠ VÒNG SUY YẾU, SỬA ÂM ĐẠO, CẮT QUY ĐẦU
- SỬA LẠI BỘ PHẬN SINH DỤC NHƯ THỜI SƠN TRẺ

BÁC SĨ TRẦN TIẾN HUYẾN, MD, FACS

tốt ngiệp bằng chuyên khoa giải phẫu tổng quát tại university pittsburgh
tốt ngiệp siêu chuyên khoa giải phẫu đường ruột và trĩ tại ferguson clinic, mi
nguyên giảng sư y khoa đại học sàigòn

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - TẤT CẢ CÁC LOẠI BẢO HIỂM
GIÁ ĐẶC BIỆT CHO NHỮNG NGƯỜI TRẢ TIỀN MẶT

14571 MAGNOLIA St # 207	1905 N. COLLEGE Ave # C
WESTMINSTER, CA 92683	SANTA ANA, CA 92706

CENTRAL VALLEY MEDICAL CLINIC

7227 RESEDA Blvd, RESEDA, ca 91335

Tel **(818) 708-7227**

Bs NGUYỄN VĂN HƯNG MD
Bác sĩ Điều trị Olive Medical Center
(khu cấp cứu và quang tuyến)
BS TRƯƠNG NGỌC THẠCH MD
Bác sĩ điều trị Olive View Medical Center
(khu theo dõi nội khoa và chương trình săn sóc toàn diện)
GIỜ LÀM VIỆC
Thứ Hai - Thứ Sáu 9Am đến 8 Pm
Thứ Bảy - Chủ Nhật 9Am đến 3Pm
Nhận MEDICAL & BẢO HIỂM
Bãi đậu xe rộng rãi và miễn phí

Bác sĩ

NGUYỄN VĂN THẾ M.D

Y KHOA TỔNG QUÁT & BÁC SĨ GIA ĐÌNH

ĐIỀU TRỊ

• CÁC BỆNH NỘI NGOẠI THƯƠNG TỔNG QUÁT • BỆNH TOÀN KHOA NGƯỜI LỚN, TRẺ EM • BỆNH PHỤ NỮ VÀ THĂM THAI • KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH • CHÍCH NGỪA • KHÁM BỆNH NHẬP HỌC • TIỂU GIẢI PHẪU •CÁC LOẠI TAI NẠN •HỢP TÁC VỚI CHƯƠNG TRÌNH BÔNG SỮA WIC •

NHẬN LÀM BÁC SĨ GIA ĐÌNH

NHẬN MEDICAL & BẢO HIỂM

GIỜ LÀM VIỆC

– Ngày Thường: 9:30 Am – 6:30 Pm

– Thú Bảy: 9:30 Am – 3:00 Pm

– Thứ Tư – Chủ Nhật Nghỉ

9196 Bolsa Ave • Westminster, CA 92683

(714) 898.5951 / 898.2967

Bác sĩ

TÔN THẤT NIỆM, M.D.

BÁC SĨ Y KHOA - CHUYÊN KHOA TÂM THẦN

PSYCHIATRIST

Tel: (714)531-8720
Khám bệnh theo hẹn

9533 Bolsa Ave
Westminster, CA 92683

Bãi đậu xe rộng rãi và miễn phí

BÁC SĨ

TRẦN TRÚC QUANG

CHUYÊN KHOA NỘI THƯƠNG

LEOHMANN'S PLAZA

7309 Arlington # 314

Fallchurch, VA 22042

(703) 560-0388 / 0389

- tốt nghiệp chuyên khoa nội thương hậu đại học chương trình Georgetown
- hội viên hội y sĩ đoàn hoa kỳ
- bác sĩ điều trị cho đài tiếng nói Hoa kỳ (VOA), sở di trú và nhập tịch Hoa kỳ (INS), và cơ quan bảo vệ môi trường (EPA) tại Washington DC

GIỜ LÀM VIỆC (theo hẹn)

Thứ Hai - Thứ Sáu: từ 9 giờ sáng đến 7 giờ tối

Thứ Bảy: từ 9 giờ sáng đến 3 giờ chiều

Chủ Nhật: Theo hẹn

NHA Y SĨ

ƯTHỊ MỸ LAN

GENERAL DENRISTRY

Chữa Bệnh Nướu Răng

9141 Bolsa Ave # 302

(714) 898-6449

Giờ Làm Việc:

Ngày Thường: Từ 10Am đến 7Pm

Thứ Bảy: Từ 9Am đến 6Pm

Chủ Nhật: Từ 10Am đến 2Pm

PHIẾU MUA BÁO DÀI HẠN

(giá biểu kể từ 5 - 1987)

Họ và tên bạn đọc .....
Địa chỉ .....
Zip Code .....

Đồng ý mua dài hạn Văn Học từ số..... đến số .....

Mua dài hạn tại Hoa kỳ và Canada (gửi hạng tư)

Sáu tháng 15Mk
Một năm 30Mk

Mua dài hạn tại Hoa kỳ và Canada (gửi hạng nhất)

Sáu tháng 21Mk
Một năm 42Mk

Giá biểu cho bạn đọc ở Âu châu

Sáu tháng, gửi tàu thủy 21Mk
Một năm, gửi tàu thủy 42Mk
Sáu tháng, gửi máy bay 33Mk
Một năm, gửi máy bay 66Mk

Giá biểu cho bạn đọc ở Á và Úc châu

Sáu tháng, gửi tàu thủy 21Mk
Một năm, gửi tàu thủy 42Mk
Sáu tháng, gửi máy bay 40Mk
Một năm, gửi máy bay 80Mk
Đính kèm số tiền .....

(trả bằng Mỹ kim, ngoài Hoa kỳ xin trả bằng international money order hoặc bưu phiếu, đề tên Văn Học)

Văn Học • P.O. Box 3192 • Tustin • CA, 92680 • USA

PHIẾU TẶNG BÁO VĂN HỌC

Họ và tên .....
Địa chỉ .....
.....
Muốn mua: * Sáu tháng báo Văn Học .....
* Một năm báo Văn Học .....
Để tặng cho .....
Địa chỉ .....
.....
Đính kèm ngân chi phiếu ..... Mk

Văn Học • P.O. Box 3192 • Tustin • CA, 92680 • USA

Tìm Đọc

Ngôi Nhà Sau Lưng Văn Miếu

của **Trần Vũ.**

Đã có bán tại các nhà sách.

Nhà xuất bản
THỜI VĂN

P.O Box 3192
Tustin, CA 92680
USA
Phone: **(714) 544-7650**
Ngân chi phiếu xin đề
Cao Xuân Huy

NVPrinting (714) 897-3828

Nhà xuất bản VĂN NGHỆ

P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683 - USA
Phone (714) 832-8445
Ngân, chi phiếu xin đề Văn Nghệ

☐ *SÁCH IN NĂM 1989:*

– TỐI THÁNG NĂM TẠI QUÁN ĂN ĐƯỜNG FIFTH *Tập truyện Nguyễn Ý Thuần*	10MK
– CHIẾC CẦU TRÊN SÔNG DRINA *Ivo Andritch, Nguyễn Hiến Lê dịch*	14MK
– ĐƯỜNG MỘT CHIỀU *Tiểu thuyết Nguyễn Mộng Giác*	7MK
– Ý CAO TÌNH ĐẸP *Nguyễn Hiến Lê tuyển dịch*	8MK
– TRUYỆN NGẮN II *Võ Phiến*	14MK
– YOGA CĂN BẢN *Võ Đình Mai*	8MK
– THA HƯƠNG (MBĐ5) *Tiểu thuyết Nguyễn Mộng Giác*	21MK
– THẦN, NGƯỜI VÀ ĐẤT VIỆT *Khảo luận Tạ Chí Đại Trường*	16MK
– CĂN NHÀ NGÓI ĐỎ *Nguyễn Xuân Hoàng*	8MK
– CỎ VÀ TUYẾT *Thơ Đỗ Quý Toàn*	8MK
– BÀI HỌC CỦA LỊCH SỬ *Will và Ariel Durant* *Nguyễn Hiến Lê và Trần Lương Ngọc dịch*	8MK
– QUÊ HƯƠNG *Thơ tình Định Nguyên*	8MK
– THÈM HOANG *Truyện dài Nhật Tiến*	8MK
– MỘT THƯƠ LÀM "TRÙM" *của Nguyễn Tấn Hưng*	8MK
– LỚP LỚP PHÙ SA *Truyện dài Kiệt Tấn*	13MK
– HỒI KÍ TẬP I *của Nguyễn Hiến Lê*	14MK
– MỘT QUẢ CƯỜI MÙA XUÂN *của Kiều Phong*	7MK
– GIÓ ĐÊM *Tập truyện Trần thị Kim Lan*	7MK
– TẠP BÚT *của Võ Phiến*	16MK
– NGHĨ VỀ THƠ *Biên khảo của Nguyễn Hưng Quốc*	9MK

Ngoài Hoa kỳ thêm 1MK cước phí cho mỗi cuốn
Muốn có thư mục đầy đủ, xin liên lạc nhà xuất bản.

Giá 3 Mỹ kim